

Tác Giả và Tác Phẩm

Thụy An (I)

Tiểu sử

Bút hiệu: Thụy An Hoàng Dân.
(Xem Vài hàng về tác giả)

Tác phẩm

Một linh hồn – Bốn mớ tóc



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - Wikipedia - 2
Nhà văn nữ Thụy An – Viên Linh – 4
Giết chó - 5
Thụy An – Vũ Ngọc Phan - 11
Về bài thơ “Chiếc lược” của Thụy An - 14
Thụy An Nhân Văn Giai Phẩm - Thụy Khuê – 18
Sao lại mùa thu - 28
Trường hợp nhà báo nhà văn nhà thơ Thụy An - Nguyễn Tà Cúc - 32
Nghĩ án 60 năm – Trần Gia Phụng - 38

Phụ đính I :

Bà mẹ, cô con và mớ tóc
Chuyện bỏ, mẹ, bé và con búp bê

Phụ đính II :

Các bản tin về phiên tòa xử Nhân Văn – Giai Phẩm
Lại Nguyễn Ân sưu tầm và biên soạn

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả Wikipedia



Chân dung Thụy An,
trong sách Nhà Văn hiện đại

Thụy An tên thật là Lưu Thị Yến (1916-1989), là một nhà văn và là người phụ nữ duy nhất bị kết án tù, rồi tự chọc mù một mắt của mình, do bị tố cáo là gián điệp, phản động trong vụ án Nhân Văn - Giai Phẩm tại Việt Nam.

Tiểu sử

Thụy An sinh tại Hà Nội, nhưng quê gốc ở làng Hòa Xá, quận Vân Đình, tỉnh Hà Đông, là con ông Lưu Tiến Ích và bà Phùng Thị Tôn. Có khiếu thơ văn từ nhỏ nên năm 13 tuổi, bà đã có thơ đăng trên báo Nam Phong (1929) và 3 năm sau, lại nhận được giải thưởng văn chương của Triều đình nhà Nguyễn. Chồng Lưu Thị Yến là nhà văn, nhà giáo Bùi Nhung bút hiệu là Bằng Dương, em ruột học giả Bùi Kỷ. Nhưng sau khi bà sinh được 6 người con, thì ly thân với chồng từ 1949. Người tình của Lưu Thị Yến là ông Đỗ Đình Đạo, một nhân vật quan trọng của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Sau ông Đỗ Đình Đạo chết vì một nguyên do còn nhiều nghi vấn.

Trong thời kỳ Nhân Văn–Giai Phẩm, nhà văn Phan Khôi nhận Lưu Thị Yến là con nuôi. sau khi báo Nhân Văn và Giai Phẩm bị đình bản, bà bị bắt năm 1958 và trong phiên tòa ngày 21 tháng 1 năm 1960 xét xử bà tại Hà Nội, nhiều nhân chứng đều cho rằng bà đã có ảnh hưởng không nhỏ đối với một số văn nghệ sĩ tham gia phong trào này. Tuy nhiên, những người trong cuộc như Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt phủ nhận sự tham gia của bà trong nhóm. Năm 1973, Lưu Thị Yến cùng với Nguyễn Hữu Đang, cũng bị tù vì vụ Nhân Văn–Giai Phẩm, được thả trong diện "Đại xá chính trị phạm trong hiệp định Paris". Vào thành Sài Gòn, bà quy y ở Chùa Quảng Hương Già Lam năm 1987 và mất năm 1989, tại nhà riêng ở đường Lê Văn Sĩ.

Nghệp văn

Thụy An đã từng làm chủ nhiệm những tờ *Đàn Bà Mới* (Sài Gòn), *Phụ Nữ Tân Văn* (Sài Gòn), *Đàn Bà* (Hà Nội), đã từng là quyền giám đốc Việt Tấn Xã và phóng viên chiến trường. Về mặt sáng tác, Vũ Ngọc Phan trong *Nhà văn hiện đại* cho biết: *Tác giả Thụy An vốn là một nhà thơ. Tôi đã đọc thơ của Thụy An trong Phụ Nữ Tân Văn, trong Đàn bà mới và trong tuần báo Đàn bà.*^[9] Đánh giá về tiểu thuyết *Một linh hồn* của Thụy An, Vũ Ngọc Phan viết:

Một linh hồn chính là một tiểu thuyết tình cảm, tả những tình tình rất ngây thơ, rất trong sáng của Vân, một cô gái giàu lòng tin ngưỡng và giống như một bông sen, tuy “ gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”...

Nhưng đọc Một linh hồn, người ta nhận thấy điều này không được thiết thực: Hà Nội chưa có cái trình độ có một gái giang hồ sang trọng như Bảy Thanh, có lẽ tác giả đã đem cái khung cảnh Nam Kỳ, là nơi tác giả đã từng ở lâu năm, ra đất Bắc. Điều thứ hai nữa là đọc Một linh hồn, người ta vẫn chưa có cảm tưởng mình sống trong truyện cùng các nhân vật. Có lẽ Thụy An đã tả Bảy Thanh bằng những nét bút thô bạo quá và tả Vân bằng những nét mềm yếu quá chăng?

Tuy vậy, Một linh hồn cũng đáng kể là một tiểu thuyết xuất sắc của phụ nữ Việt Nam từ trước đến nay: tác giả đã giàu tưởng tượng, truyện lại xây dựng một cách vững vàng, chắc chắn.

Thụy An và vụ Nhân văn-Giai Phẩm

Về vai trò của Lưu Thị Yến trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, Bàn Sĩ Nguyên cho biết: *Thụy An là người phụ nữ duy nhất - ở trong hay ở ngoài phong trào - bị kết án là "gián điệp". Bà là một trường hợp đặc biệt, theo Lê Đạt và Nguyễn Hữu Đang, bà không ở trong Nhân Văn Giai Phẩm, vậy mà tên bà được nêu lên hàng đầu trong "hàng ngũ phản động" với nhãn hiệu "Con phù thủy xảo quyệt" và những lời lẽ độc địa nhất dành cho bà: "Như vắt người thấy máu, Thụy An như rắn bò tới Hội Nhà văn phun nọc độc sát chế độ ta bản cùng hoá nhân dân"* Vậy, vụ án Thụy An có phải là một vụ án chính trị? Hay là một sự quy kết oan uổng?

Ông Nguyễn Hữu Đang nói nguyên văn như sau:

Bà Thụy An không tham gia gì vào nhóm Nhân Văn Giai Phẩm cả. Bà ấy không viết một bài, một câu, một chữ nào cho Nhân Văn cả. Bà ấy cũng không hề mách nước, bàn bạc gì với người khác hay với tôi bao giờ cả. Không, không hề có, tuy rằng có quan hệ, thỉnh thoảng có gặp nhau, cũng nói chuyện.

Nhà thơ Lê Đạt cũng có khẳng định:

Tôi nhắc lại một lần nữa là chị Thụy An chưa bao giờ ở trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm cả. Nhưng chị Thụy An rất thân với anh em trong Nhân Văn Giai Phẩm và đặc biệt là thân với tôi. Người ta buộc tội chị Thụy An, người ta cứ buộc tội mập mờ thế thôi, nhưng tội chính của chị Thụy An là thế này: Là gián điệp cài lại để lũng đoạn nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Nhưng cho đến khi tôi biết thì tôi cũng chẳng thấy chị ấy viết bài nào cho Nhân Văn Giai Phẩm cả. Tôi có thể bảo đảm 100% chị ấy không phải là gián điệp. Tại vì thế này: Nếu là gián điệp thì phải có chúng có chú! Chị nhận tiền của ai? Nhận tiền ở đâu? Liên lạc với ai? Cho đến bây giờ tôi vẫn thấy đó là một câu hỏi mà nhà nước chưa trả lời tôi được. Chưa có chúng có thì làm sao có thể kết luận người ta là gián điệp được. Cho nên tôi thấy riêng tôi bây giờ nói những dòng này, tôi vẫn khao khát và thiết tha có một dịp nào đó, người ta phục hồi chị Thụy An một cách chính thức. Không có thì riêng tôi, tôi đối với chị Thụy An, tôi vẫn cho là món nợ. Còn về chị Thụy An, tôi phải nói thế này: Chị Thụy An là một người rất giỏi. Chị ấy là một trong những cây bút nữ đầu tiên của Việt Nam. Mà theo tôi, chị Thụy An nói kín hờ cho tôi biết, thì chị ấy đã từng tham gia kháng chiến! Việc liên lạc với kháng chiến trong thời ấy thì mình mất mối là chuyện bình thường, mà mất mối thì mình không thể chứng minh được. Bây giờ cũng đã lâu rồi, đã gần 50 năm rồi. Tôi thấy chúng ta có thể mở những kho tài liệu ra để buộc tội hoặc minh oan cho một người cho rõ ràng và khi mình đặt rõ ràng về phạm vi rồi thì mình phải trả lại danh dự cho người ta. Và lúc đó chúng ta hãy bàn đến vấn đề chị Thụy An đóng góp gì trong cái phong trào thời ấy. Lúc đó chúng ta có đủ bình tĩnh hơn để bàn về vấn đề này. Riêng tôi thì không bao giờ tôi quên công của chị Thụy An đối với tôi cả.

Nhà văn nữ Thụy An Viên Linh



Khởi Hành số 77 (tháng 3.2003) đã đăng một truyện ngắn của bà Thụy An, nhan đề *Giết chó*, do chúng tôi sưu tập từ *Tạp chí Phổ Thông* của Hội Ái hữu Sinh viên Trường Luật Hà Nội.

Lời giới thiệu của bốn báo chủ bút năm đó tới nay xem ra vẫn còn giá trị, nhiều người đã biết đến Thụy An, tìm hiểu thêm về Thụy An, một nhà văn nữ tài ba, tiên phong trong nghề so với các nhà văn nữ Việt Nam từ đó đến nay. Xin trích lại một phần lời giới thiệu đó nơi đây:

"Thụy An Hoàng Dân là một nhà văn nữ nổi tiếng từ khoảng 1940, vừa qua văn chương vừa bởi cách sống, song danh vọng đã không rực rỡ, số phận lại còn gian lao, vào tù ra khám, một đời văn va chạm với sắt máu.

Thụy An là bút hiệu của bà Lưu Thị Yến, sinh năm 1916 ở Hà Nội, quê gốc ở làng Vân Đình, Hà Đông, con ông Lưu Tiến Ích và và Phùng thị Tôn.

Năm 13 tuổi bà có thơ đăng trên *Nam Phong tạp chí*, sau này từng viết cho các báo *Phụ Nữ Tân Văn* khi Phan Khôi là chủ bút, và trên hai tờ *Đàn Bà Mới* và *Đàn Bà*, đều do chính bà chủ trương, xuất bản ở Sài Gòn và Hà Nội, khoảng cuối thập niên '30.

"Khoảng 1950, nhà hoạt động cách mạng Đỗ Đình Đạo, từng là Quân ủy Trung ương của Quốc Dân Đảng, bị ám sát chết, gây sóng nổi báo giới Hà Nội, trong đó báo chí có nhắc đến tên Thụy An như là một người trách nhiệm, hoặc liên hệ. Cuối thập niên này, tên bà lại được báo chí nói đến nhiều, cả ở Hà Nội lẫn Sài Gòn. Lần này bà bị cộng sản Hà Nội qui tội làm gián điệp cho ngoại bang, hoạt động bên cạnh ông Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiểu Bảo, là hai nhân vật chủ chốt trong Nhóm *Nhân Văn - Giai Phẩm*; bà bị kết án và ở tù 15 năm trong nhà giam Hỏa Lò. Cho tới lúc đó, tuy viết văn viết báo nhiều, bà chỉ mới có hai tác phẩm được in thành sách: truyện dài *Một Linh Hồn* (1942) và tập truyện ngắn *Bốn Mớ Tóc* (1950).

Trong bộ *Nhà Văn Hiện Đại*, quyển năm, Vũ Ngọc Phan xếp Thụy An vào khuynh hướng Tiểu thuyết Xã hội cùng với Trương Tửu, Nguyễn Hồng, Thạch Lam, Đỗ Đức Thu, Nhược Tống, ... Ông dùng những dòng sau đây để kết luận về Thụy An: "*Một Linh Hồn cũng đáng kể là một tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt Nam từ trước đến nay: tác giả đã giàu tưởng tượng, truyện lại xây dựng một cách vững vàng, chắc chắn.*" (NVHĐ, trang 1208).

Cách đây hai năm, một thân hữu đã gửi tặng Khởi Hành nhiều sách quý hiếm, trong có tập truyện ngắn *Bốn Mớ Tóc* của Thụy An, do nhà xuất bản Thế Giới xuất bản tại Hà Nội vào tháng 7.1950. Sách dày 100 trang, trình bày thật mỹ thuật, dù bìa chỉ có 2 màu, đen và màu rêu. Ngoài bài "Thay lời tựa," sách chỉ gồm có 3 truyện: *Một thương*, *Bà mẹ cô con và mớ tóc*, *Thế phát*, cả ba đều viết về tóc, và "Thay lời tựa" cũng nói về tóc.

Nhà xuất bản Thế Giới (mà chúng tôi biết là do ông Nguyễn Văn Hợi chủ trương - ông đã tiếp tục hoạt động in ấn ở Sài Gòn, và đã cho Khởi Hành đặt tòa soạn ngay trong nhà in của ông trên đường Phạm Ngũ Lão) - đã viết những dòng giới thiệu như sau về Thụy An: "*Như nhiều nhà văn khác, bà Thụy An khởi đầu văn nghiệp bằng sự viết báo. Bà đã viết trong những báo Phụ nữ Thời đàm, Phụ nữ Tân văn, Essor và Bạn trẻ, từ năm 1934 đến 1945 bà chủ trương hai tờ tuần báo Phụ nữ: Đàn bà Mới ở Sài Gòn và Đàn bà ở Hà Nội. ... Chúng ta sẽ thấy ở tác phẩm*

này và những tác phẩm sau, bà Thụy An với cây bút uẩn súc bằng tấm lòng thành thực đầy tư tưởng đã vượt cái địa hạt văn chương tình cảm và lãng mạn để cảm thông và diễn đạt cái nhịp sống chung của dân tộc, của nhân loại đang trôi dạt."

Ngay những dòng đầu của "Thay lời tựa," nhà văn Thụy An đã cho thấy tâm tư người tác giả ý thức trong cuộc sống thời Hà Nội trong chiến tranh ấy như thế nào:

Mỗi khi qua chợ Đồng Xuân, có bao giờ các bạn đưa mắt nhìn mấy ngói hàng ngay trước cửa, bán một thứ hàng đặc biệt: tóc, tóc đã sắp thành độn. Độn tóc cuộn tròn bày trên giá hàng, độn tóc treo giải [ngày nay ta viết là dài], buông thõng từ giấy [dây] phía sau lưng người bán, làm thành một tấm nền ma quái, hồ nhìn ta vội quay mặt đi ngay, để tránh một cảm giác ghê ghê, rợn rợn.

"Nhưng mà một câu hỏi cũng đã kịp đến ám ảnh tâm trí ta: 'Tóc ai đấy nhỉ?' ... "Ta nghĩ ngay đến những xác chết vô thừa nhận của những nhà thương thí... Nhất là trong buổi loạn ly này, với cái số người chạy trốn khỏi lửa ở miền hậu phương bát ngát, ùn ùn kéo vào cái Hà Nội rất giàu có mà rất kiệt quệ này, những xác chết ấy càng sẵn lắm..."

Bà còn làm thơ lưu loát song không có gì đặc sắc. Ví dụ:

*Cái Tết miền Nam vô vị quá
Câu thơ Nguyễn Bính lại mang ngâm
Nắng thiêu rụi cả, thiêu tàn cả
Còn nét gì đâu gọi tứ xuân
(Tôi về quên mất cả xuân sang)*

Mời bạn đọc thường thức 'Bà mẹ cô con và mớ tóc' để thấy rằng truyện này đã được in thành sách năm 1950, nghĩa là nhà văn Thụy An viết nó ít ra là đã 62 năm trước. Biết thế để "chiêu niệm" sự tiến bộ của văn chương phụ nữ ta ngày nay như thế nào so với quá khứ.

(Tạp chí Khởi Hành số 185, Tháng 3.2012)

Giết chó

Bài giới thiệu của nhà thơ Viên Linh:

Thụy An Hoàng Dân là một nhà văn nữ nổi tiếng từ trước 1945, vừa qua văn chương vừa bởi cách sống, song danh vọng đã không rực rỡ, số phận lại còn gian lao; bà vào tù ra khám nhiều lần, một đời văn không ngừng va chạm với sắt máu, kể cả với chính mình khi tự cầm dĩa chọc thủng một con mắt giữa nhà tù Hỏa Lò Hà Nội.

Thụy An là bút hiệu của bà Lưu Thị Yến, sinh năm 1916 ở Hà Nội, từng viết cho báo *Phụ Nữ Tân Văn* do Phan Khôi chủ trương, và trên hai tờ *Đàn Bà Mới* và *Đàn Bà* đều do chính bà chủ trương, xuất bản ở Sài Gòn và Hà Nội, khoảng từ 1939 tới năm chiến tranh chống Pháp bùng nổ. Trong *Nhà Văn Hiện Đại*, khi viết về cuốn tiểu thuyết *Một Linh Hồn* của Thụy An, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đã dùng câu sau đây để kết luận 8 trang sách về bà: "*Một Linh Hồn... đáng kể là một tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt Nam từ trước đến nay: tác giả đã giàu tưởng tượng, truyện lại xây dựng một cách vững vàng, chắc chắn.*"

Khoảng đầu thập niên '50, nhà hoạt động cách mạng Đỗ Đình Đạo, từng là quân ủy trung ương của Việt Nam Quốc Dân Đảng, sau lúc bốn ba qua Trung Hoa trở về thì bị ám sát chết; vụ thanh toán gây sôi nổi trên báo chí Hà Nội lúc ấy, và một số bài báo có nhắc đến tên Thụy An Hoàng Dân như là người trách nhiệm chính. Trong trí nhớ đã phai mờ, tôi hình dung câu

chuyện như một truyện tình, tuy rằng có thể đó là một vụ khai trừ vì chính kiến. Giờ này, không rõ tờ báo đọc hồi nhỏ có đáng tin không, tường thuật có chính xác không (*không nhớ đó là tờ Tia Sáng hay tờ Giang Sơn, hay tờ Tiếng Dân*), tôi đã đi tìm đọc những tác phẩm của nhà văn nữ ấy, như Vợ Chồng, như Bốn Mớ Tóc.

Những năm cuối thập niên '50, tên Thụy An Hoàng Dân lại được báo chí nói đến, cả ở Hà Nội lẫn ở Sài Gòn. Lần này bà bị chính quyền Miền Bắc qui tội gián điệp, bị bỏ tù 15 năm. Đó là sau vụ *Nhân Văn - Giai Phẩm*, - bề ngoài là vụ án hữu khuynh chống Đảng, song thời gian đang cho thấy đây nhiều phần là vụ thanh toán các nhà văn gốc Miền Bắc bởi Tố Hữu, một cán bộ văn vắn kém cỏi nhưng đặc thế, đầu óc nặng nề địa phương tính, liệt sệt mặt đất vì mặc cảm thua tài nhưng lại ở đỉnh cao của Đảng, phóng dục qua lăng kính chủ nghĩa để thành cao viển mà nạn nhân 99% là trí thức văn nghệ sĩ quê quán vùng Sông Hồng: Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh, Trương Tửu, Thụy An, Hoàng Cầm, Văn Cao, Quang Dũng, Nguyễn Bính, Trần Dần... [gốc Bắc mà thoát nạn là vì biết sợ như Nguyễn Tuân, im lặng như Thế Lữ, hay thỏa hiệp từ đầu như Nguyễn Đình Thi]. Tố Hữu tuy đã chết, song chủ trương của đồng bọn / có thể ví như bọn kiêu binh tam phủ thời Hậu Lê / vẫn còn đang hoành hành từ Bắc vào Nam. Trong vụ *Nhân Văn - Giai Phẩm*, 304 người bị gọi đi tập trung chỉnh huấn, nhưng có 4 người chống lại không đi, trong có Thụy An Hoàng Dân.

Bị tù vì tội gián điệp (*vì liên hệ với một người bạn ngoại quốc*), bà Thụy An đã khắc lên tường phòng giam số 12 ở nhà pha Hỏa Lò câu sau đây: "*Tại nơi này, tôi đã dùng đũa chọc, hủy bỏ một con mắt của tôi để phản đối chế độ cộng sản phi nhân, đàn áp dã man văn nghệ sĩ.*" Bà từ trần ngày 10 tháng 6.1989 tại Sài Gòn.

Truyện ngắn *Giết Chó* sau đây, đăng lần đầu trên *Tạp chí Phổ Thông* của Hội cựu Sinh viên Trường Luật Hà Nội, (số đôi 19-20, tháng 6-7.1953, trang 109), cho thấy Thụy An đã chống Cộng sản ngay từ lúc ấy. Đang thời, hoạt động vào ban đêm của Việt minh Cộng sản thường bị chó phát giác; như phát giác trộm đạo, nên họ đi tới đâu, chó sủa tới đó, vì vậy chó trở thành kẻ thù sớm nhất của "cách mạng". Truyện này viết cách đây đúng nửa thế kỷ cho thấy Thụy An Hoàng Dân vẫn xứng đáng là nhà văn nữ xuất sắc nhất Việt Nam, như lời Vũ Ngọc Phan viết về tác giả *Một Linh Hồn* từ năm 1942.

1.

Mới tinh mơ ở cái ao đầu xóm đã diễn ra một quang cảnh rộn rịp y như quang cảnh hôm ba mươi Tết. Mấy cái cầu bắc chung quanh ao đông nghịt những người, và người nào cũng bận một công việc giống nhau: làm thịt chó. Mặt ao loáng màu máu đỏ, và ngàu lên những bọt bắn. Vài túm lông vàng, đen, trắng trôi lập lờ trên mặt nước. Một mùi tanh tanh khắn khắn xông lên, dính trong không khí ẩm ướt như không chịu tản đi. Nhưng có vẻ không ai ngửi thấy. Họ vẫn mãi miết làm, bàn tay thoăn thoắt rất thành thạo. Dao đưa đến đâu màu da trắng tái gần như xám xanh trên thân mình con vật lộ dần đến đấy. Những người ra sớm xong công việc làm lông rồi thì họ làm đến bộ lòng. Mớ ruột dơ cao lên ngoằn ngoèo, họ lấy tay tuốt từ trên xuống, những vật dơ bắn trong ruột phòi ra, họ vẩy tay, hất xuống ao. Nước ao động dậy, những chú cá bé dạn dĩ ngoi lên đớp đớp.

Trên bờ ao, đó đây vài đồng rác được nhóm lên thui những con chó đã làm lông và cọ rửa sạch sẽ. Trong mùi khói khét lẹt từng lúc lại sực nức mùi thịt thơm. Những cái hít ra hít vào, thường thức. Mỗi người nói một câu:



- Chà! Thơm điếc mũi.

- Tớ chảy nước rãi rồi.

Anh Hương đang dúm mình con chó xuống ao, bỗng hốt hoảng kêu lên:

- Bỏ mẹ! Quên không dặn nó đi lấy rượu. Hôm nay cả làng "mộc-tôn" thế này thì rượu bà Tư Gù đủ bán thế chó nào được. Có ai về bảo hộ mẹ cu nó nhà tôi chạy đi lấy rượu ngay cho tôi không? Hết mẹ nó rồi cũng nên.

Anh ta nhìn ngang nhìn ngửa. Rồi gọi rôi rít:

- Cu Tời ơi! Mày về bảo hộ tao cái, chóng chốc tao cho khúc dồi.

Thằng Cu nguây nguây:

- Tôi chả ăn. Nhà tôi hôm nay cũng khối dồi.

Nó điềm nhiên ngoặt hai tay ra phía sau ôm lấy gáy, đứng xem anh nó làm con chó của nhà nó.

- Mẹ kiếp, làm bộ! Bên bác Trưởng mua rượu chưa? Chưa mua thì mua dùm em nửa chai nhân thế nhé.

Bác Trưởng vừa nghiêng đầu, cúi xuống vai áo chùi đôi mắt ướt chàn chụa vì khói vừa oang oang đáp trong khi hai tay vẫn lẩn giỡ mình con chó trên ngọn lửa cho vàng đều.

- Bu nó mua từ hôm qua kia chứ ạ. Chứ hôm nay đông người mua thế này thì gọi là bà Tư Gù bà ấy bỏ muối vào mắt mà lấy tiền.

Bác Hương làm vội làm vàng cho xong công việc, đặt con chó vào rổ, đứng lên, lách sau lưng những người ngồi liên tiếp hàng dài trên cầu ao, đi lên bờ. Những người ngồi dưới lại dồn vào phía trong, nhường chỗ ngoài cùng cho người khác ở trên bờ bước xuống. Chiếc cầu tre kéo kẹt rún lên rún xuống!

Từ trong xóm luôn luôn những chân người huỳnh huých chạy ra phía ao, tay người nào cũng ôm một cái rổ đựng toàn một thứ chó. Có con vừa chọc tiết xong máu chưa đông kịp rỏ dòng dòng xuống đường, điềm những vết đen thẫm trên đất và đổ tía trên cỏ xanh.

Bờ ao thì mỗi lúc một đông thêm. Người đứng chờ trên bờ dục* người ngồi dưới cầu.

- Phiền phiền một tí anh em ơi. Còn cho người khác làm chứ!

Tức thì dưới cầu nhao nhao đáp lại:

- Không làm thì chơi đấy à? Rét bỏ mẹ cóng cả tay, ai còn thềm ngồi găm cơ chứ.

Những người đã có chỗ ngồi yên trí rồi, chuyện nở như gạo rang:

- Ủ! Sao các ông ấy không để thông thả làm dần, lần lượt từng xóm. Ai lại cho có 24 tiếng đồng hồ bao giờ! Mà bao nhiêu là chó.

Người khác phụ họa:

- Giá cứ để làm lần lượt có phải hay bao nhiêu không. Gọi là cứ chén hàng tháng. Nay nhà bác, mai nhà tôi, ăn đụng. Chứ thế này thì ăn đốn!

- Ấy có thế này thì vợ con mới được một vài miếng. Chứ lần lượt mời nhau ăn đụng thì chỉ chui vào mồm các bố cu cả.

Mọi người cười ha hả, rồi lại tiếp tục:

- Bắt giết gấp thế này thì có nhà để phải giết đến bốn năm con một lúc ấy nhỉ.

- Cửa nợ! Ai làm thế. Bán bớt đi chứ. Không trông phiên chợ sáng qua đấy à? Trên thì người dưới thì chó.

- Gớm? Cái bác phải gió! Ví với von!

Câu chuyện quanh quanh mãi về mấy con chó mà không hết. Cho đến xế trưa, ngoài ao vẫn còn người mang chó ra làm. Trong xóm tiếng dao thớt lát chát nghe mãi như hình có âm điệu đáp gọi lẫn nhau. Trẻ con thì thụt như đèn cù trên đường xóm. Chúng được sai đi vay củ giềng, xin nắm lá, mua cút rượu. Mấy anh cùng đình trong làng không có lấy con chó để giết với thôn xóm làm vui, hôm nay tha hồ mà ăn ghẹ, ăn phò, đem những chuyện chó béo chó gầy, dựa mận nấu khéo, nấu vụng, khát hết nhà này sang nhà khác. Tiếng cười nói vang vang khắp mọi

nhà. Họ quên trong chén rượu, miếng thịt, những tiếng súng đại bác, liên thanh mỗi ngày một nghe rõ hơn như tiến dần về phía làng.

2.

Bác Hương già cơn say rượu thì đã gần nửa đêm. Bác mở mắt, thần trí mê mèm không nhận rõ được mình nằm đâu. Bác quơ tay chung quanh. Trong bóng tối tay bác đụng phải thẳng cu Tí, con trai bác, nằm uốn cong người, co quắp như con tôm để lấy thêm hơi ấm. Bác đã bắt đầu tỉnh tỉnh, nhớ bữa chén hồi chiều, bữa chén còn lại của bữa chén buổi sáng. Và lúc ấy bác mới biết cổ họng bác khô nóng và lưỡi thì cộm lên. Bác nghĩ đến tích nước dưới gậm bàn thờ để giải cái khát đang đốt cháy họng. Bác ngồi dậy, đặt hai chân xuống đất. Nhưng bác bỗng giật mình, đờ đẫn cả người. Sao mà lại im lặng thế này. Không phải chỉ im lặng ở trong khu nhà bác, xóm bác mà bác có cảm tưởng cái yên lặng ấy từ đâu đâu lan đến, bao trùm khắp làng, khắp cả thiên hạ. Bác rờn rợn quơ tay sờ đũa con như để tìm một cái gì là sinh khí, một cái gì thủ thân. Bác nghĩ đến vợ nằm trong buồng, bác đặt chân xuống đất, rón rén men dần vào buồng, bước đi thật êm, thật nhẹ như sợ khua động những cái gì rất ghê rợn lổ nhổ rình nấp trong cái yên lặng dị thường này.

Bác đến sát bên giường vợ, sẽ lay vợ đang ngáy đều đều. Tiếng ngáy quen thuộc khiến bác thấy vùng lòng đôi chút. Bác gái từ từ thức giấc, lau nhàu :

- Cái gì thế. Gớm hơi rượu sặc lên, không ai chịu được.

Tuy nói thế nhưng bác cũng giữ mình, nhích vào phía trong nhường chỗ cho chồng. Bác Hương còn lòng dạ nào mà nằm xuống. Bác chỉ ghé ngồi khe khẽ bảo vợ:

- U mày ạ! Dậy! Tao bảo cái này.

Giọng thàm thì ẩn dấu một sự gì quan trọng và sợ hãi. Bác gái chột dạ nghĩ ngay đến chuyện cướp, chuyện trộm; chuyện mặt trận đã tới làng. Bác vùng trở dậy rất ý tứ cho cái dát giường khỏi loạt soạt. Trống ngực đập thình thịch, bác ghé sát mặt bác gái:

- Làm sao hở! Nhà nó?

- U mày nghe xem.

Bác gái lắng tai đợi nghe tiếng khoét vách, đào ngạch, tiếng chân người rón rập ngoài hè, ngoài vườn. Chẳng thấy gì cả. Bác chỉ thấy một sự yên lặng như tờ. Một sự yên lặng lạ lùng chưa từng thấy bao giờ. Bác nói, giọng tự nhiên thảm thì trong hơi thở, gấp khúc:

- Có gì đâu. Mà đêm nay trong làng làm sao ấy nhỉ. Im phăng phắc!

Bác bỗng nhớ đến lệnh tản cư đã rao từ mấy hôm nay và chợt có ý nghĩ trong khi bác ngủ tất cả làng đã bốc đờn đi rồi còn trơ lại gia đình bác giữa một cái làng bỏ hoang. Bác hốt hoảng rên nho nhỏ:

- Làm thế nào bây giờ? Nhà nó chằm đèn lên cho tôi nhật nhạnh rồi ta cùng kéo đi thôi, chứ ở đây chịu chết à?

Bác Hương cố nghĩ, mới hiểu vợ định nói gì. Bác đáp:

- Không phải thế. Cả làng nhà nào vẫn ở yên nhà ấy. Nhưng u mày nghe mà xem. Thín thít như cái năm động gười ấy. Tao rợn quá!

- Phỉ thui! Chỉ nói đại! Bỏ mắm bỏ muối vào miệng ấy!

Nhưng bác cũng lấy cái rợn của chồng rồi. Bác tưởng tượng như ngoài ngõ vắng, các bà, các cô đang đi gieo hoa rắc đậu, những đoàn âm binh đang đi bắt lính trần gian. Bác rợn tóc gáy. Đúng là cảnh tượng năm xưa làng có dịch-khí ngày chết năm, mười người. Đêm đến, làng xóm cũng lặng tờ như thế này. Không một tiếng chó sủa. Người ta bảo những con chó sợ đoàn âm binh núp cả vào một chỗ im thín thít. Nghĩ đến những con chó, bác chợt liên tưởng [...?] thoát trút hết sợ hãi trong lòng bác. Bác nằm kên xuống giường, cười:

- Rõ nợ! Giết hết cả chó rồi thì làm gì đường ngõ, làng xóm chả im phăng phắc kia chứ. Thật thần hồn nát thần tính, phương ngôn nói không sai.

Bác Hương nghe rõ từng lời của vợ. Bác bỗng tức mình. Ủ sao bác không sớm nghĩ ra thế mà lại để cho vợ nghĩ mất trước. Bác thèn thẹn cho sự yếu bóng vía của mình, nên khi bác gái dục *:

- "Thôi nằm xuống ngủ đi", bác gắt:
- Cứ việc ngủ. Tao còn thức.

Tuy biết vợ nói đúng. Nhưng cái yên lặng khác thường vẫn làm bác ngạc nhiên như hình chưa quen. Bác lại lần ra nhà ngoài sờ soạng tìm cái đĩa đựng dầu rồi lấy đóm hút một điếu thuốc lòn. Ánh lửa phập phùng, tiếng điếu lọc lọc, gợi cho bác một cảnh tượng ám cúng. Nhưng bác vẫn không thấy vững lòng. Bác cảm như thiếu một cái gì, nhớ một cái gì, không đầy đủ như mọi đêm bác vẫn hay thức giấc để hút điếu thuốc: Thiếu cái gì? Nhớ cái gì? Bác nghĩ ra rồi. Bác nhớ một tiếng động rất quen thuộc, mật thiết với bác như một phần đời của bác. Tiếng động của con chó rùng mình vẫy đầu vẫy tai trong bóng tối khi thấy chủ thức giậy hút thuốc thì lách mình qua liếp cửa mà vào, lấy chân gãi lông soàn soạt rồi gừ gừ nhàu nhàu nằm bẹp dưới chân chủ.

Chả bao giờ bác chú ý đến những con chó bác đã nuôi cả, những con Vàng, con Vện, con Mực, con Bông không biết bao nhiêu con đã sống, đã chết, đã bị làm thịt trong gian nhà bếp của bác. Nhưng đêm nay, những cử động của những con vật ấy bỗng linh hoạt hiển nhiên trong trí bác. Bất giác bác nhìn ra phía cửa liếp hồi hộp cho một sự xuất hiện tất nhiên phải có, thì đêm mới là đêm, cũng như đêm thì phải có bóng tối vậy. Nhưng im lìm cả. Lờ mờ bức cửa liếp đứng sừng sững, bất động như một cái gì đã chết. Phía ngoài cái liếp cũng là sự chết nữa. Bác cảm xúc rõ rệt như thế. Một tai họa lớn lao sắp sửa gieo xuống làng bác, đang bắt đầu gieo như là kinh mật-kiếp năm kia năm kia bác đã nghe: *"Gà không gáy, chó không sủa, rắn rết bò ra đầy đường"*.

Ba tiếng *"chó không sủa"* gọi lên trong tưởng tượng bác tất cả sự hoang vắng rùng rợn, sự hủy hoại thâm thê, những tai nạn không phải sẽ chỉ do người gây ra, mà ghê gớm hơn, là lại do cả những sức mạnh huyền bí âm u nào giáng xuống. Những chuyện quái đản, tai trời ách đất ở đâu cứ nhắc dần trong trí nhớ bác, những chuyện của các bô lão kể ở những quán nước đầu làng, giữa khói thuốc lòn và khói nước chè tươi nghi ngút. Và nghe kể thì những chuyện ấy xảy ra bao giờ cũng có điềm gỡ báo trước. Cái việc giết chó này chính là một điềm gỡ. Bác bỗng giật sao người ta lại đại dột thế, lại bắt giết chó đại *"y như là người tự dưng xé khăn trắng trong nhà vậy"*. *"Rồi mà xem, còn là vô khối thiên tai"*. Bác thảm đê thế và tự mình lại đâm lo với lời mình đê.

Bác vớ chiếc điếu châm đóm hút. Điếu thuốc này sao mà say, say nhẹ thôi, trí nhớ bác còn đủ sáng suốt nghĩ ngợi lờ mờ. Bác lại nghĩ đến con chó, con chó bác giết hồi sáng. Kể từ khi biết cầm con dao chọc vào cổ con chó, bác giết đã nhiều chó rồi, giết hộ hàng xóm, giết chó nhà bác nuôi. Nhưng bây giờ bác mới động lòng thương đến con chó này là một. Bác nhớ tiếng kêu ằng ặc, hai con mắt thâm thiết của nó hồi sáng. Lòng bác se se. Bác khó chịu với cái cảm giác ấy và thấy cần phải tợp một ngụm rượu. Người ta đến là lạ. Con chó làm hại thế quái nào được nước được non mà phải giết đi. Giết hết giống rồi, thì còn lấy đâu ra chó. Con chó dùng để giữ nhà, dùng để dành, khi giỗ, tết, có công, có việc thì lôi ra mà làm chén. Nó cũng như con lợn. Bao nhiêu là ích lợi. Mới lại từ nãy suy nghĩ bác cứ quanh quẩn mãi với điều nhận xét này mà chắc chẳng bao giờ bác dám nói với ai là con chó cần cho một cái làng và một cái nhà hơn cả con người ta nữa. Không có chó, hình như cái nhà không ra cái nhà, cái làng không ra cái làng. Trong sân nhà, hay ngoài ngõ xóm có mười con chó nhùng nhằng có phải vui biết chừng nào! Rồi là một cái làng, một cái nhà có vượng khí. Chứ thế này, quạnh quẽ, lạnh lẽo như nhà thiếu-chủ sau đám tang vậy.

3.

Bác cứ rờn rợn, nơm nớp không sao yên tâm đi nằm được nữa. Bác mong cho trời chóng sáng, cho gà lên tiếng gáy. Sốt ruột quá, bác lại muốn chạy ra nhòm qua kẽ liếp xem phương đông trời đã hung hung tí nào chưa. Nhưng ngồi đang ấm chỗ, bác ngại ngại. Bỗng bác giật mình nhồm hấn người lên. Tiếng chó ở đâu oăng oăng sủa, sủa từng giống một. Con chó có vẻ vừa sủa vừa nghe ngóng đợi chờ những tiếng sủa đáp lại của các bạn đồng giống.

Phút ngạc nhiên thoáng qua, nghe tiếng chó sủa bác Hương thấy tỉnh táo cả người vững lòng vững dạ. Bác mạnh bạo đứng lên, ra nhấc cánh cửa liếp ra hè. Tiếng chó sủa lên như đã xua đuổi hết cái yên lặng rợn người của thôn xóm. Bây giờ thì bác thấy quang cảnh lại y nguyên như mọi đêm, bình tĩnh và âm cúng. Nhưng rồi bác chợt nghĩ ra một điều gì, bác cúi xuống nhặt một hòn đất ném vào phía chó đang sủa, bác lẩm bẩm:

- Mẹ kiếp! Chó của nhà nào?

- Ừ chó của nhà nào? Bác tự hỏi.

Cả làng đã giết sạch chó rồi kia mà. Bác chắc chắn thế. Gọi là một con chó nhách cũng không còn. Thế thì chó của ai mới được chứ? Bác phùng phùng tức giận cái kẻ nào mà lại dám giữ một con chó trong khi chó của tất cả mọi nhà đều đã bị bắn, bị thịt? Phía chó sủa là phía chợ Nhà, nhưng ai ở xóm chợ? À thôi, bác nghĩ ra rồi. Chính là con chó của lão ăn mày đêm đêm vẫn nằm nhờ trong quán chợ. Bác cúi lẩm, hậm hực quay vào khép cửa liếp rồi đi thẳng vào buồng vợ. Bác thấy vợ đã ngồi lù lù trên giường.

- Bớ nó đấy à? Chó đâu sủa thế?

Bác đáp:

- Chó của lão ăn mày ngoài chợ. Láo quá. Cả làng đến chết về con chó ấy chứ không chơi. Phải giết ngay mới được.

Bác gái yên trí lại nằm xuống, bảo chồng:

- Gớm có mỗi con chó mà làm như là con hùm con beo không bằng! Giết chó của ông lão thì ông lão còn biết đặng nào mà lần. Giời cho mình còn có mắt.

Bác gắt vợ:

- Thôi đừng nhân đức bà tú ĐỂ! ĐỂ rồi chết cả làng ấy à. Việc nước không phải chuyện đùa. Không thương lão ăn mày mù thì gọi là cứ bắn nốt cả lão ấy chứ ỉ! Muốn làm phản à?

Bác nói thì lại nghe một mình chứ. Bác gái nói rứt miệng, đã lặn ngay phò phò ngáy được rồi.

Bác Hương ngả lưng bên cạnh vợ, vẫn tức tối con chó thỉnh thoảng lại cứ tiếng một mà sủa. Bác nghĩ có thể vì một con chó này mà cả làng chết hết chứ không còn một mống. Không biết những người có phận sự giữ an-ninh cho làng có nghe tiếng chó sủa không? Bác mong cho mau sáng để bác đi báo các nhà chức trách. Phen này thì bác "hặc" cả họ ấy chứ? Làm việc sơ sót đến thế à? Tự dưng bác thấy mình thành quan trọng lạ. Con chó vẫn sủa, đáng chừng tưởng đã nghe thấy tiếng bạn đồng giống trong cái vang âm rội lại của chính tiếng của mình sủa, nên tiếng sủa, lần này có vẻ hí hửng lắm.

Bác Hương cười:

- Ừ sủa đi con ạ! Cứ sủa đi. Mai thì con vào nôi con ạ!

Bác liền tưởng ngay đến món dựa mận, rồi lang bang cố nhớ xem con chó của lão ăn mày mù béo hay gầy. Đôi khi qua chợ bác vẫn gặp lão ăn mày và con chó. Nhưng bác để ý làm gì. Chắc là phải gầy. Lão ăn mày còn chả có đủ ăn thì con chó béo với ai. Nhưng cũng có thể béo! Lão đi xin khắp mấy làng ở vùng này. Ăn sao hết! Con chó của lão béo hẳn đi chứ. Bác đã dụ dụ. Bác nghĩ đến mai sớm bác sẽ bảo Trương Sóc, Tư Thu cứ việc ra chợ mà tịch thu con chó của lão ăn mày! Thế là bác làm ơn làm nghĩa cho làng đấy, chứ tưởng! Còn lão ăn mày mù? Ngỏ cho lão biết là tốt. Không thì thí cho lão vài đồng bạc. Bác Hương khoái trá như đã giải quyết xong một vấn đề quan trọng rắc rối. Bác thiếp đi trong khi đang dở tính đến chỗ mai có nên nước vài gắp chả hay cứ dựa mận tuốt... tuốt cả.

(*) dục: Theo *Việt Nam Tự Điển* của Lê V Đức, Lê Ngọc Trụ, phải viết gi, giục giã:
- Trống tan canh mấy hồi giục giã (*Cung Oán*);
- Lòng ta ta đã chắc rồi, Nào ai giục đứng giục ngồi mà nao (*Ca Dao*).

Thụy An Hoàng Dân

Nguồn: Tạp chí Khởi Hành số 77, tháng 3.2003

Thụy An Vũ Ngọc Phan

Trong làng thơ, phụ nữ Việt Nam đã dự một phần tuy chưa to tát gì, nhưng cũng đáng cho ta chú ý. Riêng trong các nhà tiểu thuyết, từ xưa đến nay, số phụ nữ vẫn còn là số rất hiếm. Người ta có thể kể mấy tập tiểu thuyết do phụ nữ viết gần đây, như *Tố Mai* của Đoàn Tâm Đan (do Hương Tuyết - Hà Nội xuất bản, 1935), *Bóng mơ* của Tú Hoa (do Đời Nay - Hà Nội xuất bản, 1942). Và trong khi tôi viết những dòng này, thì nhà xuất bản Nguyễn Du đang rao tập tiểu thuyết *Răng đen* của Anh Thơ sắp ra đời.

Những tiểu thuyết do các bạn gái viết và làm cho nhà phê bình phải lưu tâm thật quả không lấy gì làm nhiều. Nhiều người hằng khao khát đọc những thiên tiểu thuyết giá trị của một vài nữ sĩ, vì đến nay, tâm hồn của phụ nữ, tính tình của phụ nữ, đều do các bạn trai khảo sát và phân tích. "Hiểu đàn bà sao bằng đàn bà", người ta đã nghĩ như thế, nên người ta vẫn mong chờ những tập tiểu thuyết tình cảm giá trị của phái đẹp.

Một linh hồn chính là một tiểu thuyết tình cảm. Tác giả Thụy An lại vốn là một nhà thơ. Tôi đã đọc thơ của Thụy An trong *Phụ Nữ tân văn*, trong *Đàn bà mới* và trong tuần báo *Đàn bà* ⁽¹⁾, nhưng thơ của bà, theo ý tôi, không nên đặt cùng hàng với tiểu thuyết của bà.

Một linh hồn là tập tiểu thuyết tả những tính tình rất ngây thơ, rất trong sáng của Vân, một cô con gái giàu lòng tin ngưỡng và giống như một bông sen tuy "*gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*".

Nàng không biết mặt cha - cha nàng là một gã Sở Khanh, bỏ mẹ nàng từ khi nàng còn trong bụng mẹ - còn mẹ nàng bị hết trai này lừa, đến trai khác lừa, rút cục sa vào đời giang hồ và phải gửi nàng vào một trường bà phước ở Sài Gòn. Bảy Thanh - đó là tên mẹ Vân - sống một đời xa hoa ở Hà Nội, hết làm sạt nghiệp người này, đến làm tan cửa nát nhà người khác, trong làng chơi không ai là không biết tiếng; nhưng riêng Vân, cô học sinh thơ ngây ở trường bà phước vẫn tưởng mẹ mình là người lương thiện, chỉ biết có việc buôn bán để nuôi con.

Trong lúc học trường bà phước, Vân đã quen biết Di, một thiếu niên mới ở Pháp về và có bằng cử nhân luật. Hai bạn trẻ rất yêu mến nhau, Vân từ biệt trường bà phước, cùng đi một chuyến xe hỏa ra Hà Nội với Di. Về với mẹ và thấy những cử chỉ, hành động cùng sự xa hoa của mẹ, nàng đã hơi ngờ vực, nhưng mẹ nàng là một gái đĩ điều ngoan, có tài bụng bít, nên nàng một lòng kính yêu mẹ, tin cậy ở mẹ. Nhưng sự xa hoa vô độ đưa Bảy Thanh đến cảnh nợ nần, nợ nhiều quá, nên muốn gả con cho phủ Tịch để phủ Tịch trả nợ cho mình. Vân không thể dứt tình được với Di, tuy mẹ nàng muốn cho nàng cảm động, đã nói dối nàng rằng cuộc hôn nhân do ở ý định của cha nàng trước khi từ trần.

Di viết thư nói cho Vân biết cuộc đời trụy lạc của mẹ nàng. Nghe nàng nói lại, mẹ nàng thú nhận cả: sở dĩ Bảy Thanh phải lạc vào giang hồ là vì cha Vân và về sau, cũng vì cả Vân nữa; Bảy Thanh đã bị chồng lừa, đã phải mưu sự sống cho con gái và cho mình. Vân cảm động, vâng theo lời mẹ, nàng hi sinh tình yêu, đành lấy phũ Tịch để mẹ có tiền trả nợ. Nhưng rút cục, vợ phũ Tịch đánh ghen, cha phũ Tịch đe dọa, nên anh chàng mê gái đành thúc thủ, đành phải xin nghỉ quan, về làm đồn điền cho cha.

Thế là Bảy Thanh không thoát được cái nạn bị tịch ký, còn Vân phần thì bị nhục nhã, phần thì đã trót dứt tình với Di, tuy đối với Di, nàng vẫn một lòng yêu dấu. Hai mẹ con sa vào cảnh bần hàn, phải thuê một gian nhà nhỏ ở một xóm tại Thái Hà. Vân muốn trông vào nghề may vá và dạy dăm ba đứa trẻ để sống lần lữa qua ngày, nhưng mẹ nàng đã quen nghề bòn rút, nên chỉ muốn trông cậy vào một vài tình nhân cũ. Đến khi Vân ốm, Bảy Thanh lại quay về cuộc đời trụy lạc để nuôi con. Vân ngờ vực mẹ; một hôm nàng thuê xe sau xe mẹ, thấy mẹ đến một chỗ hẹn hò ở bờ sông Cái, và người đàn ông đứng chờ mẹ nàng lại chính là Di, ý trung nhân cũ của nàng! Nàng tức uất lên, vội gọi mẹ. Lúc đó, Di mới nhận ra Bảy Thanh và Vân. Di đâm ra ngờ vực cả cái đời trong sạch của Vân. Người con gái thơ ngây phần uất quá, lại đang ốm, nên trở về nhà hóa ốm nặng hơn và chẳng bao lâu từ giã cõi đời, trước sự thương tiếc của mẹ nàng và sự hối hận của Di, người đã nghi oan cho nàng.

Một tiểu thuyết đặc tình cảm: tác giả đem mối tình ngây thơ, trong trẻo của Vân để đối với cái tâm hồn trụy lạc và gian trá của Bảy Thanh, mẹ nàng; rồi tác giả lại đem cái tính tình cao thượng và thủy chung của Di để đối với những tính tình đáng鄙 của bọn phũ Tịch, Bảo, Huyền, nhân tình của Bảy Thanh.

Truyện lại xây dựng trong một khuôn tôn giáo. Có ba nhân vật chính: Vân, Bảy Thanh, Di, thì cả ba đều mộ đạo, đều tin tưởng ở trời, ở đấng Cứu Thế.

Lẽ tự nhiên, Vân là người giàu lòng tin ngưỡng hơn cả. Những kẻ ăn xin, đối với nàng cũng là những con người "đã có hạnh phúc mang một sứ mệnh của Trời xuống cho những kẻ giàu có". Vì chính họ là những kẻ nhắc cho người giàu "tiết chế bớt sự xa xỉ lại và nghĩ đến những kẻ nghèo; họ là cái cầu dẫn ta đến Thiên đường" (trang 55). Rồi mỗi khi nàng buồn, nàng lại cần sự an ủi trong quyển Thánh kinh: *Nàng giữ đoạn Chúa Cứu Thế vác cây Thánh giá lên chỗ tử hình. Chưa bao giờ cái đoạn thâm sâu ấy lại làm cho nàng xúc động đến thế*" (trang 81).

Vân vốn là một thiếu nữ tính tình mềm yếu, nên đến khi biết mẹ là "một gái giang hồ", lại thấy Di là người yêu của nàng đã xa cách, nàng cảm thấy nàng như bị sa vào cõi sa mạc mênh mông và chỉ có cách an ủi là đến nhà thờ cầu nguyện. Hãy đọc đoạn văn tả những sự tin tưởng êm đẹp của người con gái giàu tưởng tượng:

Trên bàn thờ Chúa và những bàn thờ nhỏ chung quanh, vài ngọn nến le lói trong bóng nửa tối nửa sáng. Ánh nến dập dờn làm linh động những pho tượng, những bức tranh. Mặt Đức Bà như càng lúc càng rầu rĩ thêm và cứ dần dần sát xuống mặt Vân và hai bàn tay mềm dẻo của Người thường chấp lại, nay từ từ rời ra và đang xoa trên cái trán rạo rức nóng bừng của Vân. Vân tưởng hít thấy cái hơi thờ thiêng liêng của Người và nghe Người thì thảo như một hơi gió: "Hỡi con! Hãy đem nỗi đau khổ gửi vào lòng ta đây!"

Vân ngã hẳn đầu tựa vào bức tường mà lúc bấy giờ Vân mơ màng thấy ấm ấm như tựa vào ngực Đức Bà. Một câu chuyện bắt đầu giữa nguồn an ủi muôn năm và nỗi đau đớn cực điểm". (trang 108)

Di cũng là một người mộ đạo như Vân. Mỗi lần chàng muốn tìm sự an ủi, khi chàng hối hận, chàng đều vào nhà thờ cầu nguyện. Tác giả muốn đặt truyện vào một khuôn tôn giáo, cho nên

đến Bảy Thanh, một người mẹ tàn nhẫn lừa lọc cả con, cũng tin có Trời. Khi ngồi trên xe định đến nhà lão thâu khoán Bảo để xoay tiền, mẹ cũng lẩm bẩm cầu nguyện: "*Lạy trời phù hộ cho con thành công! Lạy Trời phù hộ cho con thành công!*" (trang 145). Sự tin tưởng ấy cũng không phải vô lý. Bảy Thanh cũng như nhiều gái giang hồ khác, là một người đàn bà có một tâm hồn phức tạp. Mẹ tin tưởng ở Trời khi mẹ lo lắng, khi mẹ ao ước một mối lợi, nhưng đến khi mẹ thấy việc của mẹ thất bại thì đến Vân là đứa con mẹ thương yêu nhất, mẹ gửi vào nhiều hy vọng nhất, mẹ cũng hành hạ đủ điều.

Riêng Vân là một thiếu nữ mà tâm hồn lúc nào cũng trong sạch lâng lâng. Nàng giàu tình cảm, nên tuy là tuân theo lời mẹ lấy phủ Tịch, nàng vẫn vẫn vương âm thầm với Di trong tưởng tượng. Hãy nghe tác giả tả sự nhớ nhung nồng nàn của Vân trong đêm khuya:

Nhưng chỉ ban ngày Vân thế, còn ban đêm mới thật là lúc Vân sống mãnh liệt với bao tình thương nỗi nhớ, với những kỷ niệm của Di. Vân nghĩ rằng chả còn bao lâu nữa Vân sẽ mang tên người khác, sẽ chết hẳn cả cuộc đời, Vân muốn sống hoàn toàn về tâm hồn với Di trong cái thời gian sung sướng còn lại ấy! Vân tình mình chuyện thầm với một Di vô hình, nhưng thật đã hiển hiện cả xương cả thịt ở bên Vân giữa lúc đên khuya lạng lẽ!" (trang 127)

Cái tâm hồn đa cảm ấy, trong cảnh nghèo nàn, cũng có những ý nghĩ nên thơ. Vân ốm, nhà túng bần, nàng thấy mẹ nàng hay đi, nên có ý ngờ vực mẹ lại quay về cuộc đời trụy lạc để có tiền. Đến khi nghe mẹ nói: "Má không đi nữa", Vân rất lấy làm vui sướng:

"Vân thở dài như trút được một mối bận khoăn nặng nề, và biết Thanh đang có điều suy nghĩ, Vân giả tảng quay mặt vào vách, nhưng óc nàng vẫn vẫn nghĩ: "Làm thế nào cho mẹ con ta có tiền". Nàng nhớ ngay đến chuyện những con chim quạ mang bánh đến nuôi sống những nhà tu hành ẩn dật đời xưa, nàng ước ao mẹ con nàng cũng được cái may mắn ấy: có lẽ bây giờ nàng nhắm mắt lại, lát nữa mở ra, đã có sẵn sàng cả mọi thứ cần dùng". (trang 214)

Khác với tất cả những tiểu thuyết tình cảm của phần đông nhà văn Việt Nam, *Một linh hồn* của Thụy An là một tiểu thuyết đượm rất nhiều màu tôn giáo. Mỗi khi một nhân vật chính trong truyện - như Vân và Di - muốn giải điều phiền muộn, muốn tìm sự an ủi là lại tìm đến Đấng Cứu Thế, tìm đến Đức Bà; vì thế mà họ không bị những phản động lực làm cho họ sôi nổi, điên cuồng. Họ là những tâm hồn bình thản, chịu đựng được đau đớn và sẵn lòng hy sinh.

Đối với cái chết rất khổ não của Vân, giá phải một thanh niên khác, có thể điên cuồng lên được, nhưng Di, một thanh niên mộ đạo như Vân, chỉ gục đầu, khóc thầm tức: "*Xin theo ý Trời*", sau khi nghe ông cố giảng giải:

"Con hãy bắt chước nàng. Con không thấy tất cả những sự hy sinh tốt đẹp của nàng đều chan chứa lời cầu nguyện phục tùng: "Lạy Trời! Xin theo ý Trời định đó sao?" (trang 228)

Hàn Mặc Tử đã đem vào thi ca Việt Nam lòng tin tưởng ở đạo Da-tô với một giọng say sưa đậm ấm. Thụy An cũng xây dựng cho tiểu thuyết của bà có những nhân vật tin cậy ở Đấng Cứu Thế, ở Đức Mẹ Đồng Trinh và sẵn lòng nhịn nhục, hy sinh.

Nhưng đọc *Một linh hồn*, người ta nhận thấy điều này không được thiết thực: Hà Nội chưa tới cái trình độ có một gái giang hồ sang trọng như Bảy Thanh, có lẽ tác giả đã đem cái khung cảnh Nam Kỳ là nơi tác giả đã từng ở lâu năm ra đất Bắc. Điều thứ hai là đọc *Một linh hồn*, người ta vẫn chưa có cảm tưởng mình sống trong truyện cùng với các nhân vật. Có lẽ Thụy An đã tả Bảy Thanh bằng những nét bút quá thô bạo và tả Vân bằng những nét mềm yếu quá chăng?

Tuy vậy, *Một linh hồn* cũng đáng kể là một tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt Nam từ trước đến nay: tác giả đã giàu tưởng tượng, truyện lại xây dựng một cách vững vàng, chắc chắn.

(Trích "Nhà Văn Hiện Đại")

(1) Phụ Nữ tân văn xuất bản ở Sài Gòn; còn hai tờ Đàn bà mới xuất bản ở Sài Gòn và Đàn bà xuất bản ở Hà Nội, đều do Thụy An chủ trương.

Về bài thơ "Chiếc lược" của Thụy An

Lời toà soạn của tạp chí Trăm Hoa: Bài thơ chiếc lược của chị Thụy An sáng tác đã gần một năm nay. Theo lời chị thì bài này từ lâu đã được đưa cho Hội Văn nghệ và nhà xuất bản Văn nghệ. Hội Văn nghệ không có ý kiến gì. Các bạn trong nhà xuất bản thì nhận xét thấy "tương đối khá" và chuyển sang Vụ Văn hoá đại chúng đề nghị cho in vào loại phổ thông. Nhưng Vụ Văn hoá đại chúng lại cho rằng bài thơ không hay, có trả lời rằng: "Những bài thơ loại này chúng tôi có nhiều, vậy xin trả lại..."

Trăm Hoa được đọc "Chiếc lược", nhận thấy bài thơ thể loại này rất hiếm. Thật là một bài thơ giá trị. Chúng tôi rất mong nhận được những bài thơ như thế này của chị Thụy An cũng như của các bạn khác, để vườn hoa được thêm nhiều hương sắc.

Chiếc lược

Lược em bé nhỏ
Lược em thanh thanh
Công ai đẽo gỗ chuốt thành
Để em chải mái tóc xanh rà rà
Tóc em nuốt nà
Em chữa muốn rời tay lược
Lược với tóc vùn vi thổi thốt
Những năm dài mơ ước khát khao.

Tóc khi cun cút trái đào
Chiếc lược trong ô cô hàng xén
Thường đêm hiện hiện trong mơ
Lược không đáng giá vài xu
U vẫn khát lần khát nữa
Khát ngày tóc chấm đầu vai
Đói cơm đói cháo, anh ơi!
Ước gì nuôi được tóc dài cho mau
U dỗ: "Con sang hầu cụ Chánh
Kiếm cơm ăn nhẹ gánh cho u
Cuối năm công bớt vài xu
Con mua lược chải tha hồ đẹp xinh".
Em đem mơ ước đình ninh

Về thẳng nhà địa chủ
Em đem mái tóc xanh
Về thẳng nhà địa chủ
Hơi trâu thay hơi mẹ
Đòn vọt thay áo cơm
Đêm nằm gỡ cỏ gỡ rơm
Bám đầy trên tóc
Hẹn với tóc cuối năm mua lược
Làm tốt làm xinh
Năm lại năm tóc đã cuốn vành
Thấy cô hàng xén mà đành ngoảnh đi
Nóng tai tiếng riều tiếng chê
Con đầu bù quạ đánh
Áo tả tơi trăm mảnh
Hở cả ngực cả vai
Em càng biết hổ người
Càng xót xa tủi cực
Đầu có bao nhiêu tóc
Là bấy nhiêu tội tình
Nhưng địa chủ tàn ác
Không cấm nổi tóc xanh

Đêm kia trăng rộn mái đình
Bỗng xui em nhớ tuổi mình tròn trăng
Chỉ thô khịu vội áo quần
Em tung bùng đi hội
Chợt nhớ đầu bù tóc rối
Chùn bước thủi thủi phận mình
Hội làng đông ả đông anh
Em muốn chút xinh, chút lịch
Mượn trộm lược của con mẹ Chánh
Chải vội chải vàng
Tóc bóng mặt gương
Đầu ngói thẳng tắp
Ra đình che nón rách
Tìm nơi tốt nhất ngồi nghe
Tiếng hát giao duyên gió động cành tre
Gió đưa cảnh trúc tình ngơ ngần tình:
“Hỡi cô tóc tựa mây xanh
Đầu ngói như sợi chỉ mảnh mới ngâm
Có duyên xa cũng như gần...”
Em thẹn cúi gằm không hát đối
Nhưng từ đây suốt trong đám hội
Bốn mắt trộm nhìn nhau
Lòng muốn nói trăm câu
Muốn hội dài mãi mãi
Trống rã đám, ai còn hát với:
“Hẹn xuân sau ta lại với mình

Xuân sau tóc hẳn thêm xanh
Đường ngôi bắc nhịp cho mình gặp ta”

Xuân sau áo rách sơ
Không tài gì khú vá
Tóc rối bù tổ quạ
Lấp mắt cả đường ngôi
Địa chủ ăn cướp công tôi
Tiền đâu mua lược đi chơi hội làng?
Trống đình giục nhớ giục thương
Gió đưa tiếng hát trách hồn của ai:
“Hẹn lời lời lại đơn sai
Đường ngôi rẽ lệch duyên hài đôi ta”
Vẳng nghe tiếng hát
Nước mắt như mưa
Cảm thương tóc rối đầu bù
Lấy gì đáng sớm duyên trưa với chàng?
Ai ngăn được kén dưng vàng?
Ai ngăn được suốt dưng ràng với thoi?
Em nửa sợ nửa vui
Lại đi mượn trộm lược
Nghe trống giục tay run lập cập
Chiếc lược rơi đánh chát xuống sân
Thế là tai họa khôn ngăn
Vợ thằng Chánh túm lấy em đập đánh
Đánh chưa đã nó còn ác khoảnh
Lấy dao cau gọt sạch tóc mai
Sốt công mười mấy năm trời
Cơm thiêu cháo hầm tôi nuôi tóc thề
Ngoài đình tiếng hát náo nê
“Trường đêm mở hội đi về có nhau
Bây giờ lược chẳng giặt đầu
Hội vui thiên hạ phải đầu của mình
Anh về tát nước thâu canh
Ngắm sao mà hỏi sao đành phụ nhau”
Em quên tóc cụt, đòn đau
Chạy vùng lên đình Thượng
Ai vì tôi ngăn cản
Cho ai đừng bỏ về
Đường đồng nhật ánh sao khuya
In dài chiếc bóng
Dầu nửa trọc nửa buông sông tóc
Áo quần tơ tả xác xơ
Khác gì xác quỷ hồn ma
Chạy ra đám hội để mà nát ai
Em nức nở từng hồi.
Nằm vật bờ ruộng thấp
Khóc sừng vù đôi mắt

Chẳng thấy Bụt hiện lên.

Hôm nay trống nổi liền liền
Tiếng gọi đi chia quả thực
Vợ chồng thằng Chánh thất nhân ác đức
Rẽ lứa duyên em
Đã gục xuống bùn đen
Không bao giờ ngóc nữa
Em đã hồng đôi má
Em đã thắm đôi môi
Tóc em lại mọc dài
Em đi nhận quả thực
Em chọn thêm chiếc lược
Về chải mái chải hoài
Chúng chị em chớ cười
Em se sua làm dáng
Mười mấy năm mộng tưởng
Giờ lược mới về tay
Hẳn tiếng hát từ nay
Không bao giờ đứt khúc
Mái tóc mây em cài vành lược
Em ra đồng tát nước gàu đôi
Nhịp gàu tiếng hát đầy vơi
“Ước gì anh hoá lược cài tóc em
Tóc với lược liền liền sớm tối
Như ruộng đồng ở mãi với ta”
Nước rênh giăng ngả đầu bờ
Mạ non gặp nước đôi vừa xúng đôi...

Cuối tháng chạp năm Mùi
Trăm Hoa, ngày 4 tháng 11 năm 1956.

Về bài thơ “Chiếc lược” của Thụy An

Nữ văn sĩ Thụy An (1916-1989) tên thật là Lưu Thị Yến, viết văn và báo từ trước năm 1945 và là một nhân vật quan trọng trong phong trào *Nhân văn-Giai phẩm* ở miền Bắc trong những năm 1955-1957. Mặc dù tác phẩm của bà không phê phán chế độ một cách quyết liệt hay thâm trầm như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Lê Đạt, Phan Khôi..., bà chịu sự trừng phạt khắc nghiệt nhất. Cùng với Nguyễn Hữu Đang, bà bị buộc tội gián điệp và bị xử 15 năm tù. Theo báo *Nhân dân* (13-23/04/1958 trích trong Shawn McHale, *Journal of Asian Studies* 61: 1, 2002, tr. 19), bà bị kết tội có quan hệ gần gũi với gia đình tướng De Lattre de Tassigny và Giám đốc Sở Mật vụ Pháp Marty, và là nhân tình của một nhân vật trong Việt Nam Quốc dân Đảng. Chúng tôi xin đăng lại lần lượt một số tác phẩm của Thụy An in trên báo *Trăm hoa* của Nguyễn Bính xuất bản năm 1956-1957 và những cuộc tranh luận có liên quan. Đây là những tài liệu chưa từng được phổ biến rộng rãi, cho thấy sự phản kháng văn nghệ sĩ miền Bắc với quan điểm hẹp hòi về thẩm mỹ và sự độc đoán của tập đoàn lãnh đạo văn nghệ ở thời điểm này.

Talawas

Thụy An: Nhân Văn Giai Phẩm Thụy Khuê

Thụy An là khuôn mặt nổi trội, bị kết án nặng nề nhất. Trường hợp của bà giống như một bi kịch Hy Lạp, và cho đến nay, chưa mấy ai hiểu được những khúc mắc ở bên trong. Thụy An là ai?

Là phụ nữ duy nhất, không viết bài cho NVGP, nhưng tên bà bị nêu lên hàng đầu trong "hàng ngũ phản động", bà bị quy kết là "gián điệp quốc tế", lãnh án 15 năm tù cùng với Nguyễn Hữu Đang. Những lời thoá mạ như bản nhất dành cho bà "Con phù thủy xảo quyệt" cùng những lời lẽ độc địa nhất: "Như vắt người thấy máu, Thụy An như rắn bò tới các câu lạc bộ Hội Nhà văn phun nọc độc mạt sát chế độ ta bản cùng hoá nhân dân" (Bàng Sĩ Nguyên, BNVGPTTADL, trang 120).

Tại sao lại có sự căm thù ghê gớm đối với nhà thơ, nhà văn, nhà báo phụ nữ tiên phong của Việt Nam? Người đầu tiên thực hiện nữ quyền bằng ngòi bút và hành động. Người chủ trương giải phóng phụ nữ không bằng lý thuyết mà bằng việc làm. Người xác định vị trí phụ nữ như một công dân tự do, thấm nhuần tinh thần dân chủ.

Đáng lẽ bà phải có chỗ đứng xứng đáng trên văn đàn, bởi bà là nhà báo đầu tiên chủ trương các tờ *Đàn bà mới*, tại Sài Gòn, từ 1934, và *Đàn bà*, Hà Nội, 1937. Bà là nhà văn nữ tiên phong với tiểu thuyết *Một linh hồn*, 1942. Nhưng cho đến nay, chính quyền chưa hề trả lại cho bà phần danh dự bị bôi nhọ trong hơn nửa thế kỷ, với những lời nhục mạ tàn nhẫn, một cái án 15 năm phi lý, và cho đến chết bà vẫn chưa hề được phục hồi danh dự.

Để tìm hiểu về Thụy An con người và tác phẩm, chúng tôi đã liên lạc với hai con bà, ông Bùi Thụy Bằng, nguyên chủ nhiệm kiêm chủ bút nguyệt san Atlanta Việt Báo, tại Hoa Kỳ; bà Bùi Thư Linh, tại Paris; và sử dụng bản tiểu sử Thụy An do Trinh Tiên (bạn thân của Thụy An) viết ngay sau khi Thụy An qua đời năm 1987, nhưng đến 1998, gia đình mới nhận được, đăng trên Atlanta Việt Báo Xuân Ất Dậu, 2005.

Thụy An (bút hiệu khác: Thụy An Hoàng Dân), tên thật là Lưu Thị Yến, sinh năm 1916 tại Hà Nội, là con ông bà Lưu Tiến Ích và Phùng Thị Tôn, quê gốc làng Hoà Xá, quận Văn Đình, tỉnh Hà Đông. Thuở nhỏ học trường Hàng Cót, Hà Nội. Năm 1929, 13 tuổi, Yến đã có thơ đăng trên Nam Phong. 1932, 16 tuổi, được giải thưởng văn chương của Triều đình Huế. Năm 1934, 18 tuổi, Thụy An kết hôn với Bùi Nhung, nhà văn kiêm nhà giáo, bút hiệu Bằng Dương, là em ruột học giả Bùi Kỳ và bà Trần Trọng Kim, sinh 7 con, một người mất sớm: An Dương (1934), Thụy Bằng (1937), Thư Linh (1938), Dương Chi (1939), Ngọc Trinh (1943) và Châu Công (1945). Ông Bùi Nhung hai lần làm giám đốc đài phát thanh Hà Nội từ 1948-49, và 1951-52, rồi giám đốc đài phát thanh Hải Phòng năm 1954 (trong thời gian 180 ngày trước khi vỡ tuyến 17 khép lại).

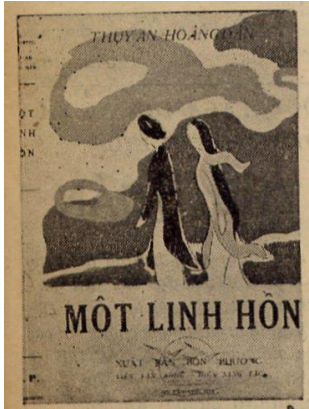
Cũng năm 1934, 18 tuổi, Thụy An bắt đầu nghề báo, cùng chồng lập tuần báo Đàn bà mới ở Sài Gòn. 1937, ra Hà Nội, chủ trương tờ Đàn Bà. Theo Trinh Tiên, năm 1939, bà làm chủ nhiệm báo Phụ Nữ Tân Văn ở Sài Gòn. Trong chiến tranh Việt -Pháp, Thụy An là phóng viên chiến tranh, tham dự nhiều cuộc nhảy dù ra mặt trận để cung cấp tài liệu cho báo chí. 1954, bà giữ chức quyền giám đốc Việt Tấn Xã.

Thụy An - Bằng Dương sống ly thân từ 1949, nhưng không ly dị vì cả hai đều theo đạo công giáo. Bà có quan hệ mật thiết với ông Đỗ Đình Đạo, một nhân vật quan trọng của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Ông Đỗ Đình Đạo được coi như người chồng thứ nhì. Thụy An và Đỗ Đình Đạo chia tay năm 1952. Nhưng đến 1954, khi Đỗ Đình Đạo bị đầu độc chết, dư luận buộc tội bà giết chồng, và chính những lời vu cáo này, sẽ được thổi phồng và sử dụng chống bà sau 1954.

Về biệt hiệu Thụy An Hoàng Dân, Bùi Thụy Bằng, giải thích: Phan Khôi và Thụy An là hai người bạn vong niên từ lâu (Thụy An kém Phan Khôi 29 tuổi). Biệt hiệu Chương Dân của Phan

Khôi và Hoàng Dân của Thụy An, là cùng đề tưởng niệm đến một người anh hùng, có tên là Chương Hoàng Dân hay Hoàng Chương Dân.

Tác phẩm



Thụy An là tiểu thuyết gia phụ nữ duy nhất được Vũ Ngọc Phan lựa chọn trong bộ Nhà văn hiện đại, với tác phẩm Một linh hồn (xuất bản 1943). Trong bài phê bình dài dành cho tác phẩm Một linh hồn, Vũ Ngọc Phan nhận định: "Là một nhà thơ, nhưng bà là người đi tiên phong trong địa hạt tiểu thuyết với cuốn Một linh hồn" và ông kết luận "Một linh hồn cũng đáng kể là cuốn tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt nam từ trước đến nay, tác giả đã giàu tưởng tượng, truyện lại xây dựng một cách vững vàng, chắc chắn".

Về cuốn tiểu thuyết thứ nhì, *Bốn mớ tóc* (1952), Trinh Tiên nhận xét: *"Đây là tập truyện gồm nhiều đoản tác: "Một thương", "Bà mẹ", "Cô con", "Mớ tóc"... Tác giả cố ý nêu cuộc sống dân tộc trong buổi giao thời, mọi sinh hoạt đan che nhau giữa mới và cũ. Điển hình như một mái tóc phụ nữ: Cổ thì để dài vấn trần hoặc vấn khăn búi tó; mới thì cắt ngắn hoặc uốn quăn..."* (Tiểu sử Thụy An, Trinh Tiên, Atlanta Việt Báo Xuân Ất Dậu, 2005).

Truyện ngắn của Thụy An in rải rác trên các báo hàng ngày tại Hà Nội. Một vài truyện được ghi lại như: Giết chó (in lại trên Khởi Hành, Hoa Kỳ, số 77, tháng 3/2003; in lần đầu trên Tạp chí Phổ thông của hội cựu sinh viên trường Luật Hà Nội, số 19-20 tháng 6-7/1953). Phần lớn, chưa tìm lại được như: Chiếc cầu chân chó, Les vingt cinq meilleures histoires du monde bằng tiếng Pháp, do Hội Văn Bút Quốc Tế xuất bản năm 1954 hoặc 55. Một cuốn sách bà viết về gia đình, gửi một tờ báo ở San José in năm 1985. Tác phẩm Vợ chồng...

Lại Nguyên Ân sưu tầm được một số tác phẩm của Thụy An trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, đã công bố trên Talawas, gồm những bài: "Nhân xem phim "Anh gắng nuôi con, đặt lại vấn đề Tân hiện thực", tiểu luận phê bình điện ảnh (Văn Nghệ, số 142, 11/10/1956) Chuyện bố, mẹ, bé và con búp bê, truyện ngắn (Trăm Hoa, 25/11/56), Chiếc lược, thơ (Trăm Hoa, 2/12/56). Trong thời kỳ Nhân Văn, bà có in một tập truyện ngắn, theo bài buộc tội của Vũ Đức Phúc, có những truyện như: Trường hợp tòng quân của thiếu úy Lâm, Bích-xu-ra...

Thơ văn sáng tác trong tù

Trong bài *"Thụy An, mẹ chúng tôi"* viết cuối năm 1988, sáu tháng trước khi mất, dùng giọng các con để viết về mình, bà có nói đến việc sáng tác trong tù:

"Bên cạnh cái án đó là nỗi đau khổ của một người mẹ lìa xa con cái 30 năm trời, chưa hề biết mặt 17 đứa cháu nội, ngoại, cũng chưa được ẵm đứa chắt đầu tiên vừa mới ra đời. (...) Lại cũng cần phải nói ngay, không vì bị 15 năm mất tự do và treo bút vô thời hạn mà Mẹ chúng tôi phải "tìm tự do", tìm "đất sống" cho những thứ mình viết ra hầu hết trong thời gian bị tù. [Ý bà muốn nói việc in sách tại hải ngoại]

Khởi sự bị giam cầm, Mẹ chúng tôi trong một thời gian ngắn có bị khủng hoảng tinh thần trước tai biến bất ngờ quá ư to lớn đối với một người đàn bà. Song Mẹ chúng tôi đã kịp thời trấn tĩnh lại, nhận tai biến như một cái Nghiệp (...) Mẹ chúng tôi coi tai biến như một cái giá phải trả cho sự may mắn được làm người, mà lại làm người Việt Nam có một thứ ngôn ngữ "đẹp nhất trần đời", để học nhất thế giới, có sức diễn đạt truyền cảm, thấm thấu suốt tâm hồn dân tộc đến nỗi:

Một người mẹ không biết một chữ A,

Cũng biết hát những lời thơ hay nhất" (thơ Thụy An trong Trường Ca Tiếng Mẹ)

(...) Từ ngày anh em chúng tôi biết đọc, Mẹ chúng tôi vẫn tự hẹn sẽ kể cho các con nghe những chuyện cổ tích Việt Nam để khối óc tinh tuyền của con cái được thâm nhập ngay tính nhân hậu, hiền hoà, thơ và mộng, trí và dũng của dân tộc... Thời kỳ mẹ chúng tôi có ý định này, vào thập niên 30-40, chính là thời kỳ văn học Việt Nam đang tiến lên hiện đại hoá cả hình thức

lẫn nội dung, một sự tất yếu phải nhiệt liệt đón chào. Chỉ tiếc một điều, trên con đường hiện đại hoá, những vốn cổ dân tộc: Trê Cóc, Lục Súc Tranh Công. Vợ Cóc, Vợ Tranh, Châu Long, Tô Thị, v.v... bị lãng quên...

Thế rồi suốt 20 năm sau, cuốn vào thời cuộc thế giới, của đất nước và nghề báo chí, Mẹ chúng tôi chưa thực hiện được ý định. Phải đợi vào nhà tù Cộng sản, Mẹ chúng tôi mới khởi công làm cái việc tha thiết nhất một đời..."(Atlanta Việt Báo, 15/12/2004)

Như vậy, những sáng tác trong tù của bà có thể rất phong phú, ngoài 16 truyện cổ tích Việt Nam viết bằng thơ, bà vừa nhắc đến, nói lên chí khí và tâm sự của mình mà bà coi như tập "Nhật ký trong tù", còn có tiểu thuyết và biên khảo. Thơ của bà cũng trong tình trạng tứ tán thất lạc. Theo Trinh Tiên: "*Thụy An sáng tác thơ cũng rất nhiều, phần đăng rải rác trên các báo, phần vẫn còn trong bản thảo. Bài thơ trường thiên tựa đề "Sao lại mùa thu". Rồi như bài "Ân thiên nhất đẳng" tặng Thái Bằng có giọng ca thiên phú độc đáo...*". Về các sách chưa xuất bản, Trinh Tiên nhắc đến 2 cuốn tiểu thuyết: *Người lãnh tụ, Phiên chợ trời Đanh Xuyên*, và 2 cuốn biên khảo: *Bùi Thị Xuân và Vợ chàng Trương*, có lẽ đó những sách bà đã viết trong tù, không biết bây giờ thất lạc ở đâu.

Những lời buộc tội



Trong những lời buộc tội, có hai loại: loại vô bằng chứng kiểu "gián điệp quốc tế", "tay sai Mỹ-Diệm"... có thể gán cho ai cũng được, không cần bàn đến. Loại thứ nhì dựa trên một vài sự kiện có thực rồi khuếch trương lên, chính loại này đã tác hại lên danh dự của Thụy An. Loại này xoay quanh ba dữ kiện:

- Bà quen nhiều người Pháp.
- Bà di chuyển thường xuyên trên trục Nam-Bắc.
- Người ta đồn bà giết ông Đỗ Đình Đạo, một yếu nhân của VNQDD, để tỏ "lòng trung thành" với cách mạng.

Xuân Dung viết:

"Hồi Hà Nội tạm chiếm, nó bỏ Bằng Dương, hiện nay là tay chân "đắc lực" của Mỹ-Diệm, và lấy Đỗ Đình Đạo (một tên Quốc dân đảng đã từng chống lại chính quyền dân chủ nhân dân và tàn sát đồng bào ta ở Vĩnh Yên, Phúc Yên hồi Cách mạng tháng Tám). Lúc này tên phản quốc Đạo đang chỉ huy những đội "quân thứ hành chính lưu động" của Pháp chuyên đi càn quét các vùng. Và nó được Đạo nâng đỡ, cất nhắc lên chức quyền Giám đốc Việt tấn xã của nguy quyền.

Một tờ báo xuất bản thời nguy quyền, ra ngày 8/8/1954 có viết: "thường thường bà Thụy An đi lại trên đường hàng không Hà-nội- Sài-gòn nhiều lần và hành tung bí mật như đời sống riêng của bà..."

Hàng tung của con mẹ phù thủy ấy là đi máy bay dự các cuộc nhảy dù và ra khắp các mặt trận để cung cấp tin tức cho nhiều đài và báo địch; còn đời sống riêng là luôn luôn ra vào buồng những thẳng Tát-xi-nhi, Cô-nhi... Cuối 1953, nó liên lạc chặt chẽ với tụi tư-rốt-kít Hồ hữu Tường và cổ động tích cực cho báo Đông phương với nội dung tuyên truyền thuyết "trung lập chế" (trung lập hay chính là tay sai cho đế quốc?).

Trước hoà bình lập lại ít ngày, dùng một cái, người ta nghe tin Thụy An giết Đỗ Đình Đạo; mà lúc đó có tờ báo trong Hà-nội đã nêu lên với một đầu đề lớn "Tiên, tình hay chính trị". Vì gì thì vì, có điều nhất định không vì chế độ dân chủ nhân dân của chúng ta rồi! Đỗ Đình Đạo tên trùm GAMO (quân thứ hành chính lưu động) vừa bị giết được hai ngày, có người (hiện đương ở

Hà - nội) lại trông thấy Thụy An ngồi chung xe với tên tướng giặc Cô- Nhi, ấy là chưa kể còn có tin nó vào Sài-gòn rồi lại trở ra Hà-nội, 1 tháng trước khi tiếp quản.

Giải phóng thủ đô, nhiều người lạ lùng vì sự có mặt của con này. Riêng cái việc xuống Hải- phòng khi ta chưa tiếp quản, rồi lại về Hà- nội một cách đàng hoàng cũng đủ cho chúng ta suy nghĩ (...) Việc đầu tiên là luôn luôn lấy việc giết Đạo để tỏ lòng "trung thành" với cách mạng" (Xuân Dung, Con phù thủy xảo quyệt: Thụy An, báo Thủ Đô 23/4/58; Bọn Nhân Văn Giai Phẩm Trước Tòa An Dư Luận, trang 42-43).

Cách viết trên đây rất thâm độc: tác giả dựa vào một vài sự kiện có thật như việc Thụy An hay ra vào Nam Bắc, và cái chết bí mật của Đỗ Đình Đạo, được báo chí loan tin, để tạo cho người đọc cái cảm tưởng là mọi việc có thật; nhưng lại chêm vào những chữ: *nghe tin, có người trông thấy, ấy là chưa kể...* để chứng tỏ mình (người viết) vô can. Không kể những điểm vô lý như: Nếu ông Đạo là trùm GAMO của Pháp thì sao Thụy An lại không bị Pháp bắt, vì giết Đỗ Đình Đạo, mà lại đàng hoàng đi xe với tướng Cogny? Việc bà "*luôn luôn lấy việc giết Đạo để tỏ lòng trung thành với cách mạng*" thật đáng ngờ, vì trong những phát biểu của Thụy An, cho đến lúc chết, chưa bao giờ bà "tỏ lòng trung thành với cách mạng".

Tất cả những lời đồn đại ác ý làm cho bà bị mang tiếng "giết chồng", sau này trong bài tự thú, Phùng Quán viết "*tôi có biết Thụy An trước đây đã giết chồng*" và cả Lê Đạt cũng viết "*lúc đầu rất ghê tởm Thụy An*". Tiếng oan "giết chồng" là bi kịch đầu tiên của Thụy An.

Gia cảnh Thụy An và cái chết của Đỗ Đình Đạo

Bùi Thụy Băng cho biết về hoàn cảnh gia đình và tình trạng sức khỏe của người mẹ: "*Là đứa con trai thứ nhì, tôi là người gần mẹ tôi nhất vì từ năm 1943 trở đi mẹ tôi bệnh tật luôn luôn. Mới 6 tuổi tôi đã trông nom mẹ tôi. Anh cả tôi là Bùi An Dương bị bệnh hen suyễn từ khi mới sinh ra nên rất yếu đuối và mẹ tôi đã cho anh An Dương khi chưa đầy một tuổi, làm con nuôi ông bà Trần Trọng Kim (cụ Bùi Kỳ và bà Trần Trọng Kim là anh, chị ruột của ba chúng tôi)". (Điện thư ngày 15/12/2004)*

Thụy An và Băng Dương ly thân từ năm 1949. Tại sao?

- Vì cha tôi không trung thành, ông có nhiều bà khác. (Bùi Thư Linh, điện thoại ngày 17/10/2009)

Sau khi ly thân, ai nuôi các con?

- Mẹ nuôi các con, nhờ bà ngoại giúp đỡ, bác (gái) Trần Trọng Kim cho vay tiền, nhưng mẹ vất vả lắm. (Bùi Thư Linh, nt)

Khi nào thì gia đình vào Nam?

- Năm 1952, đi bằng tàu thủy. Mẹ thường đi về Sài-gòn- Hà Nội bằng máy bay, nhưng vé máy bay cho cả nhà đắt lắm, Mẹ mua vé tàu thủy cho các con, nhờ người cậu dẫn vào Sài-gòn. (Bùi Thư Linh, nt)

Đến năm 1954, Bùi Thư Linh (16 tuổi) đi Pháp, tại sao?

- Tôi bị bệnh lao xương, Mẹ gửi tôi đi Pháp chữa bệnh ngày 20/5/1954.

Nhưng gia đình túng thiếu, lấy tiền đâu ra?

- Đi theo diện *Pupille de la Nation* (Nghĩa tử Quốc gia), chính phủ Pháp lo hết. (Bùi Thư Linh, nt)

- Tại sao Thụy An đem gia đình vào Sài-gòn năm 1952?

Bùi Thụy Băng: Vì ông Đỗ Đình Đạo. [Có thể hiểu là năm 1952 Thụy An đã chia tay với Đỗ Đình Đạo, và muốn tránh, bà đem các con vào sống tại Sài-gòn].

- Tại sao Thụy An đã vào Sài-gòn năm 1952, lại còn trở ra Hà Nội, trước ngày tiếp quản? [Hội nghị Genève ký: 20/7/1954. Việt Minh tiếp quản Hà nội: 10/10/1954, và tiếp quản Hải phòng: 13/5/1955]

- Bùi Thụy Băng: "*Từ năm 1952, Thụy An đã vào Nam, tại vì ông Đỗ Đình Đạo. Ông Đỗ Đình Đạo là Giám Đốc Quân Thứ Lưu Động của Việt Nam Quốc Dân Đảng từ 1950 đến 1954. Ông Đỗ Đình Đạo còn là bạn thân của ông cụ tôi, trước khi mất, ông vẫn còn liên lạc với ông cụ tôi. Sau trận Điện Biên Phủ, ông Đỗ Đình Đạo có lệnh của VNQDD, phải ở lại Hà Nội để chống*

Việt Minh. Nhưng mẹ tôi không biết chuyện đó. Nửa tháng trước khi Việt Minh tiếp thu Hà Nội, tôi (lúc đó 17 tuổi) đưa bà cụ ra phi trường Sài Gòn để đi Hà Nội. Bà cụ tôi ra Hà Nội vì tưởng rằng ông Đỗ Đình Đạo đã đi rồi. Bà cụ tôi nghĩ rằng ông ĐĐĐ không còn ở Hà Nội". (Điện thoại, 16/12/2004)

- Thụy An ra Hà Nội với mục đích gì?

- Bùi Thụy Băng: Bà cụ tôi ra Bắc, với hai mục đích:

- Về quê mình để thu thập tất cả những gì quý báu nhất trong nhà ông ngoại tôi.

- Thứ nhì, bà cụ tôi muốn đặt cái bản doanh chống lại chính quyền ở Hoà Xá. (Điện thoại, 16/12/2004).

Nhờ những chi tiết trên đây, cuộc đời của Thụy An sáng tỏ hơn: người phụ nữ ấy làm nghề báo để nuôi 6 con; là phóng viên chiến tranh, ở cương vị quyền giám đốc Việt Tấn Xã, bà vào Nam ra Bắc thường xuyên; bà quen biết những người như Sainteny (đại sứ), các tướng Tassigny, Cogny... và cũng nhờ họ, bà xin được cho con gái sang Pháp chữa bệnh lao xương. Nhưng cũng chính vì việc con gái sang Pháp với diện *Pupille de la Nation* mà sau này trong vụ án NVGP, bà lại càng bị quy kết làm "gián điệp" cho Pháp. Như vậy, khi ra Bắc, Thụy An đã có chủ đích chính trị: đặt bản doanh chống chính quyền cộng sản ở Hoà Xá là quê hương bà, nơi có những người tin cẩn nhất, và Hoà Xá cũng là một trong những làng có truyền thống chống cộng. Với hành động này, Thụy An trở thành nhà văn đầu tiên tổ chức chống lại chính quyền cộng sản, trong lòng chế độ.

Bà không ở trong tổ chức của VNQDD, vì bà không biết Đỗ Đình Đạo đã có nhiệm vụ ở lại chống Việt minh. Vậy bà ra Bắc, là theo chỉ thị của chính mình: "*Tình nhà, tình nước bời bời / Mẹ năn nỉ giữa, nước đòi thiết tha*". Và như lời Bùi Thư Linh: "*Mẹ thương các con lắm nhưng mẹ vẫn có cái lý tưởng của mẹ, không bỏ được*".

Ở thời điểm 1954, hầu hết mọi người VN đều nghĩ việc chia đôi đất nước sẽ chỉ trong một vài năm. Vì vậy, Thụy An đã nhờ mẹ trông nom các con để ra Bắc hoạt động. Bà không ngờ đến cái chết của Đỗ Đình Đạo; cũng không ngờ Nam Bắc chia đôi 20 năm; và lại càng không ngờ chính mình bị rơi vào 15 năm tù tội.

Về cái chết của Đỗ Đình Đạo, Bùi Thụy Băng cho biết:

"*Lúc đó, tôi từ Sài Gòn, ép bố tôi, còn đang là Giám Đốc Đài Phát Thanh Hải Phòng, phải ký sự vụ lệnh cho tôi đáp máy bay ra Hải Phòng rồi lấy xe lửa ra Hà Nội gặp mẹ tôi, vì cái chết của nhà cách mệnh VNQDD Đỗ Đình Đạo. Nếu bà cụ tôi đầu độc ĐĐĐ, thì chính quyền Pháp điều tra biết, họ cũng bắt ngay. Khi truyện xảy ra, ông ĐĐĐ ở nhà bà cụ tôi [ở Hà Nội] mà bà cụ tôi cũng không biết. Nhà hai chị em mẹ tôi ở chung. Có thể bà di tôi đã cho ông Đỗ Đình Đạo trú ngụ (để trốn tránh) mà mẹ tôi không biết. Khi ông Đỗ Đình Đạo bị đầu độc thì mẹ tôi đương ở Hoà Xá với một người bạn là bác Phụng, ở Ngõ Nhà Do (Impasse d' Identité)". Mẹ tôi còn nói: "Bác chết nhưng mà xác bác chết còn thơm hơn người sống". Mặc dù không bị bắt, nhưng Thụy An vẫn bị mang tiếng "đầu độc chồng": "Đến anh tôi còn giận, không để hình mẹ tôi trong nhà". (Điện thoại, 16/12/2004).*

Tuổi trẻ thơ mộng

Trong bài tiểu sử Thụy An, Trinh Tiên viết:

"*Hè 1932, cô Yến được cha mẹ cho học tư thêm. Thầy giáo là một hàn sĩ người Quảng Bình, dáng dấp mảnh khảnh đầy vẻ cương nghị.(...) Ông thầy giáo trẻ ấy đã bị trò Yến cùng các bạn trêu chọc gọi là "Anh đồ Nghệ". Hơn thế, Yến còn làm thơ nhạo báng dí dỏm:*

Khéo ghét anh đồ xứ Nghệ

Hơn mình mấy tí tuổi đầu?" (trích bài "Sao lại mùa thu" của Thụy An)

(...). Nhưng chàng trai xứ Quảng này không chỉ là một hàn sĩ hay một nhà mô phạm đơn thuần, mà còn là một người yêu nước thiết tha, một nhà cách mạng chân chính. Cho nên trong những bài giảng đã gieo ảnh hưởng không ít đến lớp học trò(...) Hơn thế nữa, chính người thầy

giáo trẻ ấy lại là một chiến sĩ hoạt động trong bóng tối. Chúng ta hãy lắng nghe lời thơ giới thiệu của Thụy An về người anh hùng đó:

Hung hãn vọng vào tiếng bể
Hồn căm rít ngọn gió Lào
Anh mang trùng dương giận dữ
Anh mang hoang dại khô khan.

Và như:

Mắt anh hùng trí bốn phương
Tay run nắm hồn dân tộc
Tóc xòa vương hận núi sông
Môi bậm tai nghe rên xiết
Áo cơm dọ dưới cùm gông!

Thật sự, Thụy An đã hấp thụ tư tưởng cách mạng qua Thầy đồ Nghệ:

... Rời anh bắt đầu dẫn dắt
Dạy em khai lửa bắt bình
Oán hận réo sôi lòng đất
Công lý tù đầy uất uất
Miếng cơm nghẹn họng nhân sinh...
(Trích: Sao lại mùa thu).

Thoảng chốc, lớp hè vài tháng trôi qua. Thầy trò bịn rịn chia tay. Riêng thiếu nữ Thụy An còn nghe lòng vương chút băng khuâng, điệu vội... Nhưng lại là chút băng khuâng rất nhẹ nhàng lơ lửng... nó đã thoảng qua ngay trong lứa tuổi 16 thơ ngây ấy... Và cũng bởi rằng: "làm thính... anh vẫn thản nhiên..." Còn chẳng chút lưu luyến ở tâm hồn Thụy An là niềm cảm phục trang thanh nhiên chí khí, cô đã kết ý thơ thành chuỗi nguyện cầu:

Nguyện mình hoá vãi hoá bông
Thắm lau giòng máu anh hùng thơm tho
Máu anh đã rửa quốc thù
Máu anh viết trước bài ca khải hoàn
(thơ Thụy An)"
(Trích tiểu sử Thụy An của Trinh Tiên, bđd)

Bùi Thụy Băng cho biết thêm:

"Người thầy giáo đề cập ở đây là Tưướng Võ Nguyên Giáp. Khoảng 1930, ông ngoại của tôi đã mượn người thầy giáo sử địa Võ Nguyên Giáp về nhà kèm má tôi học. Năm 1933, má tôi theo thầy vô Nam - Ông Võ Nguyên Giáp muốn đưa bà cụ tôi sang Trung Hoa. Nhưng má tôi lại gặp ba tôi ở Sài gòn và hai người lấy nhau, sanh ra anh cả tôi là Bùi An Dương, năm 1934. Lúc đó ba má tôi đã xuất bản tuần báo Đàn Bà Mới, nên má tôi trở về Hà Nội cho Anh tôi làm con nuôi ông bà Trần Trọng Kim, để vô Nam tiếp tục lo tờ tuần báo. Năm 1937, ba má tôi trở ra Hà Nội sanh ra tôi là Bùi Thụy Băng" (Bùi Thụy Băng, điện thư 15/9/2004)

Theo tiểu sử chính thức, Võ Nguyên Giáp sinh ngày 25/8/1911 (hơn Thụy An 5 tuổi). Năm 1931 ông ra Hà Nội học trường Albert Sarraut, sau đó học Luật. Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Quang Thái, năm 1934 (bà Thái chết trong hỏa lò Hà Nội năm 1943).

Như vậy, khoảng 1931-32, Võ Nguyên Giáp có thể đã dạy kèm Lưu Thị Yến, tại nhà. Và đến hè 1932, nếu những lời ghi của Trinh Tiên là đúng, thì cô Yến và các bạn còn học thêm Võ Nguyên Giáp trong một lớp hè. Bài thơ dài Sao lại mùa thu của Thụy An, được Trinh Tiên trích dẫn, nói rõ không khí lớp hè năm đó và sự "quyến luyến" mà trò Yến dành cho người thầy, đã gieo rắc vào tâm hồn cô gái 16, lý tưởng "cứu nước". Lưu Thị Yến, lúc đó 16-17 tuổi, cũng đã nổi tiếng vì có thơ đăng trên Nam Phong và được "giải thưởng văn học của triều đình". Sự việc này hư thật ra sao, chưa có tài liệu chứng minh rõ ràng, nhưng trong bài phỏng vấn, Lê Đạt nói

*một câu khá nhiều ý nghĩa: "Chị Thụy An còn nói kín hờ cho tôi biết rằng chị ấy đã từng tham gia kháng chiến! Việc liên lạc với kháng chiến trong thời ấy thì mình mất mối là chuyện bình thường, mà mất mối thì mình không thể chứng minh được." Điều chắc chắn là qua những câu thơ trong bài*Sao lại mùa thu, *Thụy An đã nói lên lòng ái quốc của chính mình với những lời thơ bất khuất: Tay run nắm hồn dân tộc / Tóc xòa vương hận núi sông / Mối bận tai nghe rên xiết / Áo cơm dọ dưới cùm gông!*

Chí khí Thụy An

Bài *Tôi về quên mất cả xuân sang*, ký ngày 5 tháng 11 âm lịch 1951, viết tặng vợ chồng Trinh Tiên, là một bài trường ca, nói lên chí khí của Thụy An. Bài thơ dài kể chuyện một đêm xuân ở Sài Gòn, nhớ Hà Nội, nhà thơ bước vào vũ trường, gặp người vũ nữ ngày xưa là em gái bạn. Người vũ nữ kể lại bi kịch của gia đình mình: Mẹ nàng có ba người con, sống trong êm ấm. Bỗng đâu, phong ba xảy đến:

*"Năm đi cho tháng theo lần,
Mà trong êm đã ngấm ngấm phong ba.
Gió cuốn lật úp sơn hà,
Màn che trướng rủ bông ra dải dầu,
Gió đưa khăn gói về đâu?
Con đường vô định trước sau còn dài
- Tình nhà, tình nước bời bời
Mẹ năn nỉ giữa, nước đòi thiết tha.
Đã đành nghĩa nặng mẹ cha
Nỡ vô tình lúc nước nhà ngửa nghiêng?
Chịu sinh làm gái vô quyền,
Nỡ mang cái tiếng yếu mềm, bó tay?
Ầm tiếng súng Sơn Tây vắng lại,
Sôi má hồng, quăng thối nữ nhi,
Chị em phận sự hai chia
Em nuôi mẹ, chị ra đi chiến trường.
Lần thứ nhất mở đường ly tán,
Cũng từ đây, hoạn nạn gieo neo:
Nhìn nhau lặn suối, trèo đèo
Mẹ già em nhỏ đến điều gian truân.*

Rồi người chị cả hy sinh trên chiến địa:

*Tin đâu sét đánh thành linh
Chị yêu thôi đã bỏ mình phương xa,
Nơi chiến địa xác hoa phơi giãi,
Bài điệu văn cú gọi hồn ma
Một đi lià cửa lià nhà
Một đi thế cũng kể là trăm năm.*

Người mẹ và hai con còn lại, cuốn trong gió lốc:

*Thân vong gia giặt dờ cánh gió...
Đoạn thâm thương lần giở thêm trang:
Một đêm đang lúc mơ màng,
Thức ra giấc đã khắp làng bao vây.
Mẹ con chúi bụi cây ẩn nắp
Đạn nổ tung, trời sập đất nhào...
Tình ra tui nhục làm sao!
Tám thân thôi đã lọt vào tanh hôi!*

*Bên mình, mẹ vẫn ngồi mà chết
Đầu vắng xa, máu thịt bết be
Xác em nguyên vẹn nằm kề
Tay níu mẹ, sợ đường về lạc chẳng?
Chưa kịp khóc thì quân lang sói
Đã lôi em về mãi đồn xa...
Nhục thay là phận đàn bà
Trong cơn binh lửa mà sa tay thù!!
Thôi gặp sách! Để cho kết liễu
Đoạn về sau thừa hiểu là đây"
Dứt lời, chỉ khẽ nhú mày,
Lạnh khô đôi mắt. Bóng ngày vừa tan...*

Bài ca hùng tráng, bi thương, ít có trong thời kháng chiến, nói lên tất cả những khía cạnh con người của Thụy An. Giọng thơ mạnh mẽ, quyết liệt: "*Gió cuốn lật úp sơn hà*". Hai chữ *lật úp* thật là vũ bão, tuyệt vời. Rồi sự phân chia tình nước, tình nhà trong suốt cuộc đời bà: vừa nuôi 6 con, vừa có chí lớn: "*Tình nhà, tình nước bời bời / Mẹ nắn nỉ giữa, nước đời thiết tha*". Sự lựa chọn của người phụ nữ trước tình thế đất nước: "*Nỡ vô tình lúc nước nhà ngửa nghiêng? Nỡ mang cái tiếng yếu mềm, bó tay?*" Sự căm phẫn của người nữ anh hùng: *Sôi má hồng, quăng thối nữ nhi*. Cái chết khốc liệt và của người nữ chiến sĩ: *Nơi chiến địa xác hoa phơi giải / Bài điệu vẫn cứ gọi hồn ma*. Quang cảnh kinh hoàng chết chóc của người dân mất nước: *Bên mình, mẹ vẫn ngồi mà chết / Đầu vắng xa, máu thịt bết be / Xác em nguyên vẹn nằm kề / Tay níu mẹ, sợ đường về lạc chẳng?*

Thơ Thụy An nói lên chí khí của bà, nói lên sự quyết liệt khi cần phải quyết liệt, nói lên cái hận mất nước, sự không chịu bó tay của người phụ nữ. Sáng tác của bà từ truyện cổ tích đến truyện ngắn, tiểu luận, và nhất là thơ, đã quét sạch những dòng nhớ bản viết về bà, giải thích tại sao Thụy An không chịu lùi bước trước cường quyền và bạo lực.

Thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm

Những nhà văn, nhà trí thức được mời vào nhóm NVGP, là những người đi theo kháng chiến từ những ngày đầu, kể cả những người không cộng sản như Phan Khôi, Nguyễn Mạnh Tường. Thụy An vì ở trong thành, nên không được mời vào NVGP, như Lê Đạt đã xác nhận.

Nhưng trong thời kỳ NVGP, bà thường xuyên ra vào các hội văn nghệ, và có ảnh hưởng không nhỏ đối với những văn nghệ sĩ trẻ tham gia NVGP. Bà liên lạc, nâng đỡ tinh thần, tích cực giúp đỡ anh em Nhân Văn, đặc biệt gia đình Lê Đạt.

Lê Đạt viết trong lời "tự thú":

"Âm mưu của Đảng sau này là biến thành nhà xuất bản Minh Đức thành nhà in đối lập với Hội Nhà văn và tập hợp nhóm Nhân văn quanh nhà Minh Đức. Cũng giai đoạn này nổi bật vai trò Thụy An. Nhà Thụy An, Phan Tội như một câu lạc bộ.

Về Hà nội tôi rất ghê tởm Thụy An. Nhưng sau khi bài thơ "Nhân câu chuyện mấy người tự tử" Thụy An tìm gặp tôi rất niềm nở và mời đến nhà bảo có nhiều sách mới.

Một thời gian dài tôi không đến. Nhưng từ sau khi "Cửa hàng Lê Đạt", tôi bị khai trừ khỏi Đảng, tôi bắt đầu lui tới đó.(...)

Thụy An đưa vợ tôi đi may áo, đi mua vải, may áo cho con tôi và đi lấy cả một chiếc giường cũ cho con tôi. Thụy An nghiêm nhiên trở thành thân thuộc với cả gia đình tôi. Mỗi lần tôi gặp Thụy An sau khi nói chuyện về tư sản, tiểu thương bất mãn, chuẩn bị đi Nam, các tin BBC về hiệp thương, lại kể chuyện Tassigny, chuyện các phóng viên chiến tranh, các tiểu thuyết tư sản, và sau hết đã kích vào sự lãnh đạo của Đảng cho là hạn chế sự phát triển của tài

năng. Mỗi lần ở nhà Thụy An ra là mỗi lần tôi thấy mình tài giỏi thêm, oán Đàng thêm và chán nản thêm". (Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958, Số đặc biệt thứ hai chống Nhân Văn Giai Phẩm)

Thụy An dạy Phùng Quán học tiếng Pháp và tiếng Anh. Ảnh hưởng của Thụy An đối với các nhà văn trẻ rất lớn, nhờ kiến thức và tài thuyết phục, bà mở cửa cho họ vào với tác phẩm văn học Tây phương, vào kịch trường và điện ảnh. Thời kỳ ấy, Thụy An ở chung nhà với Phan Tội. Theo Nguyễn Hữu Đang, bà thuê những phim như Hamlet về chiếu. Bà cùng Phan Tội, dựng kịch Topaze của Marcel Pagnol...

Phùng Quán viết trong lời "tự thú":

"Còn học Pháp và Anh văn thì tôi học với con mẹ Thụy An, và do đó tôi bắt đầu thân với mẹ từ đấy. Khi được tin tôi đã ra bộ đội thì hẳn tỏ vẻ rất sẵn sóc đến việc học của tôi. Tháng đầu tôi còn bận viết thì mỗi lần gặp tôi hẳn đều thúc dục sao không đi học đi, tôi sẽ dạy cho Quán một tuần bốn tiếng đồng hồ. Tháng thứ hai tôi đến học với hẳn, cùng với một người bạn của tôi là sinh viên. Trước khi đến học, tôi có biết Thụy An trước đây đã giết chồng, làm phóng viên chiến tranh cho Pháp, đã đi máy bay lên Điện biên phủ. Nhưng đến lúc này thì bản chất cách mạng của tôi đã không còn gì nữa, nên tôi thấy những việc làm của mẹ ta là việc thường. Đến học với hẳn, tôi tỏ ý phục, và mỗi ngày một cảm tình hơn. Tôi gọi hẳn là chị với tất cả nghĩa của nó." (Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958)

Những lời Lê Đạt tuyên bố trên RFI 2004, tỏ rõ sự kính trọng và lòng tri ân của ông đối với Thụy An:

"Chị Thụy An chưa bao giờ ở trong Nhân Văn Giai Phẩm cả, đó là dứt khoát. Nhưng chị Thụy An rất thân với anh em trong Nhân Văn Giai Phẩm và đặc biệt là thân với tôi".

"Tôi có thể bảo đảm 100% chị ấy không phải là gián điệp. Tại vì thế này: Nếu là gián điệp thì phải có chứng cứ chứ! Chị nhận tiền của ai? Nhận tiền ở đâu? Liên lạc với ai? Cho đến bây giờ tôi vẫn thấy đó là một câu hỏi mà nhà nước chưa trả lời tôi được".

"Tôi vẫn khao khát và thiết tha có một dịp nào đó, người ta phục hồi chị Thụy An một cách chính thức. Không có thì riêng tôi, đối với chị Thụy An, tôi vẫn cho là món nợ. (...) Riêng tôi không bao giờ tôi quên công của chị Thụy An đối với tôi cả."

Bị bắt, Thụy An tự chọc mù một mắt.

Thụy An bị bắt ở đâu?

Bùi Thụy Băng, cho biết:

"Tôi nghe nói bà cụ tôi bị bắt ở Hoà Xá. Nhưng theo lời ông cụ tôi thì bị bắt ở Phủ Lý. Tại sao lại như vậy? Bởi vì khi thấy lâm nguy, biết mình bị theo dõi, Thụy An thường di chuyển giữa Hà Nam-P phủ Lý (quê chồng) và Hoà Xá-Vân Đình (quê mình) để trốn tránh".

Về việc bà chọc mù mắt, dư luận chính thức loan rằng bà bị tai nạn ở mắt, khi đi lao động cải tạo.

Chúng tôi hỏi nhà thơ Lê Đạt, người rất thân với bà trong suốt hành trình Nhân Văn Giai Phẩm: có phải trong Hỏa Lò chị Thụy An tự chọc mù mắt? Lê Đạt lặng lẽ gật đầu, không thêm một lời nào cả.

Bùi Thụy Băng cho biết: "Trong số những bài viết về bà cụ tôi, có bài của Trần Minh, ở Bên Úc, tựa đề "Nhân văn giai phẩm, một tư trào, một tội ác" đăng trong Giai phẩm (Việt Báo) xuân Tân Ty 2001, là chính xác nhất. Với những chi tiết mà chính tôi trước đây cũng không biết: Vào Hỏa Lò chưa được 3 tháng thì bà cụ tôi chọc mù mắt. Lý do là bởi phải ra hỏi cung, đứng trước lá cờ đỏ sao vàng, người ta bắt bà cụ tôi phải cúi xuống, nhưng bà cụ không cúi. Vào nhà giam, không có bút viết, bà cụ tôi lấy cái đinh guốc, viết lên tường lời phản kháng: "Chọc mù mắt để không phải nhìn thấy cái chế độ này nữa". Sau này có một người cũng bị giam tại căn phòng

đó, đọc được và ghi lại, một vài nhà văn có chép lại câu này trên sách báo". (Điện thoại ngày 16/12/2004).

Thụy An bị giam tại Hoả Lò Hà Nội từ tháng 3/1957; đến 19/1/1960, bà bị đưa ra tòa cùng với Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Phan Tại và Lê Nguyên Chí. Theo Nguyễn Hữu Đang, giam ở Hà Nội, rồi chuyển lên Yên Bái. Thụy An viết: "Vào thời điểm mẹ thụ án từ 1958 đến 1973, suốt 15 năm (chỉ trừ hai năm giam cứu ở Hoả Lò, Hà Nội, mẹ bị thẩm cung gắt gao, một cuộc đấu trí - không có trọng tài- giữa pháp luật do các ông chấp pháp đại diện và mẹ, người bị can)" (Thụy An viết cho các con, Atlanta Việt Báo, 15/12/2004).

Những năm tháng cuối

Tháng 10/1974 Thụy An được thả theo diện "Đại xá chính trị phạm trong hiệp định Paris", cùng với Nguyễn Hữu Đang. Bà bị trả về quản thúc ở Hoà Xá. Trên đường giải về làng, khi người ta đẩy xuống xe tù, bà bị ném đá.

Năm 1976, nhờ em trai là Lưu Duy Trác xin cho vào Nam đoàn tụ với gia đình, bà được vào sống với mẹ tại Gia Định. Các con bà đã rời nước từ trước, chỉ có Bùi Thụy Băng ở lại đến 28/4/75. Năm 1987, Thụy An theo người bạn gái Trinh Tiên đến chùa Quảng Hương Già Lam xin thọ lễ quy y. Được hoà thượng Thích Trí Thủ ban cho pháp danh Nguyên Quy.

Bùi Thụy Băng tìm mọi cách vận động cho mẹ sang Mỹ đoàn tụ gia đình, qua văn phòng ông Trần Sĩ Lương, đại diện chính phủ Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc, và các toà Đại Sứ VN, đều không có hiệu quả. Trong thư phúc đáp của ông Lương, có câu: "Trường hợp mẹ của ông chưa được giải quyết. Tôi mong ông cứ yên tâm chờ đợi".

Đầu năm 1987, Thụy An đã yếu lắm, Bùi Thụy Băng chụp lá thư của ông Trần Sĩ Lương gửi về cho mẹ. Bà trả lời con: Mẹ không muốn con liên lạc với các Toà Đại Sứ như thế, và bà thêm: "Con đừng chửi mẹ!". Kèm theo là bức thư dài, bà trả lời ông TSL, mở đầu bằng những hàng như sau:

"Tôi rất xúc động được đọc thư ông viết cho Bùi Thụy Băng, con trai tôi, về việc T.A mẹ hẳn, muốn nhờ cậy ông.

Ông đã trả lời không một hứa hẹn dứt khoát (tôi hiểu rõ tất phải như thế, càng tất phải như thế, khi là chuyện văn chương), nhưng dầu sao cũng đã là một lời đáp lại tiếng kêu gọi, kêu oan... của tôi... muốn thêm hình dung từ nào cũng đều có nghĩa cả.

Cám ơn, cám ơn. Tôi đón nhận với tâm trạng một tù nhân bị kẹp lâu ngày, một mình giữa bốn bức tường hẹp, thêm được nghe tiếng người. Chợt có tiếng lịch kịch ở phòng bên cạnh (có lẽ chỉ là một con chuột chạy)."

Và bà kết luận lá thư bằng những hàng sau đây:

"Ở Tô Thị, tâm trạng của người mẹ cống con trên lưng đi giữa rừng khuya, hải hùng đến nỗi ngất xỉu, nhưng sức nhớ chồng trên đỉnh núi:

*Nhớ con thơ đang gói trên lưng
Biển xanh đang ngóng đang trông
Giơ tay vung ngọn đuốc hồng cháy to.*

Tôi cũng vậy, tôi còn cha mẹ già, đàn con nhỏ trên vai, tôi không được chết, phải cố mà sống, đợi cái ngày Tô Thị:

*Mặc gió rụng tóc xanh từng sợi
Tung ra xa bay với mây trời
Mặc cho nắng dãi mưa phơi
Mặc cho muối đã mặn mòi lòng sương
Mặc bao cuộc hưng tàn phé đổi
Vẫn dăm dăm một đợi, một chờ
Mẹ con hoá đá tro tro
Mẹ là tin tưởng, con là tương lai.*

Đó là tâm trạng Tô Thị hoá đá, mà cũng là tâm trạng của tôi suốt 15 năm cho đến mãi mãi. Ông cứ đọc tất cả 16 bản của tôi, đều gặp những câu như thế, nó gần như một tập Nhật Ký Trong Tủ... "

Bà mất ngày 10/6/1989, tại nhà riêng ở đường Lê Văn Sỹ, Sài Gòn.

© Copyright Thụy Khuê 2004 – 2009

Sao lại mùa thu

Năm ấy xuân vừa mười sáu
Mộng tình bừng nở má tơ
Môi đào cười rung mắt biếc
Xôn xao lấm gã học trò

Tay mềm ngoan ngoan cắp sách
Nghỉ hè theo học lớp riêng
Anh giáo trẻ mà mô phạm
“Các cô phải học cho siêng”

Vàng dạ bên ngoài lấy lệ
Ra về khúc khích bảo nhau
“Khéo gét anh Đồ Xứ Nghệ
Hơn mình mấy tí tuổi đầu

Đã thế...” Một chương - trình nghịch
Phăng phăng được thảo ra liền
Mấy cô dầu mỡ, đánh đá
“Muốn siêng anh sẽ được siêng”.

Bài học cho chừng trang rười
Mà hôm anh gọi đọc bài
Lập tức thao thao bất tuyệt
Liền mồm đọc mãi không thôi.

Liên tiếp cô này cô khác
Đọc không dứt đoạn cầm hơi
Phút ngạc nhiên rồi, anh hiểu
Run run anh giận tái môi

Lớp học tan trong tẻ lạnh
Học trò làm lũi bước ra,
Mắt anh tối sầm tức, tủi
Thương anh có kẻ trở vô

Đã có lời gì qua lại?
Giữa đôi thầy giáo học trò
Thầy vốn mang thân hàn sĩ
Trò nhiều tình cảm vẫn vơ

Chỉ biết kể từ buổi ấy
Lớp riêng ghi một ý riêng.
Trò gái chanh chua đáo để
Làm tỉnh, anh vẫn thản nhiên

Lặng lẽ nhìn vào góc khuất
Long lanh đôi mắt to đen
Đôi mắt vuốt ve an ủi:
“Bình anh có tấm lòng em”

Hai tháng, chao! đi chóng quá
Qua rồi lớp học nghỉ hè
Những người kia thôi chẳng tiếc
Nhìn em mắt chẳng nở lia

Quê anh xa trong Xứ Nghệ
Núi cao, sông thật là sâu
Hung hãn vọng vào tiếng bể
Hồn căm rít ngọn gió Lào

Anh mang trùng dương giận dữ
Anh mang hoang-dại khô-khan
Địu dịu mùa Thu xứ Bắc
Dạy anh biết thú mơ màng.

Đẹp là mắt người em gái
Nhìn vai áo rách rưng rưng
Đẹp là bàn tay mềm mại
Đôi khi vuốt trán nóng bừng

Em thương cảnh anh hàn sĩ
E rằng trọ học không lương
Em về kéo nài Thầy, Mẹ
Để cho anh giảng bài trường

Hận quá lòng em mười sáu
Dịu sao thương những là thương
Ngây thơ em đâu có biết
Mắt anh hừng trí bốn phương

Tay run nắm hồn dân tộc
Tóc xòa vương hận non sông
Môi bặm tai nghe rên xiết
Áo cơm đọa dưới cùm gông

Máu anh chảy giòng uất hận
Anh là thù của chữ thương
Rạt về mùa Thu Hà-Nội
Sao lòng anh bỗng vương vương

Sao bỗng vui niềm trường giả
Ánh đèn sáng mái đầu tơ
Khô khan chàng trai Xứ Nghệ
Có chiều lại biết làm thơ.

Có chiều nhìn bàn tay trắng
Bút cầm trên giấy nhẹ đưa
Âm tả anh ngừng, quên đọc
Rằng: Em có nghĩ bao giờ

Về thăm quê anh trong đó
Ngắm nhìn Hồng Lĩnh cao cao
Hùng vĩ chín mươi chín ngọn
Khí thiêng sản xuất anh hào.

Em cười ròn tan buông học:
“Em yêu Hà-nội mà thôi”
Lơ đãng ảo huyền cất bước
Thời gian bóng đổ u hoài

Nhưng anh vẫn chăm rèn cặp
Và em vẫn cố học hành
Rồi anh bắt đầu dẫn dắt
Dạy em khai lửa bát bình

Oán hận réo sôi lòng đất
Đời chưa vẽ nét đan thanh
Công lý tù đầy uất uất
Miếng cơm ngẹn họng nhân sinh

Anh mơ buổi mai nhân loại
Anh mơ cháy rục mắt sâu
Anh mơ lồm đỏi gò má
Anh mơ tóc chũu mái đầu

Ngoan ngoãn là người em gái
Cùng anh chung một mối mơ
Cùng anh chia niềm uất hận
Tương lai nhân loại hẹn hò

Đổi thay cũng người em ấy
Mấy chiều chẳng đến học anh
Bóng vẽ lê mình gác xếp
Tiếp phong thư nhỏ giặt mình”

“Em sắp lấy chồng, anh ạ
Mừng em anh có gì không?”
Cười gằn, phong thư xé nhỏ
Xé tơi những ngón tay hồng.

Ghê cái mùa thu Hà-nội

Hững hờ mấy lá vàng bay
Ru nổi buồn căm phổ vắng
Lê chân vệt mấy gót giày.

Anh những âu vui duyên mới
Lâu lâu chợt nhớ tới anh
Mỗi đào nhoèn cười hóm hỉnh:
“Hắn là anh ấy giận mình”

Nhằm tính thăm anh một buổi
Chần chừ nay hẹn đến mai
Riêng những tấm lòng phơi phơi
Thời gian thâu vẫn chẳng dài

Vun vút thoi bay cửa sổ
Mùa thu qua mấy mùa thu
Em đã con bông con bế
Vô tình quên hết bạn xưa.

Để có hôm kia một buổi
Trời cuồng trút hết gió mưa
Kẻ lớn trong nhà xa vắng
Mình em nghe đổ phong ba

Anh bỗng hiện ngoài khung cửa
Xé trời tiếng sét nổ theo
Mắt cháy hừng hực cuồng nhiệt,
Nhếch môi nửa hận nửa kiêu

(Run rẩy thương lòng thiếu phụ
Phút giây bừng hiểu muộn rồi
Cúi mặt lắng nghe ân hận
Tràn dâng khóe mắt đầu môi.)

Anh đã nói gì anh hỡi!
Em nghe loáng thoáng mơ hồ
Tình lỡ sầu theo nửa mộng
Hẹn về toàn thắng mùa Thu

Mùa Thu mùa Thu về đây
Có người ghìm mộng trong tay
Có người mang hia chiến thắng
Đi tìm em của những ngày.

Em đã khác rồi, em đã...
Biển dâu này lại biển dâu
Vừa mới rụng tàn thế hệ
Ai còn “Hải thị thần lân”?

Thôi nhe, ừ em về bên ấy
Mỏi rồi, chơi cuộc hú tim

Đã rẽ đôi giòng lý tưởng

Hương xưa: ngọc đắm châu chìm
Em còn hẹn hò Hậu Kiếp
Anh không tin chuyện luân hồi
Lại sinh em chờ người đó
Kiếp này anh mộng cùng ai?

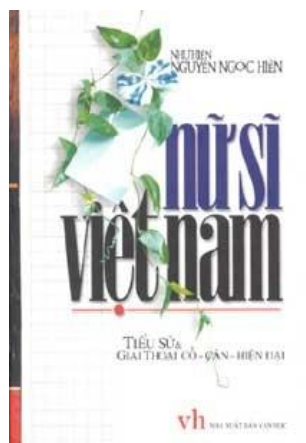
*

Mưa gió nấc câu tương biệt
Ai nhìn theo hút Tiêu Lang?
Ai đếm bước chân lưu lạc
Ai chờ nghe khúc khải hoàn.

Nguyễn Quy (Thụy An)

Trường hợp nhà báo nhà văn nhà thơ Thụy An Nguyễn Tà Cúc

Nữ Sĩ Việt Nam: Tiểu sử & Giai thoại Cổ-Cận-Hiện đại (Hiện đại phần 1), Như Hiền Nguyễn Ngọc Hiền, Nhà Xuất bản Văn học - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản, 2006.



Đây là một cuốn sách quá kém cả về văn phong lẫn khả năng biên soạn mà lẽ ra không cần bàn đến vì chữ nghĩa thì thô lậu mà tác giả thì hình như không hiểu nổi hai chữ “biên khảo” mà chính mình đã tự nhận trong Lời ngỏ (*trang 12, sđd*). Nhưng những sai lầm trong cuốn này vẫn cần được phân tích vì không những có những tài liệu đã hoặc sẽ bị tiêu hủy vì hoàn cảnh chiến tranh hay lý do chính trị mà vì nhân chứng văn học cũng dần dần không còn.

Trong tinh thần ấy, cuốn này được người viết chọn để làm sáng tỏ vì, thứ nhất, tài liệu của bà Như Hiền đã từng được xem là một trong những tài liệu “cơ bản” trong cuộc “Hội thảo khoa học” do Hội Khoa học lịch sử Việt Nam tổ chức cùng với một số tổ chức khác vào năm 2002 tại Hà Nội.

Sự khả nghi trong tư cách biên soạn

Đó là trường hợp Thụy An Lưu Thị Yến. Nhưng trước khi phân tích về Thụy An, người viết muốn nhắc lại là cuốn tuyển tập *Nữ Sĩ Việt Nam* này thiếu sót trầm trọng đến độ khó hiểu. Tuy gồm cả một số tác giả ở ngoài nước hay xuất thân cả từ Miền Bắc, bà Như Hiền đã không chọn những Lê Minh Khuê, (*Dương Thu Hương*), Nguyễn Ngọc Tư (*trong nước*) v.v...hay Phạm Thị Hoài, ngoài nước với Diễm đàn Talawas. Dù đồng ý hay không với quan điểm hoặc bài viết của bà, nhà văn Phạm Thị Hoài còn là một kiện tướng trong làng báo mạng và cho thấy nỗ lực điển hình và thành công của phụ nữ Việt ngoài nước.

Khó hiểu hơn nữa là cách bà Như Hiền viết về Việt Nam Cộng hòa, về phần đất mà bà (*và gia đình bà*) đã sống, đã hưởng tự do và cũng đã xuất bản vài cuốn sách ở đó, nghĩa là không

xa lạ gì với sách và tác giả Miền Nam. Bà Như Hiền-- người đã dám đem cái “thơ” tầm thường và kém cỏi của chính bà vào tuyển tập (*trang 1176-trang 1183*)--đã không tuyển chọn năm tác giả nữ quá nổi tiếng và “tượng trưng” (*chữ của chính bà Như Hiền*) đích thực của Miền Nam để có thể dùng bất cứ lý do gì mà bào chữa. Trong cuốn này, Nhã Ca, Trùng Dương, Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng và Nguyễn Thị Thụy Vũ đều không có mặt như thể tác giả đang viết về một nền văn học nào khác, một nền văn học mà một người hầu như vô danh như bà trước 1975 lại có thể xứng đáng hơn năm tác giả nêu trên. Ngoài ra, đây là vài thí dụ khi bà Như Hiền đề cập tới những tác giả theo Cộng sản ở Miền Nam khiến người ta có thể không biết rằng Miền Nam trước 1975 quả có tự do và đa số không theo chủ nghĩa Cộng sản:

- “Mãi bảy năm sau vào mùa đông 1963 nhà Ngô bị lật đổ vì một cuộc đảo chánh. Lúc đó ngòi bút của Minh Quân mới được hoạt động trở lại. Nhưng với chiều suy nghĩ vốn có của đời với thời điểm ấy thì việc viết cũng chưa thể được tự do. Theo chị cho biết lúc đó chị cần phải viết để giải tỏa phần nộ, dùng ngòi bút để lật mặt bọn Việt gian, và cũng là một cách tâm sự với những bạn bè đồng cảnh ngộ, đồng tư tưởng, chí hướng...”(*trang 1096, sđd*)

Bọn Việt gian nào? Và để cho công bằng cho độc giả, cho người Sài Gòn, cho những người lính cũ của Việt Nam Cộng hòa và cả cho bà Vân Trang-- một trong những nhà văn khác hoạt động cho Cộng sản tại Sài Gòn (*trang 1053-1064, sđd*)—người viết đề nghị bà Như Hiền trích dẫn những đoạn mà bà Vân Trang đã viết về Miền Nam và Sài Gòn như một đoạn thí dụ dưới đây, trong bài “Son Phấn Sài Gòn” trích từ cuốn ký *Phía sau trận tuyến* và đăng lại trong tập *Đất và Nước, Ký- Nhiều tác giả*:

- “Sau những cuộc hành quân, tên nào sống sót trở về, được phát cho mấy cái phiếu. Sĩ quan Mỹ mỗi phiếu 300 đồng, cỡ cao cấp được về Sài Gòn “giải trí” hoặc nơi đó cũng có hạng gái đặc biệt để dành riêng; trẻ đẹp, khỏe mạnh cỡ ở Sài Gòn giá từ 500 tới 1.000 đồng. Lính Mỹ: phiếu 150 đồng. Lính ngụy: 80 đồng. Mỗi phiếu dùng xong sẽ tính trừ vào lương cuối tháng. Tùy loại phiếu mà “trưởng trại” chọn cho người. Tiền cao thì nhan sắc nhiều và bệnh hoạn ít và ngược lại, tiền ít thì nhan sắc kém và vi trùng giang mai có nhiều hơn. Giá biểu của phiếu, dĩ nhiên, phải theo tình hình đồng bạc. Nhưng phần được đưa tới tay người phụ nữ trong cuộc không nhất thiết được tính lên như vậy...” (*Vân Trang, trang 175, sđd, Nhà xuất bản Văn học, Hà nội, 1975*)

Người viết đề nghị như vậy vì bổn phận của một người tuyển chọn là phải đưa ra những tác phẩm tiêu biểu của một tác giả để người đọc có dịp xét xem là đúng hay sai-- trong trường hợp này là tác phẩm của bà Vân Trang để xét xem Sài Gòn và cả Miền Nam có phải là một ổ điểm do chính quyền Việt Nam Cộng hòa tổ chức hòng bóc lột dã man phụ nữ Miền Nam hay không.

Nhưng những vấn đề trên tuy thế xem ra vẫn còn đờ khó hiểu hơn là phần bà Như Hiền viết về Thụy An (*1916, Hà nội-1989, Sài Gòn*), một nhà văn, nhà báo trong giới tiền phong của phụ nữ Việt và cũng là người phụ nữ duy nhất bị kết án trong vụ Nhân Văn-Giai Phẩm. Bà Như Hiền sinh năm 1930, nghĩa là chỉ thua Thụy An có 14 tuổi. Thụy An lại vào Nam sau này và qua đời năm 1989 ngay tại Sài Gòn, nghĩa là những điều bà Như Hiền viết về Thụy An như sẽ trình bày sau đây quả là một vấn đề rất đáng nên đặt ra, nhất là khi người Cộng sản, tới nay, vẫn im lặng trước điều hiển nhiên là họ đã giam giữ Thụy An suốt mười mấy năm viện vào nhiều thứ tội danh mà họ đã vu cáo cho bà.

Nhà báo nhà văn nhà thơ Thụy An (Lưu Thị Yên)

Theo sự sưu tầm của nhà phê bình Lại Nguyên Ân và đăng lại trên Diễn đàn Talawas thì vào ngày 19-1-1960, Tòa án Nhân dân Hà Nội đã “xử vụ gián điệp có tổ chức do bọn Nguyễn Hữu Đang và Thụy An cầm đầu.” Nguyễn Hữu Đang và Thụy An bị án nặng nhất: mỗi người “bị 15 năm phạt giam, 5 năm mất quyền công dân.” Theo Đặng Chí Bình, một điệp viên thuộc Quân

lực Việt Nam Cộng hòa bị giam ngoài Bắc thì ông đã được thấy tận mắt bằng chứng Thụy An hủy một mắt trong tù:

- “Tôi loay hoay quét dọn lại sạch sẽ căn buồng. Chợt, tôi nhìn thấy trên tường, chỗ gần phía cùm, có mấy dòng chữ khắc sâu vào tường: ‘Tại nơi này, tôi đã dùng đũa chọc, hủy bỏ một con mắt của tôi, để phản đối chế độ Cộng Sản độc tài phi nhân đàn áp dã man văn nghệ sĩ. Thụy An: Lưu Thị Yến’. Tôi mần mò mãi mới đọc được hết những giòng trên. Phần vì bóng của chiếc cùm làm tối đi; phần khác, vì lâu ngày đã quét thêm một lớp vôi (*cũng may, giòng chữ lúc khắc khá sâu, nên lớp vôi không lấp hết được*). Nhưng, nếu ai vào buồng chỉ đứng nhìn cái cùm, vô tình sẽ không nhìn thấy giòng chữ viết ở chỗ hơi khuất này.” (*Đặng Chí Bình, Hồi ký Thép Đen, <http://www.chinhviet.net/>*)

Trước đó, tuy không ra mặt chống lại Cộng sản, Thụy An có bạn tình là một nhân vật quan trọng của Việt Nam Quốc Dân Đảng và hợp tác với một tạp chí chống Cộng sản ra mặt, là tạp chí Phổ Thông. Hơn thế nữa Thụy An là một người cầm bút có hoạt động báo chí mạnh mẽ. Theo tài liệu sưu tầm của Tiến sĩ Đặng Thị Vân Chi ** thì Thụy An là Chủ nhiệm tuần báo Đàn bà mới (số 1/1. 12. 1934-Số 95/4.6.1937), tòa soạn đặt tại 49 đường Gallent, Sài gòn và Quản lý tuần báo Đàn bà (số 1/24. 3. 1939-Số cuối năm 1945), tòa soạn đặt tại 76 Wiele, Hà nội. (<http://chuyencuachi.blogspot.com/2010/04/1-phu-nu-la-mot-nua-xa-hoi-lich-su-phu.html>)

Nhưng lạ lùng thay, bà Như Hiền cung cấp cho người đọc một tiểu sử có những tin tức quá sai lầm đến nỗi mỉa mai về Thụy An:

- “Cô bí mật tham gia nhiều cuộc hội họp cách mạng. Đi đâu cô cũng muốn gieo rắc tinh thần vô sản dân tộc[...]Chồng bà là một nhà giáo kiêm nhà văn, chuyên viết báo với bút hiệu là Bằng Dương[...]Thời gian sau, bà theo chồng đổi vào Nam. Ở Sài gòn, Thụy An làm chủ nhiệm tuần báo Phụ Nữ Tân Văn (1937)[...] Tại Hà Nội 1956, phong trào trăm hoa đua nở bột phát...⁽⁵⁾ thời gian này bà bị đau mắt nặng, cũng là lúc vợ chồng Thụy An, Bằng Dương phải sống ly thân, cũng chỉ bởi lý do đau buồn về chuyện vợ chồng rồi cơm không lành, canh chẳng ngọt nữa! Nhưng ông bà đã sinh hạ 6 người con. Ba trai, ba gái (năm 2002 đều đã có danh phận) Muốn khuấy khỏa Thụy An có ý định vào Nha Trang chơi...” (*Trang 814, 815-816, sđd*)

Không, Thụy An không “có ý định vào Nha Trang chơi” vì lúc ấy đã có liên hệ với những người mà Cộng sản nghi ngờ rồi sẽ bị bắt giam vì vụ Nhân Văn –Giai Phẩm. Không, Thụy An không bị đau mắt nặng (!!!) khi “phong trào trăm hoa đua nở bột phát” mà bà đã tự chọc mù mắt “để chống lại” Cộng sản theo lời chứng của Đặng Chí Bình (*một quân nhân Biệt kích Việt Nam Cộng hòa bị bắt khi xâm nhập Miền Bắc trước 1975*) và sau này, theo dịch giả Nguyễn Ngọc Chính.

Không, Thụy An không thể là người muốn “gieo rắc tinh thần vô sản dân tộc” vì không những bà đã có bạn tình là một yếu nhân của Việt Nam Quốc Dân Đảng mà lại còn hợp tác với tạp chí Phổ Thông, Cơ quan văn hóa của Hội Ái Hữu Cựu sinh viên Trường Luật (*Chủ nhiệm Lê Văn Kỳ và Chủ bút Vũ Quốc Thúc*). Sự chọn lựa lý tưởng quốc gia của Phổ Thông đã rõ ràng qua một vài bài viết mà đây là một thí dụ điển hình: “Dân tộc Việt Nam đã trưởng thành về chính trị và 5 năm kinh nghiệm chính quyền cộng sản độc tài càng khiến cho họ khát và kiên quyết với lý tưởng dân chủ...” (*Dương Minh, Phổ Thông Số 4 và 5 Đặc biệt Xuân Nhâm Thìn, Tháng 12.1951 và 1, 1952, trang 134*). Như vậy sự góp mặt của Thụy An với bài tiểu luận ngắn “Cô nghĩ gì cô gái Đô-thành năm 1953” trong Phổ Thông số 17, tháng 4.1953 (*trang 75-75*) và truyện ngắn “Giết chó” trong số 19-20, tháng 6 & 7. 1953 (*trang 101-109, ký là Thụy An Hoàng Dân*) không phải là một sự tình cờ. Với người Cộng sản, bà là sự đe dọa đáng kể: thuộc thành phần tiểu tư sản, trí thức, lại là người cầm bút từng có phương tiện truyền thông trong tay.

Không, Thụy An cũng không phải là “chủ nhiệm tuần báo Phụ Nữ Tân Văn (1937)” vì theo Thiện Mộc Lan, tác giả cuốn *Phụ nữ tân văn-Phấn son tô điểm sơn hà* thì Phụ nữ Tân Văn “góp mặt với làng báo” trong khoảng “1929-1935” và “P.N.T.V. bất ngờ được lệnh đóng cửa vĩnh viễn” vào “số kế tiếp 273 ngày 21-4-1935” (Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn, 2010, trang 302, 309, sđd) Không hiểu vì đâu mà nguồn tin (sai) Thụy An là “Chủ nhiệm Phụ nữ Tân văn” xuất hiện rất nhiều nơi, kể cả trong sách của bà Như Hiên và một bài viết của Thụy Khuê, đã dẫn.

Theo Thụy Khuê thì “Theo Trinh Tiên, năm 1939, bà (Thụy An-chú của người viết) làm chủ nhiệm báo *Phụ Nữ Tân Văn* ở Sài Gòn.” Nhưng theo Thiện Mộc Lan, chủ nhiệm của Phụ Nữ Tân Văn không bao giờ là một phụ nữ mà lại là ông Nguyễn Đức Nhuận, quê ở Trà Vinh và là chồng của bà Cao Thị Khanh, quê quán Gò Công. Bà Cao Thị Khanh là người “sáng lập” Phụ nữ Tân văn. Nguồn tin của Thiện Mộc Lan là đúng hoàn toàn vì nếu không tin, cứ dở lại tờ Phụ nữ Tân Văn sẽ thấy ngay, như sau: “Phụ- nữ Tân -văn, Tuần báo xuất bản ngày thứ năm, Tòa soạn: 42, đường Catinat-Saigon, SÁNG LẬP Madame NGUYỄN ĐỨC NHUẬN, CHỦ NHIỆM M. NGUYỄN ĐỨC NHUẬN...”

Thật là hết sức đáng tiếc khi bày ra giai thoại hay trích dẫn thơ văn liên quan đến một nữ lưu kiệt hiệt như Thụy An mà tài liệu của bà Như Hiên quá nghèo nàn và quá sai sót. Chẳng lẽ bà Như Hiên không biết gì hết về vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, một vụ án chấn động Miền Bắc lan qua tới Miền Nam và đã được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước bàn luận sôi nổi trở lại trong thời gian gần đây? *Viết như bà Như Hiên là tước đoạt sự can đảm khác thường của Thụy An, là biến một người đàn bà dũng cảm đã chịu tù đầy 12 năm vì không chịu đầu hàng bạo lực thành một người bệnh tật chỉ biết vương vấn với nỗi sầu tình riêng tư.* Viết như thế cũng là không phản ảnh được một sự kiện chính trị đã có ảnh hưởng quá quan trọng với văn học Miền Bắc, nghĩa là cả với lịch sử Việt nam. Nội một vụ này thôi đã chứng tỏ cuốn *Nữ Sĩ Việt Nam* là một cuốn sách không thể tin cậy được và quá là ông Trương Minh Đạt đã không nặng lời khi trách mắng bà Như Hiên rằng “Làm văn học theo cách của tác giả NSVN quả là có tội với văn học và lịch sử.”

Ngoài vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, lẽ ra cần nên nói nhiều hơn về nội dung của hai tờ báo mà Thụy An đã chủ trương như những bài xã luận mà Tiến sĩ Vân Chi đã nêu ra như “Dân chủ? Độc tài? Quân chủ lập hiến? trong ba chánh thể ấy nên chọn chánh thể nào?” trên báo *Đàn bà* mới hay cuộc thi viết về “Người đàn bà kiêu mẫu” trên báo *Đàn bà*. Nhà văn Tô Hoài thuật lại việc hai anh em nhà viết kịch Trúc Đường và nhà thơ Nguyễn Bính đã có bài đăng trên báo *Đàn bà* thế nào và báo này có một mục đặc biệt ra sao:

- “Những năm trước 1945, Trúc Đường kiếm sống bằng nghề sửa bài in cho nhà in Lê Cường. Anh còn kiêm làm báo *Đàn bà*. Cũng là tình cờ mà anh làm báo ấy. Chỉ vì báo *Đàn bà* in ở nhà in Lê Cường [...] Trên báo *Đàn bà* còn có một mục lạ kiểu hơn tất cả các báo lúc ấy. Đó là mục nhắn tin mua hàng hộ bạn đọc. Các bà các cô đọc báo *Đàn bà* có thể là người phong lưu ở tỉnh xa, gặp thời buổi chiến tranh, cái gì cũng khan hiếm, sơn phấn, vải vóc và mọi thứ trang sức đều khó tìm khó mua. Báo *Đàn bà* đứng ra làm việc ấy, môi giới hoặc mua hộ rồi thiển tiền hoa hồng. Cái mục mua hàng giúp bạn đọc mỗi kỳ dài mấy cột chứ không ít. Chủ báo *Đàn bà* thuê Trúc Đường cáng hai trang văn thơ ở giữa báo. Vì vậy, thời kỳ này, ở Huế hay ở Sài Gòn, hầu hết thơ Nguyễn Bính đều gửi về báo *Đàn bà* ở Hà Nội. Trúc Đường viết truyện...Trên báo *Đàn bà* nhiều truyện ngắn và in từng kỳ tiểu thuyết *Sen tịnh đế*.” (Tô Hoài, *Những gương mặt chân dung văn học, trang 113-114, Nhà xuất bản tác phẩm mới-Hội Nhà văn Việt Nam, 1988.*)

Ngoài mục ấy, cũng theo Tiến sĩ Đặng Thị Vân Chi thì còn có một mục gọi là “Chuyện riêng” “dành để giải đáp các thắc mắc về tình cảm riêng tư của phụ nữ, cũng như là nơi để phụ nữ tâm sự bày tỏ những uẩn khúc trong tình cảm và quan hệ hôn nhân”.

Qua những hoạt động của Thụy An đã được trình bày ở trên, người viết muốn đặt thêm một vấn đề nữa: những tin tức sai lạc –như của bà Như Hiền dù vô tình—cần được làm cho sáng tỏ để bênh vực và minh oan cho một phụ nữ chống Cộng mà cho đến nay nhà cầm quyền Cộng sản xem ra vẫn còn muốn gieo “nhiều tiếng dữ”. Thụy An là người phụ nữ duy nhất từng bị giam cầm trong vụ Nhân Văn-Giai phẩm mà cho đến nay vẫn chưa được Hà nội gián tiếp nhận lỗi như đã làm với Hoàng Cầm, Lê Đạt. Ông Bùi Nhung, chồng cũ của bà, từng tìm cách minh oan cho bà về vụ án đầu độc người tình Đỗ Đình Đạo thì bản thân cũng từng bị khổ đốn vì Cộng sản. Khi ông nhận chức Giám đốc Đài “Tiếng Nói Việt Nam” từ Thủ tướng Nguyễn Phan Long, cậu con trai 1 tuổi của ông bị người Cộng sản cho bắt cóc.

Trong cuốn hồi ký *Thối Nát* (xuất bản ở Sài Gòn không rõ năm, khoảng cuối những năm 1960, ông có đăng hình Thụy An với dòng chữ chú dưới: “Nữ sĩ Thụy An, nữ danh Lưu Thị Yến, nạn nhân của Việt Minh Cộng sản. Bà thuộc nhóm “nhân văn” của cụ Tú Phan Khôi. Hiện bà bị V.M. cầm tù tại Bắc Việt...” (*trang 129, sđd*) và thuật lại rằng ông đã ra vùng Việt Minh khoảng 1954 “thăm bà Thụy An, vợ cũ, để hỏi ra cho ngành ngọn cái chết của anh Đỗ Đình Đạo, mà tất cả báo chí đổ diệt cho bà là thủ phạm.” (*trang 199, sđd*)

Sau 1975, hầu như bà bị bỏ quên. May mắn thay, bà đi học tiếng Anh với dịch giả Nguyễn Ngọc Chính và người thầy tốt bụng này dịch thơ cho bà và đã cho chúng ta biết về phần đời cuối của Thụy An tại Sài Gòn. Dịch giả Nguyễn Ngọc Chính cũng đưa ra ánh sáng một chi tiết quan trọng để đính chính nguồn tin sai lạc về khả năng Anh văn của Thụy An mà người viết nghĩ đã được người Cộng sản bịa đặt cộng thêm lời khai của một vài người trong nhóm Nhân văn- Giai phẩm như Phùng Quán và Lê Đạt, bịa đặt ra để thêm tội làm gián điệp cho bà (6). Theo ông Chính, bà Thụy An không biết tiếng Anh như lời đồn đãi. Bởi thế, nếu Thụy Khuê cũng căn cứ vào “lời thú tội” của nhà thơ Phùng Quán để viết trong “Chương 8-Thụy An” rằng: “Thụy An dạy Phùng Quán học tiếng Pháp và tiếng Anh”, <http://thuykhue.free.fr/stt/n/nhanvan08.html>) thì cũng là không đúng nốt:

- “ Tuy nhiên phải nói lại cho đúng: Đây là chi tiết sai sự thật vì nếu bà Thụy An có trình độ tiếng Anh như ông Tô Hải mô tả thì chắc chắn tôi là người phải xin thọ giáo bà chứ không phải là người giúp bà học những câu như ‘How are you?’ hoặc ‘My name is Yến’” ...Năm 1973, bà Thụy An cùng với Nguyễn Hữu Đang được thả trong diện “Đại xá chính trị phạm trong hiệp định Paris”. Bà làm đơn xin vào Nam sinh sống để hy vọng được đoàn tụ với các con tại nước ngoài và đó cũng là lý do tôi trở thành người kèm Anh văn cho bà.

“Trong thời gian đầu khi bị giam giữ chờ ngày ra tòa, bà đã vượt qua mọi hình thức cân não, đấu tranh tư tưởng của cán bộ chấp pháp. Tuy nhiên, theo lời bà, sự căng thẳng duy nhất, khó vượt qua nhất, lại là tiếng giọt nước nhỏ đều đều suốt đêm từ robinet đầu đó vang đến phòng giam. Từng giọt... từng giọt... suốt đêm này qua đêm khác khiến thần kinh căng lên như giầy đàn giữa đêm thanh vắng...”

“Những ngày cuối đời, bà Thụy An sống cô đơn trong gian nhà nhỏ thuê gần đường Bùi Hữu Nghĩa, bên hông chợ Bà Chiểu, Sài Gòn. ‘Bạn vong niên’, theo lời bà vẫn thường nói đùa, chỉ có tôi năng lui tới. Mang tiếng là kèm cho bà tiếng Anh nhưng thực ra công việc quan trọng nhất của tôi là chuyện trò với bà và dịch một số thơ của bà sang tiếng Anh. Đa số là trường ca lục bát kể lại những chuyện xưa như *Thiếu phụ Nam Sương*, *Truyện trâu cau*, *Hòn vọng phu*... Tôi đã bỏ ra rất nhiều công sức để dịch những trường ca của bà sang thơ bằng tiếng Anh[...]

“Nữ văn sĩ Thụy An mất tại Sài Gòn năm 1989 khi chưa kịp sang Hoa Kỳ đoàn tụ cùng con cái. Đám tang của bà chỉ có vài người họ hàng thân thuộc và chòm xóm. Tôi nghĩ bà mất trong niềm hy vọng đoàn tụ là một đoạn kết có hậu (happy ending) vì nếu còn sống, niềm hy vọng đó sẽ mỗi mòn đối với một bà cụ sau khi đã cống hiến quãng đời 15 năm và một con mất tại trại cải tạo Lý Bá Sơ ngoài miền Bắc. Hình như chúng ta vẫn nợ Một Lời Kết về bà Thụy An. Những người trong cuộc đã minh oan cho bà, vấn đề còn lại là trả lại danh dự cho một người đã khuất.” (Nguyễn Ngọc Chính, <http://nguyenngocchinh.multiply.com/>)

Cái danh dự ấy người Cộng sản có thể không muốn trả, nhưng người không Cộng sản có thể giữ cho chân dung bà được vẹn toàn bằng cách viết cho chính xác về bà.

Những thí dụ trên đây đủ cho thấy cuốn *Nữ Sĩ Việt Nam: Tiểu sử & Giai thoại Cổ - Cận - Hiện đại (Hiện đại phần 1)* khó hay không thể làm được những điều mà bà Mộng Tuyết giới thiệu: “Tác giả đã làm một việc chuyển hóa tư tưởng qua nhiều thế hệ để đi đến đúc kết hệ thống toàn bộ lịch sử văn học nằm trong nền văn hóa Việt Nam” (*trang 6, sđd*). Chưa cần nói đến “toàn bộ lịch sử văn học” vội, cuốn sách này chỉ mới phản ánh hết sức hạn hẹp cái thế giới riêng tư và nhỏ nhoi của tác giả. Những thế hệ đi sau đọc cuốn này sẽ chỉ biết đến loại văn chương mà bà Như Hiên và số người do bà đem vào làm đại diện và sẽ chỉ biết đến một số phụ nữ chọn Cộng sản là lý tưởng, nhưng sẽ không bao giờ có thể tưởng tượng nổi một Miền Nam tự do với ít nhất là năm phụ nữ với văn chương đã có lúc sánh vai được với nam giới trong sức thu hút độc giả. Tác phẩm của họ đã cùng nhiều tác giả khác ghi lại tâm tình phụ nữ của một nửa nước trong cả một thời thế, nhất là một thời biến loạn. Cũng chính vì sự biến loạn ấy mà người làm tuyển tập càng nên công bằng. Cuộc đời thơ văn của Thụy An là trường hợp cho thấy rõ nhất cái sợi dây vô hình giữa người cầm bút và thời thế. Người đi sau lần theo sợi dây để trở về một nơi đất cũ “rực rỡ ban mai” hay “thăm thẳm đêm trường.” Chúng ta, những người còn là nhân chứng, phải làm sao cho đất cũ khỏi biến dạng theo những người biên soạn cố ý hay vô tình không chịu viết sự thực về cái thời thế rực rỡ ban mai hay thăm thẳm đêm trường ấy. Trong những số tới chúng tôi sẽ viết rõ thêm về Thụy An và một vài tác giả nữ khác để góp vào phần tài liệu cho đầy đủ và chính xác hơn.

Người viết dĩ nhiên hoan nghênh sự góp ý của những tác giả đã được nhắc đến trong bài. Văn học Miền Nam và Văn học Phụ nữ Việt Nam là một lãnh vực khó khăn cho bất cứ ai muốn khảo cứu vì vấn đề tài liệu. Trong tinh thần ấy, người viết—vốn rất quan tâm về tình cảnh của phụ nữ -- xin quý độc giả xa gần chỉ cho những sai lầm để sửa chữa.

Hoàn chỉnh ngày 10.4.2012, Hoa Kỳ

Chú thích

5) Độc giả có thể đọc lời Phùng Quán kết án Thụy An liên quan đến vấn đề Anh ngữ trong Diễn đàn Talawas, Loạt Nhân Văn Giai Phẩm. Đây là đoạn liên quan đến Thụy An: “Còn học Pháp và Anh văn thì tôi học với con mẹ Thụy An, và do đó tôi bắt đầu thân với mẹ từ đấy. Khi được tin tôi đã ra bộ đội thì hấn tỏ vẻ rất sẵn sóc đến việc học của tôi. Tháng đầu tôi còn bận viết thì mỗi lần gặp tôi hấn đều thúc dục sao không đi học đi, tôi sẽ dạy cho Quán một tuần bốn tiếng đồng hồ. Tháng thứ hai tôi đến học với hấn, cùng với một người bạn của tôi là sinh viên. Trước khi đến học, tôi có biết Thụy An trước đây đã giết chồng, làm phóng viên chiến tranh cho Pháp, đã đi máy bay lên Điện biên phủ. Nhưng đến lúc này thì bản chất cách mạng của tôi đã không còn gì nữa, nên tôi thấy những việc làm của mẹ ta là việc thường. Đến học với hấn, tôi tỏ ý phục, và mỗi ngày một cảm tình hơn. Tôi gọi hấn là chị với tất cả nghĩa của nó. Tôi nghe hấn kể lại hấn đã quen hết bọn Việt gian, bù nhìn, cao cấp của bọn Pháp như: Trần Văn Hữu, Phán Văn Giáo, Tassigny. Hấn thường bảo Văn Hữu rất trí thức, Tassigny thì boble, rất giỏi,

thông minh, một ngày thay mười hai sơ mi đứng gần cứ thơm phức, le général parfumé. Trước những lời khen sắc mùi bán nước của hắn, tôi vẫn im lặng nghe, không tỏ thái độ gì. Hắn khen ngợi những kẻ thù ghê tởm nhất, độc ác nhất, gây ra biết bao thảm họa cho đất nước, thế mà tôi không còn thấy căm thù, thấy giận dữ nữa. Nghe cũng như nghe mọi câu chuyện thường tình khác...” (*Diễn đàn Talawas, bđd*) Theo người viết, thiệt hết sức đáng tiếc là, nếu như người viết không lầm, Phùng Quán không bao giờ thú nhận đã vu oan cho Thụy An để xứng đáng với sự ngưỡng mộ của rất nhiều độc giả sau này. Đó là cái vệt chàm trong đời cả Phùng Quán (và Lê Đạt) mà không thể chối cãi được.

Nghi án 60 năm Trần Gia Phụng



Nhà Văn Thụy An

Thụy An- Lưu Thị Yên.
Ảnh Wikipedia

Cách đây sáu chục năm, trước khi Việt Minh cộng sản tiếp thu Hà Nội (10-10-1954), tại thành phố này xảy ra vụ án mạng ông Đỗ Đình Đạo, một nhà hoạt động chính trị nổi tiếng, mà cho đến nay chưa biết ai là thủ phạm, nhưng lại ảnh hưởng lâu dài đến cuộc đời của nữ văn sĩ Thụy An.

1.- NỮ VĂN SĨ THỤY AN

Bà Thụy An tên thật là Lưu Thị Yên, sinh ngày 24 tháng 8 năm bính thìn (21-9-1916), con gái đầu của ông Lưu Tiến Ích và bà Phùng Thị Tôn, người làng Hòa Xá, huyện Ứng Hòa, Hà Đông. Bà từ trần tại Sài Gòn ngày 7 tháng 5 năm Kỷ Tỵ (10-6-1989), thọ 74 tuổi (*tuổi ta*), pháp danh Nguyên Quy. (*Theo tộc phả Bùi tộc Châu Cầu, Phủ Lý, Hà Nam.*)

Năm 1934, lúc 18 tuổi, bà kết hôn với ông Bùi Nhung (1907-1987). Bùi Nhung là con cụ Bùi Thức (*tiến sĩ Nho học*), người Châu Cầu, Phủ Lý, Hà Nam, và là em ông Bùi Kỳ (*phó bảng Nho học*), và cũng là em bà Bùi Thị Tuất tức bà Trần Trọng Kim. Hai ông bà Bùi Nhung-Thụy An có sáu người con là Bùi An Dương, Bùi Thụy Băng, Bùi Thu Linh (nữ), Bùi Dương Chi, Bùi Ngọc Trinh (nữ) và Bùi Châu Công.

Sau khi sinh người con út, Thụy An sống ly thân với Bùi Nhung, nhưng không ly dị. Lý do vì lúc đó, Bùi Nhung liên hệ tình cảm với bà Lưu Thị Trạch, tên thường gọi là Việt. Bà Trạch hay Việt là em ruột bà Thụy An, nên Thụy An im lặng rút lui, nhường chồng cho em.

Bùi Nhung là nhà văn, nhà giáo, bút hiệu Băng Dương, đã từng làm giám đốc Đài phát thanh Hà Nội năm 1948-1949 và sau đó 1951-1954. Bùi Nhung còn làm giám đốc đài phát thanh Hải Phòng năm 1954, trong thời gian 300 ngày trước khi Hải Phòng bị Việt Minh tiếp thu. (*Việt Minh*

tiếp thu Hải Phòng ngày 13-5-1955.) Trong thời gian này, xảy ra vụ án mạng Đỗ Đình Đạo ngày 29-7-1954. Bà Thụy An bị nghi ngờ và bị bắt giữ ở nhà ga xe hỏa gần Hải Phòng. Bùi Nhung biết được, đã đến thăm bà Thụy An.

Bà Thụy An là nữ tiểu thuyết gia duy nhất có tên trong bộ sách *Nhà văn hiện đại* do Vũ Ngọc Phan biên soạn. Bộ sách này gồm 4 quyển, do Tủ sách Tao Đàn, Nxb. Tân Dân ấn hành tại Hà Nội từ năm 1942 đến năm 1945, đánh số trang liên tục, trong đó quyển tư viết về các tiểu thuyết gia. Bộ sách này về sau được tái bản nhiều lần. Vũ Ngọc Phan cho rằng tiểu thuyết *Một linh hồn* (xuất bản 1943) của bà Thụy An là cuốn tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt Nam trước năm 1945.

Ngoài tài làm thơ và viết tiểu thuyết, bà Thụy An còn làm báo, viết phóng sự. Sau khi kết hôn, Thụy An cùng chồng vào Sài Gòn lập ra tuần báo *Đàn Bà Mới*. Bùi Nhung làm giám đốc chính trị (*directeur politique*), còn Thụy An làm giám đốc kiêm chủ bút (*directrice et rédactrice-en-chef*).

Tại Sài Gòn, lúc đầu báo quán *Đàn Bà Mới* nằm trên đường Leman. (*Đường Leman về sau là đường Cao Bá Nhạ, quận 1.*) Sau đó, báo quán đổi qua số 43 đường Gallieni. (*Đường Gallieni về sau đổi thành đường Trần Hưng Đạo.*) Báo *Đàn Bà Mới* xuất bản hàng tuần vào ngày Thứ Bảy, ra số đầu tiên (số 1) ngày Thứ Bảy 1-12-1934. Khi đổi trụ sở qua đường Gallieni, *Đàn Bà Mới* cũng đổi ngày ra là Thứ Hai hằng tuần. Số cuối cùng (số 95) ra ngày Thứ Sáu 4-6-1937.

Năm 1938, bà Thụy An ra Hà Nội, xuất bản tuần báo *Đàn Bà*, phát hành vào ngày Thứ Sáu hàng tuần, số đầu ra ngày 16-2-1938 và số cuối vào tháng 4-1939. Tòa soạn tuần báo *Đàn Bà* đặt trên đường Wiéle. (*Đường này về sau đổi thành đường Tô Hiến Thành.*)

Theo bà Bùi Ngọc Trinh, con gái của bà Thụy An, thì Thụy An từng làm Giám đốc *Vietnam Press*, nhưng theo người cháu của bà Thụy An thì ông biết chắc chắn Thụy An có làm việc cho *Vietnam Press*, nhưng không rõ chức vụ. (*Nói chuyện với ông Quyền tại San Jose ngày 8-7-2014.*)

Cũng theo nguồn tin trong gia đình, thì vào năm 1951, Thụy An đưa bốn trong sáu người con, vào sinh sống ở Sài Gòn. Đó là An Dương, Thu Linh, Ngọc Trinh và Châu Công. Hai người còn lại là Thụy Băng và Dương Chi sống với ông Bùi Nhung và bà vợ sau của ông Nhung.



Không được biết do tình trạng gia đình, hay do công việc, Thụy An lúc này hay ra vào Sài Gòn – Hà Nội. Theo lời kể của Bùi Thụy Băng, con trai bà Thụy An, thì khoảng nửa tháng trước khi Việt Minh tiếp thu Hà Nội, Thụy An từ Sài Gòn ra Hà Nội. (*Thụy Khuê, Nhân văn Giai phẩm và vấn đề Nguyễn Ái Quốc, Virginia: Nxb. Tiếng Quê Hương, 2012, tr. 179.*) Tuy nhiên, Việt

Minh tiếp thu Hà Nội ngày 10-10-1954. Nếu nửa tháng trước ngày Việt Minh tiếp thu Hà Nội tức khoảng cuối tháng 9. Trong khi đó, Đỗ Đình Đạo chết ngày 29-7-1954. Lúc đó, Thụy An đã có mặt tại Hà Nội. Vậy Thụy An phải ra Hà Nội trước ngày này. Nếu trước nửa tháng thì có thể trước ngày ký kết hiệp định Genève 20-7-1954. Đây là chuyến đi cuối cùng của Thụy An vì sau đó bà mắc nạn và ở lại đất Bắc.

Văn nghiệp bà Thụy An khá phong phú. Bà có thơ đăng trên tạp chí Nam Phong năm 13 tuổi (1929). Bà làm nhiều thơ nhưng không in thành tập. Về tiểu thuyết, ngoài truyện dài *Một linh hồn*, bà xuất bản hai tập truyện ngắn là *Vợ chồng* (25 câu chuyện về hạnh phúc gia đình) và *Bốn mớ tóc*. Bìa sau của tập truyện ngắn *Bốn mớ tóc* có in dòng quảng cáo: Đón đọc *Nhà lãnh tụ*, là sách bà Thụy An dự tính sẽ viết về Đỗ Đình Đạo.



Thụy An còn nhiều tác phẩm viết sau năm 1954 ở Bắc Việt Nam và cả trong thời gian ở tù vì vụ *Nhân văn Giai phẩm*, chưa được ấn hành. Dầu bị xáo trộn trong gia đình, Thụy An vẫn tiếp tục hoạt động báo chí, sáng tác văn thơ, nhưng bất ngờ bà bị mắc nạn vào nghi án về cái chết của người bạn gia đình là Đỗ Đình Đạo.

2.- ĐỖ ĐÌNH ĐẠO BỊ ĐỘT TỬ

Đỗ Đình Đạo sinh ngày 17-7-1911 tại Hà Nội, là con của cụ Đỗ Đình Tiến (*bị Việt Minh giết*) và cháu nội của Đô thống Đỗ Đình Thuật. Ông gia nhập Đại Việt Dân Chính Đảng do Nguyễn Tường Tam thành lập năm 1938, rồi gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Năm 1952, thủ tướng chính phủ Quốc Gia Việt Nam là Nguyễn Văn Tâm giao cho Đỗ Đình Đạo chỉ huy Đoàn Quân Thứ Lưu Động (*Groupe Administratif Mobile en Opération viết tắt là GAMO*) ở Bắc Việt. Trước hiệp định Genève, Việt Nam chưa bị chia hai, Ngô Đình Diệm thành lập chính phủ ngày 7-7-1954. Hai ngày sau (7-7-1954), ông Diệm bổ nhiệm Hoàng Cơ Bình làm đại biểu chính phủ tại Bắc Việt kiêm chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Bắc Việt. Ủy ban này còn có Trần Trung Dung làm uỷ viên dân sự và thiếu tướng Nguyễn Văn Vận làm uỷ viên quân sự, chính thức hoạt động ngày 12-7-1954. Hoàng Cơ Bình mời Đỗ Đình Đạo vào Ủy ban Bảo vệ Bắc Việt, có thể vì ông Đạo đang chỉ huy binh đoàn GAMO, nắm trong tay lực lượng quân sự.

Những người lúc đó ở Hà Nội cũng như ở Hải Phòng, chuẩn bị di cư vào Nam, cho biết là đã được tin Đỗ Đình Đạo bị ám hại vào cuối tháng 7-1954. Trong sách Việt Nam Quốc Dân Đảng, tác giả Hoàng Văn Đào xác định Đỗ Đình Đạo đột ngột tử trần tại nhà số 1 đường Tuyên Quang, Hà Nội tối 29-7-1954. (*Hoàng Văn Đào, Việt Nam Quốc Dân Đảng, tái bản kỳ II, Sài Gòn: 1970, tr. 489.*)

Đường Tuyên Quang về sau đổi thành đường Cao Bá Quát. Ngôi nhà này là nhà của bà Thụy An. Lúc đó, Hà Nội vẫn còn thuộc chính quyền Quốc Gia Việt Nam. Nhà đương cuộc tìm thấy Đỗ Đình Đạo bị đột tử một mình trong nhà bà Thụy An, nên truy tìm bà để mở cuộc điều tra và chặn bắt bà tại ga xe lửa nhỏ gần Hải Dương.

Được tin này, báo chí Hà Nội liền chạy những bài phóng sự về cái chết của Đỗ Đình Đạo, có tựa đề nóng bỏng, giật gân, nhằm hấp dẫn độc giả: Vụ án vì TÌNH, TIỀN HAY CHÍNH TRỊ? Báo chí còn cho biết bản khám nghiệm pháp y tử thi Đỗ Đình Đạo do bác sĩ Phán ký tên, kết luận rằng ông Đạo bị chết vì chất độc cyanure de mercure. (*Theo lời người con ông Đạo.*)

Khi Đỗ Đình Đạo bắt ngờ từ trần, bà Đỗ Đình Đạo cùng 12 người con đang sinh sống ở Sài Gòn. Được hung tin, bà Đạo ngất xỉu, đau yếu. Chị của ông Đạo cùng người con gái đầu của ông Đạo, lúc đó 22 tuổi, từ Sài Gòn ra Hà Nội, lo việc tang ma cho nạn nhân.

Dựa vào những bài phóng sự trên báo chí, nhiều câu chuyện chung quanh cái chết của Đỗ Đình Đạo được bàn tán, nhất là mối liên hệ giữa Đỗ Đình Đạo với người chủ nhà là Thụy An.

3.- LIÊN HỆ GIỮA THỤY AN VÀ ĐỖ ĐÌNH ĐẠO

Để thấy rõ mối liên hệ giữa Thụy An và Đỗ Đình Đạo, trước hết cần chú ý là Đỗ Đình Đạo không phải chỉ là bạn của Thụy An, mà còn là bạn với cả Bùi Nhung, chồng bà Thụy An.

Về phía Thụy An, tuy sống ly thân với Bùi Nhung, nhưng bà không ly dị chồng. Thụy An đã im lặng hy sinh hạnh phúc của mình cho em ruột mình, và vẫn còn thương yêu chồng con nên không đoạn tuyệt chồng mà bà chỉ tự ý sống ly thân, chứ không phải bà ly thân vì phán quyết của tòa án. Đây là sự hy sinh mà ít phụ nữ có thể chịu đựng được.

Về phía Đỗ Đình Đạo, ông là một nhà hoạt động chính trị nổi tiếng, chỉ huy một binh đoàn lớn. Ông giao thiệp rộng, và ông cũng là bạn của Bùi Nhung. Ông không thể tự mình làm hại đến tình bạn và cũng là tình đồng chí với Bùi Nhung. Chắc chắn Đỗ Đình Đạo không dại gì có mối liên hệ bất chính với Thụy An để bị mang tai tiếng, mất bạn bè, mất đồng chí, còn bị giới chính trị, dân chúng và ngay cả binh đoàn GAMO, chê cười, khinh dễ mình, làm suy giảm niềm tin của mọi người.

Đỗ Đình Đạo có vợ và 12 người con. Người con đầu sinh năm 1932 và người con út sinh năm 1954, ngay trước khi Đỗ Đình Đạo qua đời. Đỗ Đình Đạo chăm sóc gia đình, vợ con rất chu đáo. Gia đình ông hạnh phúc. Các con ông Đạo xác nhận ông Đạo là chỗ thân tình với hai ông bà Bùi Nhung và Thụy An, chứ ông không phải là tình nhân của Thụy An.

Trong gia đình Bùi Nhung, người cháu của Bùi Nhung cho biết rằng Thụy An và Bùi Nhung đều là bạn của Đỗ Đình Đạo. Vào đầu năm 1954, người cháu này sống trong nhà của Bùi Nhung ở Ngõ Nhà Đo (Hà Nội). Người này thấy Đỗ Đình Đạo thỉnh thoảng đến nhà Bùi Nhung, nhưng để theo dõi tin tức thời sự hơn là chuyện tình cảm. Người này khá kính trọng Đỗ Đình Đạo, cũng đã từng gặp gỡ riêng tư và có một lần đi xem hát giải trí ở Hà Nội với Đỗ Đình Đạo.

Như thế, trong thực tế, không hề có liên hệ tình cảm nam nữ giữa Thụy An và Đỗ Đình Đạo. Cũng trong thực tế, những hoạt động cá nhân của hai bên cho thấy đây là mối liên hệ bạn bè và nhất là chính trị lúc bấy giờ. Các con cháu trong gia đình của cả hai bên, lúc đó đã khôn lớn, có người học lớp đệ tứ (lúc đó học lớp đệ tứ tức lớp 9 là khá lớn tuổi), có người học năm cuối bậc trung học (chuẩn bị thi tú tài), biết quan sát, cũng chẳng thấy có dấu hiệu tình cảm gì giữa hai bên. (Người viết hỏi chuyện riêng biệt con cháu hai bên.)

Ngang đây vấn đề liên hệ bạn bè giữa Thụy An và Đỗ Đình Đạo đã khá rõ ràng, hoàn toàn không có chuyện “quan hệ vợ chồng”(?) như Việt Minh cộng sản tuyên truyền khi kết án Thụy An và một số sách báo sau này viết lại.

4.- NGHI ÁN VỤ ĐỖ ĐÌNH ĐẠO BỊ ĐỘT TỬ?

Có một câu hỏi mà chắc chắn nhiều người đặt ra là tại sao Đỗ Đình Đạo bị đột tử tối 29-7-1954 tại nhà Thụy An? Lúc đó, Thụy An vừa từ Sài Gòn ra Hà Nội vì mục đích là để kiếm cách cứu Bùi Việt Quốc là con của Bùi Nhung với người vợ sau là Lưu Thị Trạch, em gái bà Thụy

An. Bùi Nhung đang làm giám đốc Đài phát Hà Nội. Bùi Việt Quốc bị Việt Minh bắt cóc để áp lực Bùi Nhung không được di chuyển đài Phát thanh Hà Nội xuống Hải Phòng để tiếp tục tiếng nói của chính phủ Quốc Gia Việt Nam trước khi cộng sản tiếp thu Hải Phòng (13-5-1955), rồi mang vào Nam Việt Nam. Ngoài ra, Thụy An còn ra Hà Nội nhằm thông báo cho Đỗ Đình Đạo một số tin tức và diễn tiến chính trị ở Sài Gòn.

Khi Đỗ Đình Đạo bị đột tử trong nhà bà Thụy An, thì thủ tục đầu tiên chính quyền Hà Nội, thuộc chính phủ Quốc Gia Việt Nam, phải tìm chủ nhà để mở cuộc điều tra. Chủ nhà chính là bà Thụy An. Vụ án mới chỉ bắt đầu tiến hành, cuộc điều tra chưa kết thúc, chưa đưa ra xét xử trước tòa án. Đây mới chỉ là nghi án, chưa có kết luận gì cả, nhưng do đề tài báo chí TÌNH, TIỀN HAY CHÍNH TRỊ, nên nhiều dư luận đồn đoán lan truyền.

Một trong những lời đồn đoán quan trọng là người ta nghi ngờ phải chăng Thụy An làm việc cho Việt Minh cộng sản, nên nhận lệnh giết Đỗ Đình Đạo là một lãnh tụ quốc gia? Tuy nhiên, nếu Thụy An theo lệnh của Việt Minh giết Đỗ Đình Đạo, thì sau khi hành động, Thụy An phải tìm đường trốn vào mật khu của Việt Minh để được an toàn. Lúc đó Việt Minh đang bao vây Hà Nội và chờ đợi ngày tiếp thu. Đàng này, không có chuyện Thụy An trốn theo Việt Minh.

Ngoài ra, cuộc sống của Thụy An trước cũng như sau khi Việt Minh tiếp thu Hà Nội (10-10-1954), cho thấy rằng trước sau Thụy An chẳng liên lạc gì với Việt Minh, cũng không cộng tác với Việt Minh. Chẳng những thế, Việt Minh còn trù dập và vu cáo Thụy An làm gián điệp cho Pháp trong vụ án *Nhân văn Giai phẩm* năm 1960.

Sau này, chính Thụy An cũng thổ lộ là bà không biết ai giết Đỗ Đình Đạo? Cần chú ý thêm là khi xuất bản tập truyện ngắn *Bốn mớ tóc*, Thụy An cho in trên bìa sau sách này dòng quảng cáo: *Đón đọc Nhà lãnh tụ*, là sách bà Thụy An dự tính sẽ viết về ca tụng Đỗ Đình Đạo. Như thế, xét cho cùng, nếu không giúp đỡ Đỗ Đình Đạo, người bạn của gia đình, thì Thụy An chẳng có lý do gì để đầu độc Đỗ Đình Đạo. Bà giết ông Đạo để làm gì? Chẳng vì tình, cũng chẳng vì tiền, mà cũng chẳng vì tranh chấp chính trị?

Thực tế, dư luận chung lúc đó cho rằng chính Việt Minh đã ám sát Đỗ Đình Đạo. Việt Minh vốn chủ trương giết tiệt lực, tiêu diệt tất cả những thành phần theo chủ nghĩa dân tộc, có khả năng đối kháng với Việt Minh. Từ năm 1945, nhiều lãnh tụ quốc gia bị Việt Minh thanh toán mà không vết tích như Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn, Trương Tử Anh, Nguyễn Hữu Thanh (Lý Đông A), Nhượng Tống...

5.- THỤY AN BỎ TRỐN

Theo lời bà Thụy An sau này kể lại cho người cháu của ông Bùi Nhung, thì ngày 29-7-1954, Đỗ Đình Đạo mượn nhà Thụy An để tổ chức hội họp. Tin trong gia đình bà Thụy An cho biết hôm đó là một cuộc họp chính trị, có người không muốn dùng công sở của chính phủ, cũng không muốn thuê các nhà hàng hay khách sạn vì sợ lộ bí mật, nên ông Đạo mới mượn nhà bà Thụy An để tổ chức hội nghị, tức địa điểm trung lập. (*Nói chuyện với ông Q., cháu Bùi Nhung ngày 8-7-2014.*)

Cũng tin trong gia đình, Đỗ Đình Đạo bị đột tử tối 29-7-1954, thì sáng ngày hôm sau, Thụy An về nhà. Bà thấy Đỗ Đình Đạo đã chết, nằm ngay ngắn, trên bàn có một bát (tô) miến, mà về sau nhà đương cuộc Hà Nội nói là có chất độc. Bà Thụy An không biết ai đã giết Đỗ Đình Đạo, hay Đỗ Đình Đạo tự sát, nhưng trước tình trạng này, bà hoảng sợ bỏ trốn.

Trên chuyến tàu hỏa từ Hà Nội đi Hải Phòng, Thụy An bị bắt tại một nhà ga nhỏ cuối cùng trước khi đến Hải Phòng, và bị tạm giữ ngay tại đó, trong một căn phòng, bên ngoài do một người da đen, bận thường phục canh gác. Vì vậy Thụy An không biết cơ quan nào đã bắt mình: Phòng nhì Pháp, hay sở Liêm phóng (*Công an*), hoặc Cảnh sát?

Được tin vợ bị bắt, Bùi Nhung liền tìm đến thăm. Ông Nhung nói với vợ đại ý rằng ông không đủ thế lực và khả năng để bảo lãnh Thụy An ra khỏi tù. Bà hãy đợi xem tình hình, rồi sẽ liệu định sau. Thụy An liền nhờ Bùi Nhung mua giúp cho bà một chai rượu Tây (*Pháp*), để bà tặng cho người canh gác, nhằm nhờ ông ta giúp đỡ khi có việc cần. Bùi Nhung làm theo lời vợ yêu cầu. Bà Thụy An tặng chai rượu cho người canh gác. Tối hôm đó, người da đen canh gác uống rượu say. Bà Thụy An lợi dụng cơ hội bỏ trốn. (*Toàn bộ câu chuyện về cái chết ông Đạo và bà Thụy An bị bắt, bỏ trốn theo lời bà Thụy An kể lại cho người cháu tên là Q. năm 1988. Ông Q. nói chuyện với người viết tại San Jose ngày 8-7-2014.*)

Thụy An kể rằng khi người tây đen đang say sưa, bà xin đi nhà vệ sinh (*cầu tiêu*), rồi chui xuống lỗ hầm nhà vệ sinh và bỏ trốn ra ngoài. Bà đến nhà một người bạn gần đó tắm rửa và thay áo quần, rồi theo xe hỏa trở ngược về Hà Nội.

Thời bấy giờ, loại cầu tiêu phổ thông là cầu tiêu đồ thùng. Cầu tiêu xây cao, phía dưới là một hầm cầu, xây kín 3 phía, còn chừa một phía làm cửa. Trong hầm cầu đặt một cái thùng để đựng chất uế thải. Mỗi tối hay sáng sớm, một người phu đồ thùng đến mở cửa, thay thùng cũ, đặt một thùng khác thế vào. Vì không dội nước, nên cái lỗ cầu thường rộng để khỏi bị dính khi đi cầu. Nhờ vậy, Thụy An mới chui xuống được hầm cầu để bỏ trốn.

Khi chính quyền Quốc Gia Việt Nam di chuyển vào Nam sau hiệp định Genève, hồ sơ vụ việc Đỗ Đình Đạo và Thụy An được Tòa thượng thẩm Hà Nội chuyển vào Tòa thượng thẩm Huế. Trong hồ sơ này, đến đoạn Thụy An bỏ trốn, thì người ta ghi rằng bà Thụy An trở nóc cầu tiêu để thoát thân. (*Theo lời kể của ông M. Đ.N. tức giáo sư Nguyễn Hữu Thứ, chánh án Tòa thượng thẩm Huế. Giáo sư Thứ kể cho người viết là ông đã tận mắt đọc lại hồ sơ này.*)

Như thế là hai nguồn tin riêng biệt (*tòa án và Thụy An*) đều cho biết rằng Thụy An bỏ trốn sau khi vào cầu tiêu. Chỉ khác nhau là phía tòa án cho rằng Thụy An trở nóc nhà cầu mà ra, còn Thụy An tự kể là đã chui xuống hầm cầu trốn đi. Thực ra sức vóc phụ nữ thì khó có thể trở nóc để thoát thân và trước viễn cảnh bị giam cầm, Thụy An phải chấp nhận chui hầm cầu dầu thiếu vệ sinh và hôi hám để bỏ trốn.

Do bị chính quyền Quốc Gia Việt Nam truy nã, Thụy An lo ngại, không dám di cư vào Nam Việt Nam mà đành phải ở lại Bắc Việt Nam, trong khi Bùi Nhung và con cái đều vào Nam. Sau đó, tại Bắc Việt Nam, Thụy An lại bị liên hệ vào một vụ án khác. (*Vào Nam Việt Nam, Bùi Nhung xuất bản năm 1965 tập hồi ký Thối nát, về giai đoạn 1945-1954.*)

6.- THỤY AN VÀ VỤ ÁN NHÂN VĂN GIAI PHẨM

Sau năm 1954, tại Bắc Việt Nam nhà văn lão thành Phan Khôi chia giới văn nghệ sĩ Hà Nội thành hai thành phần rõ rệt: 1) Nhóm "*lãnh đạo văn nghệ*" hay những "*ông quan văn nghệ*", viết văn theo lệnh của đảng Lao Động (*LĐ tức đảng Cộng Sản*), được đảng LĐ tin cậy, giao nhiệm vụ chỉ huy, đứng đầu là Tố Hữu. 2) Nhóm "*quần chúng văn nghệ*" là những thành phần còn lại, yêu tự do dân chủ, không muốn gò bó trong giáo điều và sự quản lý của "lãnh đạo văn nghệ." Nhóm thứ hai đông đảo hơn, vận động rời trối văn nghệ. Cao điểm của cuộc vận động là các báo *Giai Phẩm* và *Nhân Văn* xuất hiện năm 1956.

Đảng LD liền trấn áp, tổ chức học tập, bắt bớ, tù đày những văn nghệ sĩ phản kháng. Thế nhưng vẫn chưa đủ. Thụy An không tham gia và không viết bài cho cả hai báo *Giai Phẩm* và *Nhân Văn*, vẫn bị bắt giam tại ngục thất Hỏa lò Hà Nội vì bị cộng sản cho rằng bà tác động mạnh đến hai nhóm này. Khi viên công an cộng sản hỏi cung, y nói với bà Thụy An rằng: “*Chị có mù đâu mà không thấy chế độ tốt đẹp ra sao, lại không giác ngộ và mất tin tưởng ở chế độ, trong đầu chưa chấp toàn ý tưởng phân động.*” Trở về lại phòng giam, Thụy An tự chọc mù một mắt. Cán bộ trai giam hỏi Thụy An lý do vì sao tự chọc mù một mắt, bà trả lời: “*Chế độ của các anh nhìn một mắt cũng đã thấy quá nhiều cái xấu xa chịu không nổi rồi, để cả hai mắt chắc tôi không sống nổi.*” (Thụy An kể chuyện cho người cháu là ông Q.) Đúng là đàn bà để có mấy tay!

Ngày 21-1-1960, Thụy An bị Tòa án cộng sản kết tội 15 năm tù giam, vì bị tố cáo là tiếp tay cho cả hai nhóm *Giai phẩm* và *Nhân văn*, và làm gián điệp cho Pháp. Tuy nhiên, theo Thụy An, vụ án này chỉ là sự trả thù cá nhân của Tố Hữu mà thôi. Thụy An kể rằng trong một lần gặp nhau ở Hội nhà văn Hà Nội, Tố Hữu nói với Thụy An: “*Tôi thấy chị làm thơ cũng khá, sao không đưa cho báo đăng?*” Thụy An liền trả lời: “*Thơ thì chỉ có một cái chiếu mà anh ngồi hết cả chỗ thì còn đâu ra chỗ mà ngồi. Tôi không thích ngồi ở mép chiếu.*” Từ đó Tố Hữu để tâm thù ghét và kiếm cơ hội ám hại Thụy An. Đó là nguyên nhân chính đưa đến việc Thụy An bị bộ máy tuyên truyền cộng sản dưới quyền Tố Hữu vu cáo và bà bị truy tố ra tòa án, để cuối cùng lãnh 15 năm tù giam. (Bà Thụy An kể cho ông Q.)

Thụy An ở bị nhà cầm quyền cộng sản giam từ 1960 đến 1973. Sau hiệp định Paris (27-1-1973), bà ra khỏi tù trong dịp mà cộng sản gọi là “*Đại xá chính trị phạm*”. Bà được cộng sản cho vào sinh sống ở Sài Gòn năm 1977. Lúc đó, một số con của bà đã di tản qua Hoa Kỳ. Bà liên lạc được với các con nhưng chưa có cơ hội gặp lại. Sau đây là thư bà Thụy An gửi cho người con trai đầu là Bùi An Dương: (thủ bút do ông Q. cung cấp)

Giảng con ơi!
 Xin con gửi cái thân cho mẹ. Vì lúc có 14
 tháng gọi là 2 tháng rưỡi trước cho mẹ biết tiếp
 tục gọi đơn vì V.N xin cho xin là...
 rất việc khiếm tốn. Con gọi cho mẹ...
 amputation vita. Bao nhiêu gọi V.V. cho
 Quí làm anh em cùng chung chơn và gọi
 làm trước để...
 địa gọi tên con thân con xa cũ
 Nay lúc này họ không cho gọi nữa...
 do có...
 Thế biết mỗi...
 tập làm không...
 khác...
 mang họ...
 thưng...
 làm...
 con...
 an...
 đen...
 black 245...
 1,62 tylenol 500mg - 1g

KẾT LUẬN

Trước đây, đã có nhiều sách báo viết về vụ án mạng Đỗ Đình Đạo, nhưng thiếu ý kiến của những người trong cuộc hoặc con cháu của người trong cuộc kể lại. Ngoài các tài liệu cũ, bài viết này chẳng những dựa vào những cuộc nói chuyện với con cháu của cả hai bên ông Đỗ Đình Đạo và bà Thụy An, mà còn kiểm chứng thêm với một số thân hữu lớn tuổi đã từng trải qua giai đoạn chuyển tiếp ở Hà Nội và Hải Phòng năm 1954, trước khi di cư vào Nam, đã từng đọc báo hay nghe thuật lại diễn tiến vụ án. Hy vọng bài báo này có thể góp thêm vài thông tin mới, ví dụ mối quan hệ giữa Đỗ Đình Đạo và Thụy An là tình bạn trong sáng giữa hai người và hai gia đình, chứ hai người không phải là tình nhân như một số tài liệu trước đây.

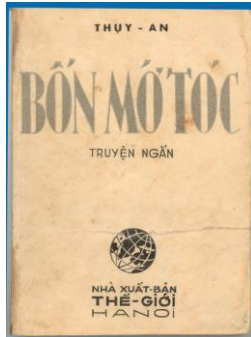
Tuy nhiên, cuối cùng vấn đề quan trọng là ai đã sát hại Đỗ Đình Đạo tối 29-7-1954 tại nhà số 1 đường Tuyên Quang, tức đường Cao Bá Quát, thì vẫn chưa có câu trả lời cụ thể, ngoài sự hoài nghi là cái chết của Đỗ Đình Đạo nằm trong kế hoạch giết tiềm lực của Việt Minh cộng sản, thủ tiêu tất cả những ai có khả năng chống lại cộng sản. Như thế, nếu cộng sản còn cầm quyền, thì có thể nghi án này sẽ chìm dần theo thời gian mà chẳng bao giờ có phần kết luận.

(Toronto, 16-7-2014)

Nguồn: danchimviet.info

Phụ đính :

Bà mẹ, cô con và mớ tóc



Tiếng chân cô con gái đi lại cồm cộp trên sàn gác: những bước chân đi nóng nẩy, hậm hực chỉ định gây sự.

Hai vợ chồng già ngồi dưới buồng ăn lắng nghe, vẻ lo âu hiện trên nét mặt.

Ông nhìn bà:

- Nó giờ chừng đấy.

Bà gắt, không phải gắt với ông, mà gắt vì bà đang bực dọc:

- Mặc kệ nó. Con với cái! Chỉ tại ông chiều nó lắm vào.

Ồ hay! Sao lại tại tôi? Cả bà nữa chứ.

Bà Đốc không cãi được nữa. Bà chiều con cũng chả kém gì ông. Nếu có lỗi thì là lỗi ở cả hai ông bà. Nhưng lỗi gì? Nói thế đấy thôi, cho có chuyện, chớ chẳng bao giờ ông bà Đốc lại cho sự nuông chiều con là một điều lỗi. Ông bà sinh con một bề, hiếm hoi có mỗi một cô con gái, thì làm sao mà không chiều quý cho được. Nhất cô con lại có một tư chất thông minh, đã du học ngoại quốc về, đem cho ông bà Đốc một mối tự hào hãnh diện. Riêng ông Đốc càng thấy hãnh diện vì con hơn. Ông là một học giả có tiếng tăm trong xã hội. Không có con trai để kế tiếp chí cầu học, ông an ủi có được cô con gái mà tài học và thông minh xứng đáng là con của ông. Nhưng cô con đi du học về chẳng những đem theo sự hãnh diện cho bố mẹ mà thôi, cô cũng đem lại rất nhiều sự trẻ trung vui vẻ trong cái gia đình cổ kính ấy.

Ríu rít như chim, lanh lẹn như sóc, tính khí thất thường luôn luôn thay đổi, lại ích kỷ, như hòn đá nam châm, chỉ thu hút tất cả những sự chú ý của những kẻ quanh mình, cô con gái tung tăng gieo khắp nhà nào là cười, nào là hát, nào là hồn dỗi, nào là bông đùa dí dỏm, nào là ám cúng dụ đảng cùng những sự săn sóc lật vặt mà êm đềm. Cô khiến cho ông cha học giả phải nhớ rằng sự sinh thú ở đời không phải chỉ có trong những cuốn đã vui đầu vào, mà sinh thú thật, sinh thú nhất là tiếng cười, tiếng khóc của cô con, là ở sự chiều con và dỗ dành con. Cô khiến bà mẹ tính tình điềm đạm theo khuôn phép ngàn xưa nhận thấy tình mẹ con bộc lộ càng thêm thân ái và cái tâm thời cũng lắm điều hay. Ông bà trộn lộn cái tuổi già khắc khổ vào cái tuổi thơ ngây nhậy nhót của cô. Tình thương yêu thân mật đã làm biến hết những cuộc xung đột mới cũ thường gặp rất gay go ở những gia đình khác.

Ấy gia đình ấy đang ở trong cái tình trạng như thế thì xảy ra câu chuyện mà ta đã mở đầu trên kia. Chuyện bắt đầu như thế này:

Có con tân thời như thế, lại du học như thế, mà vẫn giữ được mớ tóc giải trong khi những thiếu nữ khác, quanh cô, không nhiễm chút học mới, chẳng đi ngoại quốc bao giờ, đã cắt, đã uốn tóc cả rồi. Tại sao? Có lẽ tại cô không nghĩ đến chuyện cắt tóc bao giờ. À có, khi còn du học ngoại quốc, một giáo sư của cô đã nhắc cô nên hớt các tóc giải đi như các bạn đồng học cho tiện. Cô đã từ chối phất, biết rằng bố mẹ cô, nhất là mẹ cô, không bao giờ bằng lòng. Mà khi ở xa mẹ, cô không muốn làm phiền lòng mẹ. Cô du học về, mấy năm rồi, vẫn giữ nguyên mớ tóc giải mà nay cô kết thành bím vòng ra sau gáy thành con số 8 đặt ngang. Cũng là một lối trang điểm tóc chiết trung giữa sự hớt ngắn rồi uốn và sự quán theo lối Huế. Ông bố, bà mẹ thẳng hoặc có trông thấy trong đám học trò cô- khi đó cô đã giầy học tư ở nhà- hay bạn cô, một

người nào có cái đầu uốn quăn lên, cũng chỉ hạ một lời bình phẩm bằng quơ hết sức khách quan:

- Người đàn bà Việt Nam đẹp một phần vì cái tóc giải, cắt đi mất cả đẹp.

Cô Thanh cũng ừ hừ qua loa. Cả ba người không ai nghĩ đến một ngày kia cô Thanh lại có ý tưởng cắt tóc, uốn tóc như những cô nọ.

Vậy mà có một ngày cô Thanh nghĩ đến. Vào một buổi chiều khi mẹ cô đang nằm đọc Tam Quốc, và gần đấy cha cô đang lúi húi nghiên cứu vấn đề trên trời dưới đất gì đó. Cô bước vào ào ạt như gió bão. Ông bố vội buông cây bút, bà mẹ cuốn sách, cùng nghênh trông cô, ngóng đợi, vì bao giờ, đi đâu về, thế nào cô cũng có một câu chuyện, bất cứ là chuyện gì, làm cho ông bố phải cười nhăn rúm thêm hai má và bà mẹ hay quên thói giữ gìn, cười ha hả thật to, chằm dút cái giờ suông tẻ giữa đôi vợ chồng già. Hôm nay cô không có chuyện gì cả, cô liếc nhìn cha, có vẻ như muốn gạt ông vào một bên, cô tiến gần lại giường mẹ, tay vuốt má mẹ ngả ngớn:

- Mẹ ạ, con cắt tóc nhé.

Cô chỉ nói với mẹ thôi. Há phải vì cô cho câu chuyện đó là chuyện riêng đàn bà. Cô chỉ nói với mẹ, vì cô thừa hiểu rằng trong câu chuyện này sự khó khăn cô có gặp phải sẽ là ở mẹ cô mà thôi. Và chuyện gì mà không thể ông bố già tuy nóng tính, song cô mua chuộc rất dễ, cảm chắc như là bao giờ cũng về phe với cô. Duy còn bà mẹ thì ghê gớm lắm, hiền lành ít nói, song dai dẳng phải kiên tâm mới thắng được bà. Cô đã từng phen chịu thua vì những lời mát mẻ, những sự phàn nàn hay làm cho to chuyện của bà.

Cô nhắc lại:

- Mẹ ạ, con cắt tóc nhé!

Bà mẹ đã nghe thấy rồi. Bà lặng đi một giây. Vẫn biết cô con gái lắm khi trêu ghẹo bà, đã phát biểu những ý muốn rất quái gở, nhưng mà chỉ chốc lát bà biết ngay, đằng này giọng nói cô, vẻ mặt cô có cái gì khiến bà hiểu cô không nói đùa.

Bà thông thả ngồi giậy, vẻ mặt nguội lạnh. Đó là dấu hiệu bà sắp hờn giận. Bà ngảnh sang nhìn ông, vì ngồi hơi xa đang chú ý xem mẹ con nói gì... Bà dằn giọng mát mẻ:

- Kia ông, ông nghe con ông nói gì không

- Cái gì?

Thanh không trả lời, cô hiểu rồi. Cuộc chiến đấu đã mở đầu và gay go hơn cô dự tưởng. Cô phải khôn khéo đứng cho vững thế, không nên nói năng hấp tấp.

Bà mẹ đợi con tự nhắc lại lời nói. Sau cùng bà đành lên tiếng:

- Cô ấy đòi cắt tóc - và sợ chồng chưa nghe rõ, bà nhắc thêm: cắt để uốn!

Ông bố nhìn con, nhìn vợ, thông thả nói:

- Thôi đừng vô lý nữa.

Ông nói chưa hết câu quay lại cầm cúi viết. Cô thấy câu nói của ông cũng vô lý nốt, vì bằng quơ quá.

Nhưng cô biết cơ hội chưa thuận tiện.

Cô bỏ ra phòng ngoài, hát hổng như không có chuyện gì, song trong đầu cô con gái bướng bỉnh nuông chiều đã sắp cả một chương trình tấn công mà phương thế không phải là không rồi rào. Bà mẹ trong này lại nằm xuống đọc sách, song cầm sách làm vì, trong đầu bà phân vân muôn mối, mà bởi óc giản dị bà chỉ thấy một cách đối phó cho bà là rất hiệu lực: Mình cứ không bằng lòng thì nó làm gì?

Bà quên rằng đã bao nhiêu lần trước những yêu sách của con, bà cũng đã quyết định thế, tin chắc ở quyền lực làm mẹ của bà. Nhưng chuyện này là chuyện can hệ nhất từ trước tới giờ, quyền lực của bà hẳn phải được kiêng nể. Những sự nhượng bộ trước, bà cho là toàn chuyện con nít, không đáng kể.

Từ hôm ấy, những cơn trái tính dần dần của cô con bỗng tăng lên. Suốt ngày cô kêu rức đầu, nằm im im trên giường. Học trò đến học, cô tạ sự ốm, cho nghỉ hết. Cô tránh không hay nói năng dàn mặt bố mẹ nữa, nhất là trong bữa ăn. Hai ông bà đối diện trước bàn ăn lặng tờ, ăn bỗng thấy nhạt cả mồm miệng. Có ví vơi mời được cô xuống ăn, cô cũng chỉ vài ba miếng rồi đứng lên.

Đó là những phương sách không mới nhưng lần này cô dùng lâu nhất. Mỗi khi dỗi bố mẹ, cô chỉ lánh mặt một chút và vào cái lúc bất ngờ nhất, cô bất thành linh chạy lại ôm cổ mẹ, thỏ thẻ với cha, làm lành. Mà cũng lần này ông bà Đốc cũng mới có một thái độ thụ động lâu như thế. Là vì cả ba cùng không thốt ra một lần nào câu chuyện cắt tóc, nguyên nhân chính cuộc hôn nhân đổi kỳ này của cô con.

Tình thế kéo dài, cô Thanh nhịn hẳn từng hai bữa liền. Bà Đốc vẫn vờ như không biết nguyên do vì đâu, săn sóc về một phương diện khác:

- Hay là con làm sao? Con để cậu đưa con đi đốc tờ nhé.

Cô Thanh dậm chân trên nệm giường:

- Không, con không làm sao cả. Mặc con.

Hết mẹ dỗ dành, lại đến bố cũng một luận điệu như thế! Ý nghĩ cả bố lẫn mẹ đã đồng tình với nhau áp dụng một phương pháp đối phó với mình, làm cô càng bức tức. Nhưng cô vẫn giữ vững lập trường của cô và tăng thêm sự tấn công.

Cô rên hừ hừ, kêu sốt, kêu mệt, kêu đau bụng mà vì ăn uống thất thường người cô có quá gầy đi, đêm đêm vẫn ngủ đầy giấc, song nếu có sự tỉnh, cô nhất định không ngủ lại dễ dàng như mọi khi nữa, cô cố chống mắt, thức dậy, đi đi, lại lại khua guốc, khua giép kéo ghế kéo bàn, làm thành thành, có ý đánh thức bố mẹ nằm buồng trong, cho biết cô đang có điều gì thắc mắc không ngủ được đây.

Bà mẹ đoán biết tâm lý cô, toan mặc xác.

Ông bố chất phác hơn và cũng dễ mềm lòng hơn lọ mọ giậy:

- Cái gì thế con? Làm sao mà con không ngủ?

- Ôi giờ ơi! Cậu mặc con, cậu ngủ đi không thì con chết ngay bây giờ đây này.

Ông bố bắt đầu nghĩ ngợi. Ông đã quên phát câu chuyện cô đòi cắt tóc hôm nọ, và ông cũng không thể nào hiểu được chỉ vì một mớ tóc cắt hay để mà người ta phải tự đầy ải, làm rầy rà quá đến thế!

Luôn mấy hôm sau cô không ăn một tí gì, trừ vài cân cam vắt nước. "*Cứ thế này mãi thì mẹ cũng phải chết.*" Ông bà chưa từng nghĩ rằng người ta có thể uống nước cam cũng sống mà là lối sống vệ sinh nhất. Rồi đến một buổi sáng chả hiểu nghĩ sao cô lại uống thuốc xổ. Thuốc xổ nhẹ liều mà cũng công hiệu quá, và vốn lại ăn đói mấy ngày rồi, cô mệt lả hẳn đi, đến trưa thì nằm lịm. Ông bà bấy giờ mới lo sợ thực tình, ông bần khoản hỏi riêng bà:

- Thế là nghĩa lý gì? Hay nó thương yêu ai?

Ông gạt bỏ ngay ý nghĩ đó. Con ông thừa biết bố mẹ yêu chiều là ngàn nào. Nếu bố mẹ cô có là tể tướng, cô có đòi lấy anh Trương Chi, bố mẹ cô cũng gả phát ngay, không dám đợi cho cô phải đến ốm tương tự.

Bà đáp:

- Tôi hiểu rồi. Nó chỉ đòi cắt tóc mà biết tôi không bằng lòng nên giờ chứng đầy thôi.

Ông cúi đầu nghĩ ngợi. Ông là một học giả tồn cổ, các bè bạn rất cổ kính của ông sẽ nghĩ sao khi thấy ông thì giảng đạo Khổng, Mạnh, bảo tồn quốc túy, quốc hồn mà con gái ông thì lại cắt tóc cụt ngắn như me tây?

Hai ông bà thừ mặt nhìn nhau không biết nghĩ cách nào. Tiếng giép khua thành linh trên gác.

- Hay cứ chiều nó cho xong tội xong nợ đi

Ông rụt rè nói. Bà Đốc mát mẻ ngay:

- Phải bố con ông gì mà chả đồng ý với nhau, bênh nhau chằm chập. Tôi thì kể vào đâu!

Ông làm lành:

- Là tôi nói thế chứ còn tùy bà, chuyện mẹ con bà thì mặc bà.

Ông cũng hiểu chút ít tâm lý. Ông mà bênh cô con thì bà sẽ dỗi ngay, dỗi dai hơn. Bà trầm ngâm, thực ra bà đã bần khoản, khổ sở ngay từ hôm cô con đòi cắt tóc. Tuy bà tin ở quyền làm mẹ của bà, nhưng bà cũng biết nó mong manh lắm, cô con gái bà đã muốn gì thì quyết đòi cho kỳ được. Bà tuy đối phó mà đã tự biết trước là thua rồi.

Trong những ngày cô giận dỗi nằm nhà, cô không còn kết tóc nữa, cô buông xả nó xuống thành một mớ óng, giải cho tới bụng chân. Bà đã nhiều lần đứng trước buồng trong mà ngắm trộm mớ tóc ấy. Chưa bao giờ bà lại chú ý đến mớ tóc của cô như thế. Gọi trong lòng bà ý nghĩ một ngày kia mớ tóc này, cô sẽ cắt bỏ đi, bà bỗng thấy tha thiết đến nó. Bà nhận ra nó đẹp làm sao, đen lánh, óng ả và bà tự kiêu chính nhờ công bà săn sóc nó mới được giải tốt thế này. Cùng một lúc những kỷ niệm liên can đến mớ tóc được moi ra từ một chỗ số sinh nào khuấy lấp nhất trong tâm khảm của bà. Bà thấy lại trước mắt cái ngày cô còn bé tí teo, mớ tóc mới còn là hai trái đào bỏ lửng. Rồi khi cô lên năm, lên sáu bà thường ẵm vào lòng cho bác thợ húi thành kiểu bôm bê, trông cô như đứa trẻ con Nhật Bản.

Những kỷ niệm khác vào tuổi thơ ấu của cô nhân đây rập hiện ra hiện ra, tràn ngập lòng bà, mối tình mẫu tử của thửa ấy, khác hẳn tình mẫu tử bây giờ. Một tình mẫu tử ấm áp che chở bao la mà bà là cái vũ trụ của cô, đôi mắt cô thơ dại chỉ biết trông cậy, nhìn thẳng vào bà. Bây giờ tình thương yêu ấy mất tính cách che chở đi rồi. Bà đã thôi không còn là cái vũ trụ của cô nữa. Vũ trụ của cô bây giờ là cái ngoại giới to rộng kia, bà không thể quan niệm được. Đôi cánh con gà mẹ không còn đủ rộng để ấp ủ che chở cho con gà con đã lớn. Bà nghĩ thế thì ngao ngán mà lại kiêu hãnh. Ngao ngán thấy mình đối với con đã thành vô dụng mà kiêu hãnh vì thấy con sung sức để che chở cho tuổi già của mình.

Con bé Nhật-bản của bà ngày một lớn dần. Tóc đã giờ dang, bà phải năng gội chải luôn luôn. Bà nhớ mùi nước bồ kết, rễ trầm bà đã gội đầu cho cô con thuở ấy.

Bây giờ thì mẹ con bà vẫn dùng một thứ nước ấy để gội đầu nhưng bà thấy thứ nước ấy vào thuở ấy có một mùi thơm khác bây giờ, một mùi thơm bà không thể thấy nữa. Rồi có một lần mái tóc của cô Thanh lại gọi sự chú ý đặc biệt của bà ít lâu. Đó là lần mà bà thấy cô Thanh không để tóc xả nữa, quấn lên đầu theo lối Huế! Vành tóc quấn khéo quá, trông cô rõ là một thiếu nữ dậy thì, không còn bé bỏng nữa. Mỗi lần bà nhìn vành tóc của cô, bà lại vừa vui mừng, vừa nơm nớp lo sợ một điều gì đó rất vu vơ, mà bà cũng không tự giải rõ ràng bao giờ. Đến quãng đó thì cô đi du học. Bà lại quên riêng mớ tóc, để theo rồi trong trí tưởng cả toàn thể hình thân cô con gái sống giữa đám người xa lạ...

Cô vẫn đứng bên cửa sổ, mặt bầu bệu nhìn ra ngoài trời, dường như cô muốn bắt cả trời phải chịu đựng sự bức tức của cô. Bà Đốc vẫn đứng buồng trong, lặng im ngắm mớ tóc dài buông xả sau lưng cô. Mớ tóc phấp phới, nõn rợn với làn gió lộng. Ánh sáng suối chảy trên mớ tóc như tráng một lần men bóng. "*Tóc như thế mà đòi cắt*" bà tiếc và bất bình. Ra lũ gái mới chả hiểu gì cả. Sao cái đầu lại có thể cụt thun lùn, xoắn tít như đầu bụt ốc? Không, cô con của bà không thể hợp với một cái đầu dơ dáng như thế được. Trông kia: cô đẹp làm sao với mớ tóc dài óng mượt! Chỉ trông mớ tóc phía sau lưng cũng đủ đẹp rồi, có khác gì một bức rèm sóng sánh che phủ ý nhị con người không? Người đàn bà mà tóc cụt lùn thì chơ chẽn quá. Bà nghĩ đến đây mắt không rời mớ tóc buông thả như một tấm lĩnh đen dệt bằng những sợi tơ mảnh nhất. Bất thình lình cô quay lại nhìn bà. Bà không kịp đưa mắt đi nơi khác. Cô đã trông thấy bà ngắm mớ tóc của cô rồi. Cô bèn vờ tóc lại, vờ xoắn trong tay. Bà bỗng thấy hồn bà đau nhói

dường như những sợi tóc mảnh rẻ kia đang biết đau đớn trong tay cô dần vật và nó truyền cái đau sang tâm hồn bà vậy.

Từ từ bà tiến đến bên cô, tay gỡ nhẹ nắm tóc, bà dịu dàng nói:

- Mấy hôm nay con mệt, tóc rối cả, lại đây mẹ chải cho.

Cô nguây nguẩy:

- Kệ, cho nó rối, con không chải.

Cô cũng ngạc nhiên vì tự bao năm mẹ cô đã thôi không chải tóc cho rồi.

Bà cố dìu cô lại phía giường, năn nỉ:

- Không, lại đây mẹ chải hộ.

Bà không biết cô đang dần dỗi. Bà thấy thèm thấy cần được rờ mó, được ve vuốt mái tóc của cô. Cô đã chịu ngồi xuống giường, buông tất cả nắm tóc ra sau lưng. Bà cầm chiếc lược trên mái tóc. Bà còn lấy tay ve vuốt chán! Làn tóc trơn tuột và mát dịu dưới tay bà. Lòng bà rung động thấm thiết. Tóc của con bà, khí huyết của bà đang quần quai bùng sinh lực trong bàn tay bà nắm níu. Những sợi tóc bỗng biến thành da thịt, thành một thân hình mũm mĩm bà phải cắn, phải ghì riết trong lòng mới đủ thỏa mãn tình thương yêu. Nước mắt bà rung rưng.

Ngay khi ấy cô nhè nhẹ lên tiếng:

- Nhé mẹ nhé, cho con cắt tóc nhé.

Con cắt rồi mẹ giữ lại làm cái độn thì cũng có mất đi đâu.

Bà "ừ". Bà không hiểu cô nói cái gì, giây phút nặng cảm xúc chịu mền, bà muốn đắm đuối trôi theo, không muốn gây nên một cái gì phản động, ngay là bằng sự thốt ra một tiếng "không" có nghĩa chối từ phản kháng.

Cô Thanh đã xuống ăn cơm, đều bữa. Không khí trong nhà rộn rịp hẳn lên. Bao giờ chẳng thế sau mỗi trận hờn dỗi mà cô được phần đắc thắng thì cô vui vẻ gớm ghê, chiều chuộng bố mẹ từng ly từng chút: nào phẩy bụi xếp sách cho cậu, nào nhổ tóc sâu cho mẹ, làm sởi lợi trẻ trung hẳn đôi tám lòng già, những khi ấy cũng quên phắt hẳn mình đã phải hy sinh bao nhiêu là thành kiến để nhường bộ cô con. Sau cơn mưa, buổi đẹp trời trong gia đình ấy quang quẻ tuyệt vời không còn di tích nhỏ của cơn mưa vừa qua. Nhưng lần này thì bà Đốc vẫn giữ vẻ ủ rột âu sầu mà những cơn trớn, những lời dí dỏm của cô con không làm tan biến được.

Thằng hoặc cô con nói một câu chuyện ngộ nghĩnh quá, thấy ông chồng vui thú cười và chờ mình cười theo cho tiếng cười được hoàn toàn trọn điệu, thì bà cũng cố gượng nhếch mép để hé một nụ cười nhạt nhẽo, thảm hại. Từ hôm thốt ra tiếng "ừ" ưng thuận cho cô con hớt tóc, bà cứ buồn bã ngẩn ngơ như thế.

Ông Đốc biết rằng bà đã miễn cưỡng mà ưng thuận, ông chỉ còn biết an ủi vợ:

- Mẹ đã cho nó cắt tóc thì mẹ vui lên để tôi khỏi áy náy.

Đối với ông, ông không có ý kiến gì cố chấp quá về sự cắt hay để tóc của cô Thanh. Giá cô để tóc dài thì ông thích hơn, nhưng cô đòi cắt ngắn đi, ông cũng ưng thuận. Miễn cô vẫn là cô Thanh, cô con gái quý đã đem cái buổi bình minh rực rỡ chiếu vào cái buổi chiều đời âm u của ông là được rồi. Ông dùng thêm lý lẽ nữa:

- Với lại chả cho nó cắt bây giờ thì khi nó lấy chồng, chồng nó muốn bắt nó cắt, mình cũng chả giữ được.

Bà đáp:

- Vâng tôi cũng biết thế.

Giọng dịu nhũ như biết thân biết phận. Cả hai ông bà cùng đưa mắt nhìn nhau, cũng cảm thấy sự bất lực của mình, của tuổi già trước một sức bồng khởi mãnh tiến của tuổi thanh xuân, nó vùng vẫy, nó đòi buông thả, những ngón tay già răn reo, run rẩy không sao nắm giữ lại được, không sao in dấu vết uy quyền lên nó được nữa.

Ông nói thêm:

- Đã cho nó cắt thì sớm hay muộn cũng thế. Để nó cắt xong đi!

Bà cũng biết thế. Song bà trừ trừ vì hy vọng cô con tính tình thất thường, một buổi sáng kia cô sẽ đổi ý, tuyên bố không đi cắt tóc nữa. Điều mong đó bà phải nhận là mộng ảo rồi. Cô Thanh dự định chủ nhật sau sẽ cắt tóc. Bà toan nói:

- Để còn xem ngày đã chứ. Xem ngày nào hợp.

Nhưng bà đã nghe trước thấy tiếng cười chế riễu ròn tan của cô con gái. Nó có biết đâu cái ngày nó cắt tóc là một cái ngày đánh dấu một cái gì rất khác thường trong lòng bà, một biến cố phải được cử hành vào một ngày một giờ đã lựa chọn trước. Bà đành im, bà muốn tỏ cho cô biết bà cũng theo kịp được cô trên con đường duy tân ở một phương diện nào.

Bà nói luôn một ý nghĩ khác:

- Nhưng trước khi cắt tóc, cô phải chụp cho tôi một cái ảnh.

Cô tùm tùm cười. Bà bỗng dưng ngược ngạo. Những cảm tình nhỏ nhoi nhưng ý nghĩ của bà cũng không được cô con gái tha không chế riễu. Bà bẽn lẽn nói thêm:

- Mà gọi thợ về nhà chụp, tôi muốn chụp lúc cô gọi đầu xong, sửa tóc ra.

Cô cười ròn rã:

- Gớm mợ tôi có óc thơ gớm!

Hai mẹ con trước khi đi đến hiệu, còn cãi nhau một lần nữa. Cô thì muốn đi một mình. Bà nhất định đòi theo. Quả thực náo nức đòi cắt tóc cho được nhưng đến lúc nhất định đi cho người ta cắt thì cô bỗng xúc động bối rối. Cô không muốn phân tích tìm hiểu mối xúc động bối rối đó ra sao. Cô chỉ biết cô khó chịu, bứt rứt và cả không muốn có ai bên cạnh khi cô đến hiệu cả. Bà không nghe, cô gắt:

- Mợ đi làm gì mới được chứ. Cô bịa thêm: vớ lại người ta cắt trong phòng riêng có máy điện không cho người khác vào đâu

Bà đáp:

- Cô đừng lòe tôi. Tôi đã hỏi bà Tham, bà ấy vẫn theo con Đức đến hiệu xem người ta uốn tóc nó.

Cô phì cười rồi lại gắt:

- Nhưng con không muốn mợ đi

- Tao cứ đi

- Không, người ta cười cho.

Bà Đốc đỏ mặt, dòn một thôi:

- Ai cười, ai cười? Một là mày để tao đi. Hai là mày đừng cắt tóc.

Má bà bốc nóng. Hai mắt bà mọng mọng. Cô Thanh vùng vằng bước ra xe, bà Đốc leo đẹo theo sau, cô lầu nhàu:

- Biết thế này con cứ đi cắt bất tình linh, mợ cũng chả nói con vào đâu được. Đẳng nào mợ cũng bằng lòng rồi kia mà!

Bà Đốc không đáp, quắc mắt nhìn con. Cô Thanh hiểu nếu cô cứ tự tiện làm như lời cô nói, thì không bao giờ bà Đốc sẽ tha thứ cho cô cả. Gần đến hiệu rồi, Thanh bỗng cười bảo mẹ:

- Mợ vui lên nào, ai lại mợ buồn thế kia, người ta cười mất.

Bà gắt:

- Cười! Cười! Sao lúc nào mày cũng sợ người ta cười? Tao không vui có được không?

Cô Thanh ngồi im. Cô không sợ người ta cười, cô đã nói tránh ra thế. Cô đã trông thấy cái hiệu cô định tới cắt tóc. Ở đấy cô sắp làm một cử chỉ không biết có phải là vô lý hay cuồng dại không! Chỉ biết cái việc mà cô náo nức chờ nay cô thấy nó làm sao ấy. Cô bàng hoàng, phân vân, phải tìm một lời khuyến khích, một ý biểu tình, cô mới có đủ can đảm thi hành. Sự ấy cô không thể tìm thấy ở vẻ mặt buồn bã của bà mẹ. Cô thấy mình bơ vơ lạc lõng, không biết bầu vịu vào đâu, đâm ra oán mẹ. Hai mẹ con bước vào trong hiệu về mặt hầm hầm như định gây sự với ai. Cô Thanh tiến đến người đầm chủ hiệu hỏi rất nhanh:

- Tôi đã hẹn với bà từ hôm nọ. Bà sửa soạn đủ chưa?

- Sẵn sàng rồi xin mời cô vào.

Cô Thanh run chân theo người chủ hiệu vào buồng trong. Bà Đốc theo bèn gót. Phòng trong trần thiết cực kỳ lịch sự, sạch sẽ tinh vi những khí cụ máy móc mạ kền bóng ngời thi sáng với tấm gương to treo trên tường trước mỗi bàn hót tóc. Không khí gian phòng tuy có tiếng máy điện sè sè chạy đều một dịp, vẫn có vẻ bình lặng làm yên tịnh được thần trí não động của Thanh. Lại thêm nhìn thấy có vài ba thiếu nữ đang ngồi sửa sang mái tóc, cô Thanh bình tĩnh hẳn, không còn sao suyển nữa. Cô dạn dĩ bước vào, ngồi lên ghế trong một căn buồng ngăn với các buồng bên khác bằng những bức rèm nhung xanh. Trước khi ngồi xuống cô nhìn mẹ, mỉm một nụ cười, nụ cười đắc thắng, nụ cười tự tin thẳng dong.

Bà Đốc kéo ghế ngồi sau lưng cô. Tâm trí bà đang bị thu hút vào một ý nghĩ nên bà không tò mò nhìn ngắm những khí cụ làm tóc rất lạ mắt ở chung quanh, cô Thanh thoãn thoắt bỏ hết những găm, kẹp, sỏ mớ tóc ra, mớ tóc buông xuống quá đất. Người đầm chủ hiệu kêu lên: "*Tóc đẹp quá*"

Bà Đốc không hiểu tiếng Pháp nhưng nhìn trong gương thấy đôi mắt thán phục, giọng nói bông bột của người đầm, bà cũng biết đó là một câu khen ngợi thật tình. Bà tự phụ mà càng chưa sót nhìn mớ tóc. Người đầm còn nói nhiều nữa tay cứ vân vê mớ tóc như chơi đùa với nó. Chắc là người ấy đang láy lại những câu khen ngợi và biết đâu đang dỗ dành cô Thanh không nên cắt mái tóc đẹp như thế này, phí đi. Bà đã mong manh hy vọng. Giữa lúc ấy thì một người thợ đàn ông bước vào tay bưng một cái khay mạ kền. Bà Đốc ngẩn nhìn thấy dụng cụ nào kéo, nào tông-đơ bóng loáng. Bà bỗng lạnh mình. Những chiếc kéo như để mổ cắt vào da thịt chứ không phải để làm một công việc giản dị là cắt tóc, và người thợ húi, người đầm mặc áo khoác trắng bà trông cũng giống những bọn đốc-tờ, y tá chuyên môn đi mổ da rạch thịt sắp đem con bà cắt, thái. Chiếc khay để xuống va chạm vào mặt bàn vang một tiếng kim khí ngắn và lạnh. Người thợ vén tay áo blouse lên. Trông có khác gì quân đồ tể. Bà Đốc vừa ghê tởm vừa sợ hãi. Bác thợ đứng sau cô Thanh, giơ chiếc kéo lên, bậm bập đầu kéo, dao lên vai tiếng lách tách. Cô Thanh nhìn trong gương thấy tất cả cử chỉ của người thợ, khi thấy chiếc kéo giơ lên bậm bập như dọa nạt, cô thốt kêu "Mợ". Tiếng kêu xoáy vào lòng bà Đốc, tiếng kêu cầu cứu. Tiếng kêu hồi bé thơ khi con gặp cái gì sợ hãi, mợ đáp lại bằng cánh tay mở rộng ra ôm ấp... Nhưng nay giữa mợ và con có người đầm, có người thợ, có tất cả cái phòng tân thời này nó đều khác hẳn cái phong thái ngày xưa, nó ngăn giữ lại không cho con lan sả vào lòng mợ dù mợ có muốn giơ tay ra ủ ấp che chở lấy con.

Bà Đốc đành ngồi lặng im, nhìn con trong gương, đôi mắt chứa chan một niềm xót thương, bất lực. Nhưng cô Thanh trong gương đã lại tươi cười bình tĩnh rồi. Phút xúc động hoảng hốt thoắt qua ngay. Chiếc kéo bậm xuống tóc. Cử chỉ nhanh biến, cả bà Đốc lẫn cô Thanh đều không kịp nhận thấy. Liền đấy trong tay người thợ đã nắm một nắm tóc giải rời hẳn ra, và định đặt trên bàn. Bà Đốc vội đón lấy. Vài ba sợi tóc lọt tay rơi tuột xuống đất, đen lánh trên nền gạch trắng bong. Tay bà Đốc cầm nắm tóc run run. Những sợi tóc quăn quại trong tay bà như biết rầy rạ đau đớn. Lòng bà nao nao không khóc được, nhưng sót sa đến mực lặng đi... Một nắm, lại một nắm nữa người thợ trao vào tay bà. Tiếng kéo sạo sạo trong tóc, gợn gợn lên da thịt bà. Bà không dám nhìn vào trong gương xem vẻ mặt cô con nữa. Bà cúi xuống sắp mớ tóc đặt ngang lên trên đùi. Khi ngẩng lên bà vô tình nhìn vào trong gương và hoảng hốt thấy một vẻ mặt bà chưa từng thấy bao giờ của cô Thanh.

Hai mắt cô nhắm nghiền, cái đầu ngã về phía sau như là đi hết sinh lực, da mặt tái tái, bằng lặng, chứa chan một niềm chịu đựng của kẻ tử vì đạo ngồi chịu cực hình. Chưa bao giờ con bà có vẻ đau đớn mà cam chịu như thế. Bà không giữ nổi được niềm thương xót tái tê đang bóp thắt trái tim bà. Bà kêu lên thảng thốt:

- Thanh! Thanh!

Người thợ húi ngạc nhiên dừng tay. Thanh mở choàng mắt sẽ ngóc đầu lên mỉm cười:

- Mợ... Có gì đâu...

Tiếng cô dịu dàng mà nhỏ nhỏ như buồn bã tiếc hận. Còn có nắm tóc giải phía bên trái nữa là xong. Không, bà Đốc không chịu được nhát kéo cuối cùng này nữa. Cũng như cô con trong gương, bà nhắm nghiền mắt. Phải có cái gì thay đổi lớn lao lắm, lúc bà mở mắt ra, món tóc cuối cùng người thợ đã đặt trong tay bà. Bà mở mắt. Có phải là cái đầu của cô con gái bà ở trong gương kia không? Không... không phải, cả cái người thiếu nữ trong gương kia nữa đã mất hết dấu buồn rầu ngăn tiếc hồi nãy mà lại mang cái vẻ dương dương tự đắc, cũng không phải là con gái bà. Có một cái gì vừa rẽ đôi, vừa rẽ hẳn liên lạc của bà với người thiếu nữ ấy. Lòng bà chua xót, mắt bà mọng mọng. Bà cúi xuống nhẹ nhàng và khéo léo cuốn mớ tóc lại bỏ vào cái khăn trắng đem theo. Bà vợ nhặt cả những sợi tóc rơi vãi trên đất, nhét vào khăn. Bà buộc khăn lại, thông thả đứng lên ra khỏi phòng.

Cô Thanh gọi:

- Ở kia, mợ, mợ đi đâu đấy, không chờ con nữa à?

Bà không đáp. Tiếng gọi ấy lạ tai bà, người thiếu nữ bà để lại sau lưng bà trong cái phòng tối tân đó, không phải là con bà nữa. Con bà đây, ở trong chiếc khăn này bà ôm trong tay. Ngồi trên xe bà đặt gói tóc trên lòng, gương nhẹ cẩn thận như đặt một đứa trẻ sơ sinh hay một cái xác chết. Bà hé mở một góc khăn nhìn những sợi tóc cuộn tròn, bóng láng. Nước mắt bà trào ra lặng lẽ.

(Trong Bốn Mớ Tóc, phát hành 24.7.1950)

Chuyện bố, mẹ, bé và con búp bê

Bố chải tóc cho Bé xong, liền lấy cái gương giơ trước mặt Bé: “Con gái của bố soi xem này, có xinh xinh không nào!” Bé nhìn vào gương, lắc đầu bên phải, lắc đầu bên trái, ngoe nguẩy hai cái đuôi sam tí tẹo, ngọn thót như đuôi chuột, có buộc hai chiếc nơ đỏ, giống như hai cánh hoa rất to, đóng khuôn lấy mặt Bé. Bé nhoẻn miệng cười, vẽ bằng lòng lắm.

Bố vẫn chịu khó lồng ngón tay vào cái móc sau chiếc gương, giữ cho Bé soi. Bé nghĩ: “Phải vẽ con bé trong gương này. Một khoanh tròn to là mặt, hai chấm tròn nhỏ là mắt, một vạch dài xuống là mũi, một khoanh tròn vừa nữa là miệng. Con Bé nó lại cười, mình phải vẽ cả mấy chiếc răng. Còn hai cái nơ đỏ nữa, lấy gì mà tô màu?” Thò hộp bút chì nào mẹ mua cho, Bé cũng làm cùn cụt. Bé nhớ ra rồi. Bé bỏ gương chạy tót lên bàn, vớ cái bút chì đỏ to gộc của bố, thủ luôn vào nách rồi mới ra hỏi bố: “Cho Bé mượn chiếc bút chì đỏ bố nhé”. Bố ngần ngại: “Ừ, nhưng mà để đấy, con đi chơi với bố kia mà”.

Lập tức Bé bỏ rơi cả cái bút chì và con bé trong gương định vẽ. Bé nhẩy căng lên bố: “Rồi bố mua kem cho Bé, bố nhớ.” Miệng Bé tắc lèm, đánh choẹt một cái: Kem thì còn phải kể. Cắn khác một cục, buốt lạnh lưỡi, rứt cả đầu cả cổ, cục kem tan dần ngọt lịm... Thật không gì bằng kem, vừa được ăn lại vừa được chơi với nó. Bố cũng thích kem lắm nhớ! Hai bố con, hai que kem ngồi ở ghế bờ Hồ, nhẩn nha... Chao, những lúc ấy sao mà Bé yêu bố thế. Bé không cần mẹ, mẹ cứ việc đi công tác, xa nhà bao nhiêu đêm, Bé cũng không cần, kem và bố là đủ rồi...

Mẹ thì ghét kem lắm. Mẹ bảo: “Bé ăn kem, chỉ tổ té re”. Nghĩ thế, mặt Bé đỏ đỏ. Thôi, thềm vào, chả nhớ chuyện xấu hổ ấy. Bé níu chặt bàn tay bố, thổ thê: “Hôm nay bố mua kem xanh bố nhé!” Bố trả lời: “Bố mua cho bé một thứ còn thích hơn kem cơ. Đồ bé biết là cái gì nào?” Trí khôn ngẩn ngẩn của Bé đoán làm sao được. Bé bảo: “Con chỉ thích kem thôi”. Bố quệt má Bé:

“Con nhà khờ dại quá”.

Hai bố con lại ngồi trên ghế trông ra hồ. Bố cũng mua kem cho Bé như mọi khi, chiếc kem xanh mà Bé đang ao ước. Nhưng khác mọi khi, hôm nay bố không ăn. Bé nghĩ: hay tại Bé chọn kem xanh, bố không biết ăn chẳng? Lập tức, Bé thấy que kem già chú bán kem: “Bé ăn kem “tắng” cơ, cho bố ăn mấy”. Bố hiểu lòng thảo của Bé, bố ấn lại que kem xanh vào tay bé, hôn chụt má Bé, hít hà: “Con gái tôi, con gái tôi, khôn láu quá!” Bé chẳng hiểu ra sao nữa. Hồi này bố vừa chê Bé dại khờ xong.

Bố ngồi bên cạnh Bé, không ngớt ngắm Bé, bố tư lự lắm. Bé có vẻ rất bằng lòng, rất sung sướng với chiếc kem. Bé không còn một đòi hỏi nào, một mơ ước nào khác! Vậy thì bố có nên cứ mua cho Bé cái mà bố bảo là còn “hơn cả kem không?” Bố bỗng thấy những nét phả phê hớn hờ trên mặt Bé mờ dần, nhường chỗ cho những nét phụng phịu thèm muốn hôm nào bố và mẹ dắt Bé đi xem búp bê Tiệp-khắc ở cửa hàng Mậu dịch Tràng-Tiền.

Lần thứ nhất Bé nhìn thấy những búp bê to và đẹp đến thế, biết thức biết ngủ. Bé thích nhất cái con bê có hai đuôi sam vắt vẻo như Bé. Nó cũng có áo mới bằng vải hoa như Bé. Bé bảo mẹ mở tủ lấy bê cho Bé mang về. Mẹ sùỵ: “Phải có tiền mua chứ”. Bé trở vào túi tay của mẹ: “Tiền trong ấy đấy thôi.” Bố bảo: “Ngân ấy không đủ, phải có nhiều hơn thế.” Bé đứng ngẩn người, gọi thảm bê: “Bê ơi! Bê ra đây với tôi... tôi cho ăn kem”. Bê bị nhốt trong tủ kính, không nhúc nhích. Bé thương bê quá, thèm bê hơn thèm kem. Nhưng phải nhiều tiền mới mua được bê thì... chịu thôi.

Những việc, những lời xảy ra quanh Bé, lọt vào tai Bé đã làm cho Bé biết được rằng: những cái gì nhiều tiền thì bố, mẹ chưa mua được, còn đợi để chính phủ giàu đã, nhân dân giàu đã. Đến Bé muốn ăn hai chiếc kem, bố cũng bảo: “Hạn quà cho con chỉ có một trăm thôi, đợi chính phủ giàu, nhân dân giàu, con tha hồ ăn.” Bé quay lại hỏi bố: “Bố ơi! Thế bao giờ chính phủ giàu, nhân dân giàu hả bố?” Bố thuận miệng đáp: “Ít nữa thôi.”

Ít nữa thôi với Bé là lâu lắm. Bé thì muốn có bê ngay bây giờ. Bé cứ đứng thẩn ra ngắm. Bố mẹ giục không đi. Mẹ sốt ruột dọa: “Này người ta sắp đóng cửa hàng đấy. Hay Bé ở đây một mình với búp bê.” Bé yêu bê thật, nhưng ở đây một mình với bao nhiêu cái lạ này, lỡ bị nhốt vào cái tủ như bê thì Bé chịu thôi, sợ lắm. Bé đành thủ thủ theo bố mẹ đi. Chỗ lòng mào giao nhau lửng đờ, triệu chứng Bé chỉ chờ cơ hội là khóc.

Về nhà, Bé cũng còn ngờ ngẩn nhớ Búp-bê, ôm cái gối dài của Bé nựng nịu. Tối đi ngủ Bé không rời con búp bê tưởng tượng. Bố mẹ suy nghĩ lắm. Mẹ chép miệng: “Tội nghiệp, nó thèm con búp bê quá, chắc ngủ mê cũng thấy.” Vì chuyện con búp bê, bố, mẹ mới nhận ra một điều là lấy nhau chín năm rồi, đã có mụn con là bé đấy, lên bảy tuổi, đã biết về nhau tất cả mọi nỗi khổ cực vất vả, nhất là từ trong cuộc phát động quần chúng hồi đầu năm ngoái ở quê nhà, cả bố cũng được về phối hợp đấu tranh, thế mà vẫn còn một cái khổ mẹ chưa nói với bố.

Mẹ kể: “Chả phải bây giờ ra Hà Nội công tác, em mới được ngắm búp bê to như thế này đâu. Em nhìn thấy từ ngày xưa, em chỉ nhìn hơn cái Bé nhà ta một hai tuổi. Nhìn con búp bê của con lão chủ đồn điền ấy mà. Bố con nó về chơi đồn điền, búp bê để ngoài ô tô hòm, cửa kính đóng kín. Em trèo lên bệ xe nhìn vào. Con búp bê to như đứa bé mới đẻ. Em nghĩ giá được bế một cái, nhịn ăn cả tháng cũng được. Bất đồ, mãi ngắm thì bố con thằng chủ đồn điền ra, mở cửa xe dăng trước, leo lên. Em chỉ còn kịp ngồi thụp xuống bệ, chưa nhảy được ra thì thằng chủ mở máy cho xe chạy, hất em ngã sòng xoài xuống đường, đầu va vào đá toạc mảng to, còn cái sọ đây này.”

Mẹ nhắc bàn tay bố, luồn qua tóc sau ót, sờ chiếc sẹo, tóc không bao giờ mọc nữa. Mẹ nghe tiếng ực ực, không biết có phải tiếng bố khóc hay tiếng Bé thổn thức trong mơ. Kết quả câu chuyện là gần về sáng, bố mẹ bảo nhau: “Thôi kỳ truy lĩnh này, hai vợ chồng thế nào cũng có hai phiếu mua hàng mậu dịch, sẽ nhin một phần mua cho Bé con búp bê. Con đã có áo hoa, giày da, nơ buộc tóc. Con còn phải có búp bê chơi.”

Bố mẹ quyết định thì bên gối Bé thêm thiệp giấc nồng. Nhưng càng gần ngày được nhận truy lĩnh, bố thấy mẹ hình như có vẻ giãn quyết định ra. Không hẳn là mẹ bảo không mua búp bê cho bé nữa, mẹ chỉ dáo lên những thứ cần phải mua với hai phiếu mua hàng, đại để như vải, ấm nhôm, thau chậu. Mẹ bảo: “Rồi sắp một cái thau cũ không đủ đâu.” Tính những thứ mẹ muốn mua thì đến bốn phiếu mua hàng cũng hết. Bố vốn tính tầm ngẫm, cứ để cho mẹ toan tính. Bố cũng không nhắc gì chuyện con búp bê hai người đã ước hẹn thắm với Bé.

Cho đến chiều nay, bố về nhà với tám phiếu mua hàng trong túi. Bố chải đầu làm dáng cho con gái, dắt con gái đi, lên mẹ. Thế nào bố cũng mua cho con gái bố con búp bê. Bố không sợ người khác mua mất. Chị bán hàng đã bảo bố: “Mậu dịch biết thế nào cũng có nhiều người bỏ mua búp bê cho con nên mậu dịch đặt mua bên Tiệp Khắc về nhiều lắm. Bố chọt mỉm cười: “Một nông dân Việt Nam mua búp bê của Tiệp Khắc cho con chơi. Du thật. Chuyện ấy ngày xưa có ai dám nghĩ đến không?” Bố bảo Bé: “Đi con!” Bé lơn tơn cạnh bố. Ăn hết que kem rồi, nghe chân đi kém dẻo dai. Bố nhắc bổng bé lên, như nhắc bổng chiếc ba-lô. Hai bố con vào Mậu dịch.

Bé nhẩy căng, trụt khỏi tay bố. Con búp bê của Bé vẫn ở trong tủ. Khác cái, lần này bé đứng mãi chắc mỗi chân, đã ngồi xuống rồi, chân duỗi dài ra như đang dở chơi nu na nu nống. Bé dán mũi vào cửa kính, tìm chuyện nói với búp bê. Chợt một bàn tay lạ kéo Bé lùi xa cửa kính, thò tay vào trong tủ, nhắc đúng bé của Bé ra và đặt vào tay Bé. Bé ôm lấy không chút ngỡ ngàng. Bé nhìn bố khoe: “Bố ơi! Cô này cho con búp bê”. Cô bán hàng cười: “Bố em mua cho em đấy!” Bé cuống quít dục bố: “Về bố, về bố, về khoe mẹ!”

Hai tay Bé khư khư ôm búp bê vào ngực. Có lúc Bé quên cả bố đi bên cạnh. Bé còn mãi nói chuyện với bé. Rằng: “Bê về nhà phải ngoan nhé, đừng quấy mẹ, mẹ hay mắng lắm. Khi nào mẹ mắng thì túm lấy quần bố. Mẹ đi công tác đã có bố ở nhà, bố đi công tác đã có mẹ, cả mẹ cả bố cùng đi thì đã có các cô, các chú, nhiều cô nhiều chú lắm.”

Bé mới nói chuyện đến đấy thì đã lại đến Bờ Hồ rồi. Bố nói: “Nghỉ một tý, Bé ạ”. Bé đồng ý ngay, được dịp cho bé xem bờ hồ. Bé ở lâu trong tủ kính chắc nóng lắm. Bé đưa bé ra bờ cỏ sát hồ. Hai chị em ngồi giải thẻ, ngảnh mặt ra hồ ngắm cảnh.

Bố ngồi xuống thì lấy tay vỗ đùi, một cử chỉ đã thành thói quen từ khi thương tích ở đùi của bố bị trong một cuộc xung kích đồn Tây được mổ ra lấy đạn đã lành. Vết thương cũng đồng thời đổi bố từ một chiến sĩ chiến đấu thành một thương binh chuyển ngành và làm cho bố đi một quãng đường là thấy mỗi mỗi. Nhưng bây giờ bố ngồi nghỉ, còn vì bỗng thấy ngại gặp mẹ, ngại nghe mẹ phê bình. Phê bình đúng hẳn chữ. Thực tế bố mẹ đã đến mức mua đồ chơi đắt tiền hàng vạn bạc cho con đâu. Kế hoạch 56 chưa xong, mọi người còn thất lạng bụng, nhà còn thiếu đồ thiết dụng... một vạn bạc là... hai yển rươi gạo. Bố nhìn Bé đang cười rúc rích với búp bê. Bố bèn nhắm lại những lý lẽ danh thép để tự bào chữa: cái sẹo trên đầu mẹ, vết thương ở đầu gối bố, tất cả để cho Bé được sung sướng. Bố không ngại gặp mẹ nữa.

Bố vừa toan gọi Bé đi về, thì mẹ từ đâu ủa tới, đặt phịch một gói lên lòng bố, tíu tíu:

“Về đến nhà không thấy bố con đâu, biết ngay lại chỉ ra đây. Anh mở xem...”

Chưa hết câu, lại gọi Bé:

"Bé ơi! Lại đây! Lại đây!"

Bé ôm con búp bê khệ nệ bước lại. Mẹ nhìn con búp bê trong tay Bé, đờ người, thốt tiếng: "Ồ hay!..." Bố mở gói ra thấy con búp bê cũng: "Ồ hay!" Duy chỉ có Bé không ngạc nhiên gì cả, reo một tràng dài: "A! Cả mẹ cũng mua búp bê cho Bé nữa!" Bé điềm nhiên dang tay ôm nốt con búp bê mẹ vừa mang lại, đi về chỗ cũ, đặt song song xuống cỏ. Con bố bên này, con mẹ bên này. Sao hai con giống nhau thế. Bé làm rồi đây này. Bé thích con bê của bố hơn. Nó đã thân với Bé trước. Bé phải làm thế nào để khỏi lẫn với con của mẹ? Bé nghĩ nhay lăm. Bé sẽ tháo nơ đỏ của Bé buộc sau lưng cho bê bố làm khăn quàng đỏ. Bé bảo con bê mẹ mua: "Còn mày đến sau phải quàng khăn đỏ sau nghe chưa?"

Bé liếc nhìn mẹ. Mẹ mà biết thì mẹ giận đấy. Mà mẹ đang giận thật, có điều là mẹ đang giận bố chứ không phải đang giận Bé. Mẹ nói lầm bầm. Bố cũng nói lầm bầm. Bé nghe loáng thoáng những lời gắt gỏng: lãng phí, đem giá đi, đừng trẻ con, mua rồi còn đem giá, trẻ con lăm vào.

Nghe đến câu chiều con thì Bé chán quá, không nghe nữa. Vì Bé nghe mãi rồi. Có lúc thì là bố cự mẹ thế, lúc thì mẹ cự bố thế, nguy hiểm là có lúc cả hai cùng nhận lỗi với nhau là đã chiều Bé. Thật làm Bé nghĩ phen này có lẽ cả bố lẫn mẹ cùng sẽ ghét mình. Nhưng chỉ một lát, phi bố tát mẹ lại ôm bé nựng nịu, quà quà bánh bánh cho Bé. Người lớn, chịu, không hiểu họ ra sao cả.

Bố mẹ thôi không làm bầm nữa nhưng lại thừ ra, mặt bố cau lại, mặt mẹ đỏ phừng phừng. Hai bê của bé mà cũng giống thế kia thì xấu quá. Bé không thích đâu. Bé nhìn hai bê thân người nghĩ ngợi: nếu hai bê mà cãi nhau thì Bé làm thế nào nhỉ?

Bé nghĩ một lát đứng phất dậy ôm một con – bây giờ thì con của bố hay con của mẹ cũng chẳng hề gì. Bé phăng phăng chạy lại trước mặt mẹ, đặt vào lòng mẹ, nói một hơi:

Hai con bê này nó cứ cãi nhau con không đỡ được, con giả mẹ con này để mẹ cho em bé trong bụng. Bố mẹ nhìn nhau một giây rồi cùng phá lên cười.

Tiếng cười của bố mẹ làm sao gọn cả sóng Hồ Gươm... Mấy con chim trên cành vội cất cánh bay, đánh rơi lộp độp trên đầu Bé những đốm trắng trắng... Khách qua lại lấy cái cười của bố mẹ cũng nhoèn miệng cười theo.

Trăm Hoa, ngày 25 tháng 11 năm 1956.

Bản điện tử do talawas thực hiện.

Phụ đính II :

**Các bản tin về phiên tòa xử Nhãn Văn – Giai Phẩm
Lại Nguyên Ân sưu tầm và biên soạn**

Ngày 19-1-1960, Tòa án nhân dân Hà Nội xử vụ gián điệp Nguyễn Hữu Đang và Thụy An

Ngày 19-1-1960, Tòa án Nhân dân Hà Nội đã xử vụ gián điệp có tổ chức do bọn Nguyễn Hữu Đang và Thụy An cầm đầu. Nhiều đại biểu các tầng lớp nhân dân Hà Nội đã tới dự phiên tòa này. Bọn gián điệp bị đưa ra xét xử gồm năm tên: Nguyễn Hữu Đang, Lưu Thị Yến tức Thụy An, Trần Thiếu Bảo tức Minh Đức, Phan Tại và Lê Nguyên Chí. Ông chánh án Nguyễn Xuân Dương, hai ông hội thẩm Nguyễn Tử Các và Phùng Bảo Thạch đã lần lượt hỏi các tội phạm, và bọn chúng đã được tự do trình bày hết tư tưởng và hành động của chúng trong thời gian phạm pháp.

Thụy An là một tên gián điệp lợi hại của bọn đế quốc. Khi hòa bình được lập lại, y đã nhiều lần xuống Hải Phòng bàn định kế hoạch hoạt động gián điệp phá hoại với bọn tay sai của Mỹ – Diệm. Sau khi Chính phủ ta tiếp quản Hải Phòng, y trở về Hà Nội, chịu mệnh lệnh của một số phần tử người nước ngoài trong đó có tên là Đuya-răng, thi hành những âm mưu và hoạt động phá hoại miền Bắc nước ta. Âm mưu của chúng nhằm xuyên tạc sự thật, kích động lòng người, gây nghi ngờ, hoang mang chống đối với chế độ dân chủ nhân dân. Chúng gọi thủ đoạn này là thủ đoạn “phá hoại tư tưởng, phá hoại nền tảng chính trị”. Đó chính là một thủ đoạn gián điệp rất quý quyết của Mỹ, tinh vi và độc ác hơn phá hoại bằng vũ khí, – lối gián điệp “tác động tinh thần”, “chiến tranh tâm lý”. Đối với nhiệm vụ gián điệp mà Đuya-răng đã giao cho, Thụy An thú nhận: “Tôi đã làm việc đó một cách thích thú, và nó phù hợp với tư tưởng phản động của tôi”.

Năm 1956, Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi nhập thành một nhóm. Tháng 9-1956, dựa vào tiền bạc của những phần tử tư sản phản động, bọn chúng xuất bản tờ báo *Nhân văn*. Nguyễn Hữu Đang thú nhận: “Thực chất tư tưởng của tôi và những người theo tôi là phản động, cho nên lúc đó chúng tôi bàn ra một tờ báo để làm lợi khí chống đối. Tờ báo *Nhân văn* do chính tôi giữ một vai trò chủ chốt”.

Báo *Nhân văn* là một tờ báo chính trị phản động. Mục đích của tờ báo này là nhằm kích động quần chúng chống lại chế độ dân chủ nhân dân. Nguyễn Hữu Đang thú nhận: “Để đạt mục đích ấy, chúng tôi đã dùng lối bịa đặt, vu khống, xuyên tạc, các bài báo của chúng tôi không đúng sự thật, cứ viết bừa, nói bừa, chuyện không nói có và nói toàn những vấn đề quan trọng để gây những tác hại lớn”.

Trong khi Nguyễn Hữu Đang và Phan Khôi phản tuyên truyền và phá hoại bằng báo *Nhân văn* thì đồng bọn đã ráo riết hoạt động để phối hợp.

Thụy An thường xuyên gặp Đuya-răng báo cáo tình hình. Thụy An thú nhận: “Đuya-răng bảo tôi: giờ bà hãy đứng ngoài, nhưng phải để mắt trông nom mọi việc”. Do đó Thụy An không có tên trong tòa soạn báo *Nhân văn* nhưng y đã tích cực cổ động cho báo *Nhân văn*..., cho một tay chân của Phan Tại đến giúp việc Nguyễn Hữu Đang. Phan Tại đã vận động người giúp tiền cho *Nhân văn*, lợi dụng sân khấu, điện ảnh để tiến hành phản tuyên truyền; Minh Đức đã câu kết với một số phần tử xấu như nhóm Trương Tửu xuất bản một số sách nội dung giống như *Nhân văn*, mục đích đều là chống lại chế độ dân chủ nhân dân.

Trong những hoạt động phá hoại của bọn Phan Tại, Minh Đức đều có bàn tay chỉ huy của Nguyễn Hữu Đang và Thụy An. Thụy An thú nhận “là cố vấn của Phan Tại”, còn Nguyễn Hữu Đang “là linh hồn của nhà xuất bản Minh Đức” (lời khai của Minh Đức). Hơn thế nữa, Nguyễn Hữu Đang còn mưu đồ thành lập một đảng chính trị phản cách mạng.

Tháng 12-1956, khi bọn Nguyễn Hữu Đang tụ tập được một số người, chúng hoạt động liều lĩnh hơn. Sau khi đã trực tiếp viết luôn mấy bài xã luận chuẩn bị trước cho tư tưởng chống lại chế độ, trong số 6 báo *Nhân văn* (không ra được), Đang viết một bài có tính chất kêu gọi biểu

tin, nhằm gây ra phiền loạn. Trần Duy khai: “Chúng tôi tưởng rằng số 6 *Nhân văn* ra được thì bọn gián điệp sẽ ngóc đầu dậy, bọn chiến tranh tâm lý sẽ có đất hoạt động... sẽ có biểu tình, súng nổ..., tiếp theo đó là những mưu đồ lật đổ”. (Bọn gián điệp Trần Minh Châu, Nguyễn Quang Hải – bị xử án trước đây – v.v... đã có điều kiện hoạt động ráo riết nhất trong thời gian này).

Sau khi báo *Nhân văn* bị đóng cửa, bọn Nguyễn Hữu Đang và Thụy An vẫn câu kết chặt chẽ với nhau và tiếp tục hoạt động gián điệp phá hoại. Thụy An thú nhận: “Sau khi báo *Nhân văn* bị đình bản tôi vội đến báo cáo tình hình với Đuỳa-răng và xin chủ trương. Đuỳa-răng bảo tôi: Lúc này là lúc bà phải đi sát với họ”. Nguyễn Hữu Đang và Thụy An lấy nhà Phan Tội làm một “câu lạc bộ” bí mật, tụ tập một số phần tử phản cách mạng chuyên đem những luận điệu phản tuyên truyền của bọn Mỹ – Diệm và những sách báo phản động của bọn đế quốc ra bàn và thảo luận những âm mưu phá hoại mới. Nguyễn Hữu Đang thú nhận: “Trong thời gian đi lại với Thụy An, những câu nói phản tuyên truyền của chúng tôi rất nhiều, và tôi nhận rằng tôi đã bịa đặt ra những việc không đúng sự thật và đã gây tai hại là gieo rắc hoang mang và hoài nghi...” Trong khi Nguyễn Hữu Đang và Thụy An ra sức “tác động tinh thần” như vậy, thì Minh Đức được Đang giới thiệu với những phần tử tư sản phản động cung cấp cho hàng triệu đồng (tiền cũ), cho in lại hàng loạt sách của thời thuộc Pháp để tiếp tục đầu độc các tầng lớp thanh niên, còn Phan Tội thì lợi dụng việc tập kịch, ca hát để phục hồi nếp sống trụy lạc, đồi bại của thời tạm bị chiếm. Đến khi chúng thấy âm mưu và hoạt động của chúng bị bại lộ, chúng định trốn vào Nam để tiếp tục làm tay sai cho Mỹ – Diệm. Lê Nguyên Chí thú nhận: “Đang nói với tôi, Đang vào theo Mỹ – Diệm sẽ được chúng tin dùng và sẽ làm được những việc lớn”. Đang cùng Lê Nguyên Chí chuẩn bị trốn đi Nam.

Trước tòa án, với những bằng chứng đầy đủ, bọn gián điệp nói trên đã nhận hết tội lỗi của chúng. Sau khi luật sư Đỗ Xuân Sáng bào chữa cho các tội phạm, căn cứ vào chính sách xét xử và trừng trị của Tòa án nhân dân là nghiêm trị bọn chủ mưu và bọn ngoan cố, khoan hồng với những người lầm đường, bị lừa gạt đã biết hối cải, Tòa án đã tuyên án:

Nguyễn Hữu Đang, 15 năm phạt giam, 5 năm mất quyền công dân; Lưu Thị Yến tức Thụy An, 15 năm phạt giam, 5 năm mất quyền công dân; Trần Thiếu Bảo tức Minh Đức, 10 năm phạt giam, 5 năm mất quyền công dân; Phan Tội, 6 năm phạt giam, 3 năm mất quyền công dân; Lê Nguyên Chí, 5 năm phạt giam, 3 năm mất quyền công dân.

Ngày 19-1-1960, trước tòa án nhân dân Hà Nội năm tên gián điệp phản cách mạng, phá hoại hiện hành cúi đầu nhận tội

Ngày 19-1-1960, Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội đã xử 5 tên Lưu Thị Yến tức Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo tức Minh Đức, Phan Tội và Lê Nguyên Chí. Chúng là những tên gián điệp phản cách mạng, phá hoại hiện hành, hoạt động có tổ chức, thực hiện âm mưu của địch, tiến hành những hoạt động chiến tranh tâm lý đê hèn nhất, những hoạt động phá hoại thâm độc nhất, để hòng cuối cùng lật đổ chế độ tươi đẹp của chúng ta ở miền Bắc.

Phiên tòa do ông Nguyễn Xuân Dương, chánh án Tòa án Nhân dân Hà Nội làm chánh án, ông Phùng Bảo Thạch, Phó Hội trưởng Hội Nhà báo Việt Nam và ông Nguyễn Tử Cát, ủy viên Ban chấp hành Liên hiệp Công đoàn Hà Nội làm Hội thẩm, ông Dương Văn Đàm làm công tố ủy viên và có luật sư Đỗ Xuân Sáng bào chữa cho các bị can.

Lưu Thị Yến tức Thụy An là một tên gián điệp lợi hại của đế quốc. Trước Cách mạng tháng Tám, thị đã làm tay sai cho bọn trùm mật thám và và trùm thực dân Marty và Grand-Jean. Trong kháng chiến, trong khi toàn dân ra sức đánh giặc cứu nước thì Thụy An lại được giặc tin dùng, cho làm Phó giám đốc Việt Tấn xã là cơ quan tác động tinh thần của địch chuyên phản tuyên truyền chống kháng chiến. Như lời thị đã cung khai, hòa bình vừa mới lập lại thị đã

nhiều lần xuống Hải Phòng bàn bạc với bọn phản động, trong đó có tên Quang là tay sai đắc lực của Mỹ – Diệm từ miền Nam ra và đã giao cho thị nhiệm vụ ở lại miền Bắc để phá hoại. Sau khi Chính phủ ta tiếp quản Hải Phòng, Thụy An đã trở về Hà Nội, đến gặp ngay một tên ngoại kiều mà thị khai là Durand là một tên có uy quyền đối với quân đội viễn chinh Pháp trước. Thụy An đã thú nhận là khi gặp Durand tên này đã nhắc lại những lời tên Quang đã nói với thị ở Hải Phòng và bày cho thị những cách phá hoại trong đó có kế hoạch phá hoại trong văn nghệ, lũng đoạn tư tưởng, phá hoại miền Bắc. “Tôi làm việc ấy một cách thích thú vì nó phù hợp với tư tưởng phản động của tôi” (Lời khai của Thụy An). Durand còn nói thêm là không phải Thụy An làm việc đó một mình, mà còn có thể tìm thấy bạn đồng đội trên những việc làm của họ. Trên thực tế, Thụy An đã tìm thấy đồng đội của thị cụ thể là Nguyễn Hữu Đang và đồng bọn và đã cấu kết chặt chẽ với chúng.

Nguyễn Hữu Đang là một phần tử đầu cơ chính trị, y đã thú nhận có tư tưởng phản động từ lâu, đã cổ động cho những xu hướng chính trị phản động và ngày càng tụ tập thêm vây cánh, mưu đồ lập một đảng chính trị phản cách mạng để chống lại và lật đổ chế độ ta.

Với những thủ đoạn tác động tinh thần, vu khống, xuyên tạc, lừa bịp, mua chuộc, bọn Nguyễn Hữu Đang và Thụy An đã lôi kéo được một số phần tử xấu và tháng 9-1956 chúng cho ra báo *Nhân văn* làm công cụ thực hiện âm mưu của chúng. Tờ báo do một số tư sản phản động giúp đỡ tiền nong và phương tiện và do Nguyễn Hữu Đang trực tiếp điều khiển. Đang viết xã luận, sửa những bài chính, ngày càng đi sâu vào con đường bịa đặt, vu khống, tác động tinh thần và đến số 6 đã trắng trợn viết bài kích động quần chúng biểu tình chống chế độ.

Lê Đạt trong Ban biên tập báo *Nhân văn* và là một nhân chứng được tới dự phiên tòa đã thú nhận: “Hành động của nhóm *Nhân văn* là nhằm lật đổ chế độ miền Bắc... Trong nhóm *Nhân văn*, Đang là người chủ chốt, không có Đang thì không có nhóm *Nhân văn* được. Sau Nguyễn Hữu Đang là bọn chúng tôi, và chúng tôi là một nhóm phản quốc”.

Và đây là lời Trần Duy, thư ký tòa soạn báo *Nhân văn*, một nhân chứng khác: “Chúng tôi tưởng rằng số 6 *Nhân văn* ra được thì bọn gián điệp sẽ ngóc đầu dậy, bọn chiến tranh tâm lý sẽ có đất để hoạt động”.

Sự thật là không phải chờ số 6 *Nhân văn* ra, bọn gián điệp Nguyễn Quang Hải, Trần Minh Châu tức Cặp mà Tòa án Nhân dân Hà Nội đã xử, đã hoạt động điên cuồng nhất trong lúc báo *Nhân văn* phun nọc độc. Sự thật là ở miền Nam bọn Mỹ – Diệm không ngớt lời khen ngợi và tặng bốc *Nhân văn* và lấy tờ báo phản động ấy làm tài liệu quý báu để xuyên tạc, vu khống miền Bắc. Và sự thật là, trong lúc đó Thụy An càng mật thiết liên lạc với Durand, nhận chỉ thị của nó, ráo riết cổ động cho *Nhân văn*.

Minh Đức tên thật là Trần Thiểu Bảo là một tên tư sản phản động làm tay sai cho đế quốc từ hồi thuộc Pháp. Trong kháng chiến y hoạt động đầu cơ và cấu kết chặt chẽ với Nguyễn Hữu Đang. Trước và trong thời gian báo *Nhân văn* ra đời, y lại được giới thiệu với một số tư sản phản động khác và bọn này đã cung cấp cho y hàng chục triệu (tiền cũ) để in lại những sách xấu thời thuộc Pháp và hàng loạt *Giai phẩm*, *Đất mới*, *Tự do diễn đàn* với mục đích phá hoại rõ rệt, và sau khi *Nhân văn* bị vạch mặt lại tiếp tục dùng nhà xuất bản của y để thực hiện âm mưu đen tối. Nguyễn Hữu Đang thú nhận: “Tôi và Trần Thiểu Bảo đã lấy nhà xuất bản Minh Đức làm một công cụ để chống đối”.

Phan Tại trước đây trong vùng tạm chiếm đã làm việc tuyên truyền cho địch chống lại kháng chiến, sau hòa bình trở lại tích cực cổ động cho *Nhân văn*, vận động người góp tiền cho *Nhân văn*, định mở rộng đoàn kịch lấy tiền ủng hộ Nguyễn Hữu Đang và đồng bọn đẩy mạnh hoạt động phá hoại, lợi dụng sân khấu và điện ảnh để phản tuyên truyền.

Lê Nguyên Chí đã từng giữ chức thanh tra hành chính và chính trị của bọn ngụy quyền trong thời kỳ Hà Nội còn bị tạm chiếm. Hòa bình lập lại, tuy đã được chính quyền ta cho tự do sinh

sống làm ăn, nhưng y vẫn cấu kết với Nguyễn Hữu Đang và đã bố trí cho tên phản cách mạng này chạy trốn để hòng đi làm tay sai cho địch một cách đắc lực hơn.

Năm tên nói trên rõ ràng là tay sai của đế quốc, của Mỹ – Diệm, được địch giao trách nhiệm đặc biệt là phá hoại trong lĩnh vực văn hóa tư tưởng, tiến tới thực hiện âm mưu chính trị phản động của chúng. Nhưng chúng đã thất bại thảm hại.

Chiều theo luật lệ của Nhà nước, tội trạng của bị can, và thực hiện chính sách xét xử của pháp luật ta là “nghiêm trị bọn chủ mưu cầm đầu, bọn ngoan cố, khoan hồng đối với những người bị lừa phỉnh, bị ép buộc, lầm đường, đối với những người thật thà hối cải”, phiên tòa đã tuyên án: – Nguyễn Hữu Đang và Lưu Thị Yến: mỗi tên 15 năm phạt giam và 5 năm mất quyền công dân sau khi hết hạn giam.

– Trần Thiếu Bảo tức Minh Đức: 10 năm phạt giam và 5 năm mất quyền công dân sau khi hết hạn giam.

– Phan Tại: 6 năm phạt giam và 3 năm mất quyền công dân sau khi hết hạn giam.

– Lê Nguyên Chí: 5 năm phạt giam và 3 năm mất quyền công dân sau khi hết hạn giam.

Bọn chúng đã cúi đầu chịu tội trước pháp luật, trước nhân dân.

Nguyễn Hữu Đang và Thụy An, đầu sỏ chủ mưu, bị phạt giam 15 năm và mất quyền công dân 5 năm sau khi hết hạn giam

Ngày 19-1-1960, Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội đã xử bọn gián điệp phản cách mạng phá hoại hiện hành: Nguyễn Hữu Đang và Thụy An: 15 năm phạt giam và 5 năm mất quyền công dân sau khi ra; Minh Đức: 10 năm phạt giam và 5 năm mất quyền công dân sau khi ra; Phan Tại: 6 năm phạt giam và 3 năm mất quyền công dân sau khi ra; Lê Nguyên Chí: 5 năm phạt giam và 3 năm mất quyền công dân sau khi ra. Tội trạng của bọn chúng có thể tóm tắt như dưới đây, theo đúng như kết quả điều tra của các cơ quan Nhà nước với sự phát hiện của nhân dân, và theo chính những lời chúng đã thú nhận trước Tòa án.

Con gián điệp nguy hiểm

Khi hòa bình vừa mới lập lại, Thụy An lúc đó ở Hà Nội đã nhiều lần xuống Hải Phòng, gặp gỡ bàn bạc với bọn đầu sỏ ngụy quyền và Quốc dân Đảng phản động. Tên Quang, một tay sai đắc lực của Mỹ – Diệm từ trong Nam ra, giao cho Thụy An nhiệm vụ ở lại để phá hoại miền Bắc. Sau khi ta tiếp quản Hải Phòng, Thụy An trở về Hà Nội và tới gặp ngay một ngoại kiều. Tên này giao cho Thụy An một công tác gián điệp tinh vi, lợi hại: tiến hành chiến tranh tâm lý ở miền Bắc. Tên ngoại kiều chỉ thị cụ thể hơn cho con gián điệp: “Lập trường của chị là phải chống đối!”, “nhiệm vụ của chị là lũng đoạn tư tưởng!”, “chị phải thận trọng, đừng nóng nảy!”, “phải làm sao cho người ta tin chị đấy!”... Thụy An khai: “Tôi đã nhận làm những việc đó một cách thích thú vì việc đó phù hợp với tư tưởng phản động của tôi!”.

Cùng với Nguyễn Hữu Đang, Thụy An trở thành bộ phận đầu não của bọn gián điệp phản cách mạng. Nó không ngớt mồm đả kích chế độ ta, chuyên đưa ra những luận điệu tác động tinh thần, ra sức lôi kéo một số văn nghệ sĩ xấu có tư tưởng sai lầm đi vào con đường chống đối cách mạng. Việc tụ tập vây cánh đó, nó gọi là “gài mìn” theo tiếng lóng của bọn gián điệp.

Khi tờ *Nhân văn*, công cụ của bọn gián điệp phản cách mạng, ra đời, Thụy An khôn khéo không đứng tên trong tòa soạn, không công khai viết bài, nhưng thực ra chính nó đã gặp Nguyễn Hữu Đang để bàn bạc chuẩn bị cho báo ra, và khi báo ra rồi, Thụy An lại tích cực cổ động cho *Nhân văn*, bán báo cho *Nhân văn*,... Thụy An còn thú nhận: khi *Nhân văn* bị đóng cửa, chính nó đã vội vã đến báo cáo ngay tình hình với tên ngoại kiều nói trên để xin chỉ thị đối phó. Tên này đã bảo Thụy An: “Lúc này là lúc chị càng phải đi sát với họ” (tức là bọn Nguyễn Hữu Đang). Trung thành với chủ nó, con gián điệp đã làm theo đúng những lời chủ nó dạy cho đến ngày nó bị sa vào lưới của nhân dân.

Nó là ai mà lợi hại như vậy? Chỉ cần nhắc lại một chút quá khứ gần đây nhất của nó để chúng ta có tài liệu tham khảo thêm: Thụy An tên thật là Lưu Thị Yến, trước Cách mạng tháng Tám đã từng làm tay sai cho bọn Mác-ty, Gờ-răng-giăng là những tên trùm mật thám thực dân ở Đông Dương. Khi toàn dân ta hy sinh gian khổ để kháng chiến, Thụy An được giặc tin dùng, cho làm Phó giám đốc Việt Tấn xã, một cơ quan tác động tinh thần của địch, chuyên phản tuyên truyền, chống kháng chiến. Nó đã có mặt ở nhiều nơi xảy ra chiến sự, trên xe bọc sắt của bọn võ quan cao cấp Pháp hay bọn chỉ huy cao cấp bù nhìn. Khi hòa bình vừa lập lại, nó chạy ra vùng tự do khai với chính quyền ta xin ở lại. Ở lại để làm gì, những sự việc trên đã cất nghĩa khá rõ ràng.

Tên phản động đầu sỏ

Sánh đôi, câu kết với con gián điệp nguy hiểm là tên phản động đầu sỏ Nguyễn Hữu Đàng. Đàng là bộ óc của tờ báo phản động *Nhân văn*, công cụ của bọn gián điệp dùng để phản tuyên truyền và phản chính sách. Chuẩn bị ra báo, bọn chúng đã tổ chức nhiều cuộc hội họp lén lút, bàn bạc bí mật, giao dịch với những phần tử phản cách mạng, trong đó có bọn tư sản phản động đã xuất tiền và phương tiện.

Ra báo để làm gì? Ta hãy nghe Đàng cung khai trước Tòa án: “Thực chất tư tưởng của tôi và những người theo tôi là phản động, cho nên lúc đó chúng tôi bàn nhau ra một tờ báo để làm vũ khí chống đối”, “Mục đích của tờ báo là kích động quần chúng cùng với chúng tôi chống lại lãnh đạo. Nội dung báo là bịa đặt, vu khống, xuyên tạc, đả kích. Phương pháp làm báo là: có ít nói nhiều, có bé xé to, biến tốt thành xấu, chuyện không nói có”. Ta hãy nghe nó thú tội trước pháp luật: “Tôi đã gây hoài nghi đối với sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ. Tôi đã cổ động cho những xu hướng chính trị phản động. Tôi đã thổi phồng hoặc xuyên tạc bịa đặt ra những khuyết điểm để nói xấu Chính phủ và những cơ quan Nhà nước”.

Nhưng, tội trạng của Đàng không phải chỉ là nắm vai trò chủ chốt trong tờ báo phản động. Đàng còn ôm mộng lớn hơn nhiều: khởi xướng lập Đảng Nhân văn phản cách mạng, hô hào biểu tình gây phiến loạn, âm mưu lật đổ Chính phủ. Trong những ngày cuối cùng của tờ *Nhân văn*, Đàng tưởng đâu rằng thời cơ đã đến, “sắp có biến cố lớn”. Bọn chúng đã hí hửng: “Chúng tôi tưởng rằng số 6 *Nhân văn* ra được thì bọn gián điệp sẽ ngóc đầu dậy, bọn chiến tranh tâm lý sẽ có đất hoạt động, bọn sinh viên, học sinh trẻ tuổi khờ khạo sẽ bị giật dây. Sẽ có biểu tình, xuống đường, súng nổ, đánh nhau và tiếp theo đó là những âm mưu lật đổ... , nhẩy lên làm lãnh tụ!” Nhưng, quần chúng sáng suốt và chính quyền vững chắc của chúng ta đã ngăn chặn không cho bọn gián điệp phá hoại kịp giờ trò. Báo *Nhân văn* bị đóng cửa. Nguyễn Hữu Đàng không chút nào hối hận, nó càng câu kết chặt chẽ hơn với Thụy An để tiếp tục phá hoại.

Tên lái buôn chính trị xảo quyệt

Trong khi bọn Nguyễn Hữu Đàng và Thụy An ra sức phản tuyên truyền thì Minh Đức được Đàng giới thiệu với một số tư sản phản động. Bọn này đã cung cấp cho chúng hàng chục triệu đồng (tiền cũ) để in lại những loại sách xấu của thời kỳ Pháp thuộc, nhằm tiếp tục đầu độc tư tưởng của một số tầng lớp thanh niên nhẹ dạ.

Minh Đức và Đàng câu kết với nhau nhằm một mục đích phá hoại rõ rệt. Chúng lấy nhà xuất bản Minh Đức làm một công cụ để chống đối chế độ ta và các chính sách của Nhà nước. Tập hợp và kích động một số phần tử xấu viết hàng loạt bài nội dung hoàn toàn vu khống, xuyên tạc, chúng cho xuất bản hàng loạt sách xấu như *Giai phẩm*, *Đất mới*, *Tự do diễn đàn*... Hành động như trên, chủ yếu Minh Đức nhằm mục đích chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng để vơ vét cho thật nhiều tiền lời bất chính.

Tên trùm tổ quỷ

Nguyễn Hữu Đàng, Thụy An, Minh Đức chưa vừa lòng với những phá hoại nói trên. Bọn chúng còn có ý đồ thâm độc hơn nữa là phục hồi lại cái lối sống thối nát của thời kỳ bị tạm chiếm mà chúng gọi là “nếp sống” của bọn chúng. Nếp sống của bọn gián điệp phá hoại này là gì? Ta hãy vào cái câu lạc bộ bí mật của tổ quỷ mà Phan Tội là trùm thì khắc rõ. Ở đây, lợi dụng hình thức

tập kịch, ca hát, chúng đã cho diễn ra đủ các lối sống đồi bại, trai gái, rượu chè, thuốc sái... Ở đó chúng đã ngang nhiên vặn đài Sài Gòn nghe Mỹ – Diệm chửi ta, chiếu phim “Đảng sợ dừa” để kích thích thú tính của bọn chúng, đọc sách báo phản động từ Mỹ gửi sang. Từ cái tổ quỷ này, “nếp sống” của chúng đã lan ra, đầu độc một số thanh niên nam nữ bên ngoài. Chúng sa đọa đến nỗi có tên trong bọn đã nói thẳng ra: “ở đâu được ăn chơi thỏa thích thì đó là Tổ quốc”. Đây chính là kết quả mà đế quốc đang mong muốn: trụy lạc đời sống, sa đọa tư tưởng, khuấy rối thú tính, làm mất nhân tính con người. Đó cũng là một mục đích của chiến tranh tâm lý mà Thụy An và Nguyễn Hữu Đang phụ trách trước bọn gián điệp.

Lão dẫn đường không giỏi

Khi tên phản động đầu sỏ Nguyễn Hữu Đang thấy mọi con đường của chúng đã bế tắc, nó bàn mưu tính kế với đồng bọn để bí mật chuẩn bị trốn đi, vào Nam thực hiện âm mưu đen tối của chúng.

Chúng tin Mỹ – Diệm sẽ “cưng” chúng lắm, vì chúng biết tất cả các sách báo của chúng xuất bản ngoài này đều được Mỹ – Diệm đem đi triển lãm khắp nơi, cho in lại, dán từng góc đường đầu phố, dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài.

Đang chọn Lê Nguyên Chí làm kẻ dẫn đường. Chí là ai? Hắn là một tên tay chân đắc lực của thủ hiến bù nhìn Bắc Việt Nguyễn Hữu Trí năm xưa. Có thời hắn đã leo tới chức thanh tra hành chính và chính trị của ngụy quyền khi Hà Nội còn bị tạm chiếm. Tên này đã khai với Tòa án: “Đang nói với tôi, vào theo Mỹ – Diệm, Đang sẽ được Diệm tin dùng và sẽ làm được những việc lớn”.

Nhưng buồn thay cho Đang, “việc lớn” chưa thành thì cả hai thầy trò chúng đã bị nhân dân và công an ta bắt quả tang trên con đường chạy trốn theo địch. Thế là đến đây, kế hoạch “vù hàng loạt” của bọn gián điệp phản cách mạng Nguyễn Hữu Đang, Thụy An đã bị phá vỡ và lần lượt cả bọn chúng đã bị bắt đưa ra trước pháp luật.

Vụ án này là một vụ án xử 5 tên gián điệp phá hoại hiện hành. Từ hòa bình lập lại cho đến khi chúng bị bắt, mặc dầu Đảng và Chính phủ đã nhiều lần mở đường cho chúng cải tạo thành con người tốt, bọn chúng vẫn cứ một mực câu kết chặt chẽ với nhau, làm tay sai cho kẻ thù của dân tộc, ngoan cố chống phá nhân dân ta đến cùng. Trong một thời gian, chúng đã gây ra những tai hại cực kỳ nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sự nghiệp xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Là kẻ thù nguy hiểm của nhân dân, chúng đã phải chịu tội trước pháp luật.

Chúng ta hoan nghênh bản án nghiêm khắc mà Tòa án đã tuyên bố đối với bọn gián điệp phản cách mạng. Nó nhắc nhở chúng ta phải luôn luôn cảnh giác để kịp thời ngăn chặn mọi âm mưu đen tối của quân thù đang không ngừng rắp tâm phá hoại miền Bắc ta.

Trước tòa, các bị can đều nhận tội

Ngày 19-1-1960, Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa công khai xét xử vụ án gián điệp và phản cách mạng phá hoại hiện hành gồm những tên: Nguyễn Hữu Đang, Lưu Thị Yến tức Thụy An, Trần Thiếu Bảo tức Minh Đức, Phan Tại và Lê Nguyên Chí.

Hàng nghìn đại biểu các tầng lớp nhân dân thủ đô đã tới dự, ngồi đông kín phòng xử của Tòa án, chăm chú theo dõi phiên tòa suốt từ sáng sớm cho đến chiều.

Mở đầu phiên tòa, sau khi nghe đọc bản quyết định của Công tố viện quyết định truy tố bọn gián điệp phản cách mạng này cùng nội dung quá trình hoạt động đầy tội ác của chúng, Tòa án đã lần lượt thẩm vấn công khai về lý lịch tội trạng từng can phạm một.

Thụy An là một tên gián điệp lợi hại của đế quốc. Trước Cách mạng tháng 8, thị đã từng làm tay sai cho bọn Mác-ty, Gơ-răng Giăng và những tên trùm mật thám và thực dân Pháp ở Đông Dương. Trong kháng chiến, toàn dân ta ra sức đánh giặc, thà hy sinh hết thảy không cam làm nô lệ thì Thụy An đã được giặc tin dùng cho làm Phó giám đốc Việt Tấn xã là một cơ quan tác động tinh thần của địch chuyên phản tuyên truyền, chống lại kháng chiến.

Tuy vậy, khi hòa bình lập lại, chính phủ ta vẫn khoan hồng giao công tác cho Thụy An để giáo dục cải tạo thị. Nhưng, Thụy An vẫn tiếp tục hoạt động cho địch. Theo lời thị khai, khi ta mới tiếp quản Hà Nội, Thụy An đã nhiều lần lén lút xuống Hải Phòng gặp gỡ bàn bạc với bọn đầu sỏ nguy quyền và Quốc dân đảng phản động, trong số này có tên Quang, là một tay sai đắc lực của Mỹ – Diệm từ trong Nam ra đã giao nhiệm vụ cho thị ở lại để phá hoại chế độ ta. Về Hà Nội, Thụy An đã liên lạc ngay với một ngoại kiều tên là Duy-răng để tiếp tục nhận nhiệm vụ gián điệp phá hoại, đặc biệt, dùng văn học, nghệ thuật để phá hoại.

Với những thủ đoạn tác động tinh thần rất xảo quyệt, Thụy An đã ra sức thực hiện nhiệm vụ gián điệp, thường xuyên liên lạc với địch để nhận chỉ thị và báo cáo tình hình, nhận phương tiện hoạt động. Thụy An đã dùng nhiều mảnh khóe mơn trớn, mua chuộc một số phần tử xấu trong giới văn nghệ, len lỏi vào các cuộc họp của giới trí thức, văn nghệ, công thương để xuyên tạc, vu cáo, phá hoại miền Bắc, tiến hành hoạt động chiến tranh tâm lý, tác động tinh thần.

Nguyễn Hữu Đang là một phần tử đầu cơ chính trị, y thú nhận “đã có tư tưởng và hành động phản động từ lâu”. Tên Nguyễn Hữu Đang đã cấu kết với tên tư sản phản động Minh Đức và một số phần tử phản cách mạng khác.

Dưới hình thức hoạt động văn nghệ, Đang đã cấu kết chặt chẽ với Thụy An để hoạt động phản cách mạng. Đang đã giữ vai trò chủ chốt trong các hoạt động chính và chỉ huy tất cả mọi mặt hoạt động phá hoại. Đang tập hợp và cầm đầu nhóm *Nhân văn*, lợi dụng tự do xuất bản để ra báo *Nhân văn* làm công cụ của bọn gián điệp, phản cách mạng để phá hoại miền Bắc, chính y cũng khởi xướng thành lập một đảng chính trị phản cách mạng, viết báo kích động quần chúng xuống đường biểu tình. Đang lại liên lạc với kẻ này nhóm khác để phối hợp các hoạt động chống đối, lúc nào, ở đâu y cũng tung ra những luận điệu xuyên tạc, vu khống chế độ ta.

Trần Thiếu Bảo tức Minh Đức là một tên tư sản phản động. Y đã làm tay sai cho bọn đế quốc từ hồi Pháp thuộc, in những sách báo phản động để phá hoại phong trào cách mạng, Trong kháng chiến, y chuyên hoạt động đầu cơ và đã cấu kết chặt chẽ với Nguyễn Hữu Đang từ lúc đó.

Đang đã cấu kết với Minh Đức, đã biến nhà xuất bản Minh Đức thành một công cụ làm cơ sở cho hoạt động phản cách mạng của bọn Đang. Minh Đức được Đang giới thiệu với bọn tư sản phản động, cung cấp cho chúng hàng chục triệu đồng (tiền cũ) để in hàng loạt tập san phản động và sách xấu để đầu độc tư tưởng nhân dân ta. Minh Đức lại còn thường xuyên dùng thủ đoạn mua chuộc để lôi kéo những phần tử xấu viết các sách báo phản cách mạng công khai tuyên truyền phá hoại.

Phan Tội trước đây đã từng phản bội lại nhân dân ta trong kháng chiến. Phan Tội được Đang và Thụy An tích cực lợi dụng hoạt động sân khấu, điện ảnh để phản tuyên truyền, xuyên tạc chính sách và tìm mọi cách thâm độc để phục hồi lại những lối sống sa đọa, trụy lạc dâm ô theo lối Mỹ. Đang và Thụy An đã biến nhà Phan Tội thành một “câu lạc bộ” bí mật, lén lút tụ tập nhau nghe đài địch, đọc sách báo phản động của đế quốc, thảo luận những âm mưu phá hoại mới. Sau khi bọn *Nhân văn* bị vạch mặt, mặc dầu được Chính phủ và nhân dân ta giáo dục nhiều lần, nhưng Đang vẫn không chút nào hối cải, lại càng cấu kết chặt chẽ với con gián điệp Thụy An để liên tục hoạt động phá hoại.

Cuối cùng, Đang bàn mưu tính kế với Lê Nguyên Chí, là một tên tay chân đắc lực của địch trong thời kỳ tạm chiếm, để y bí mật tổ chức Đang trốn theo địch, tiếp tục làm tay sai cho chúng. Nhưng, trước tinh thần cảnh giác của nhân dân, Đang và Chí đã bị bắt quả tang trong khi đi trốn...

Tại cuộc thẩm vấn của phiên tòa, trước những nhân chứng, vật chứng rõ ràng cụ thể, bọn chúng đã phải thú nhận những hoạt động đầy tội lỗi của chúng.

Thụy An đã thú nhận việc thường xuyên ra vào gặp gỡ tên ngoại kiều Duy-răng để báo cáo tình hình hoạt động. Thụy An đã tự vạch trần bộ mặt phản nước hại dân của thị, trong lời khai “Duy-răng đã giao cho tôi nhiệm vụ lũng đoạn tư tưởng phá hoại miền Bắc”. Câu tiếng Pháp, Thụy An đã khai trong bản cung là “pourrissement idéologique”, “pourrissement du terrain”. Đối với

nhệm vụ gián điệp mà Duy-răng giao cho, Thụy An khai: “Tôi làm việc đó một cách thích thú vì nó phù hợp với tư tưởng phản động của tôi”.

Trước vành móng ngựa, Nguyễn Hữu Đang cúi đầu thú tội: “Thực chất tư tưởng của tôi và những người theo tôi là phản động cho nên chúng tôi bàn nhau ra tờ *Nhân văn* để làm lợi khí chống đối, báo này do chính tôi giữ một vai trò chủ chốt”.

Tờ báo *Nhân văn* đã có một mục đích chính trị phản động rất rõ rệt. Tên Nguyễn Hữu Đang thú nhận: “Báo *Nhân văn* có tính chất chính trị ngay từ số 1”. “Mục đích của tờ báo là kích động quần chúng cùng với chúng tôi chống lại lãnh đạo”. “Để đạt mục đích ấy, – đây vẫn là lời của tên Đang – chúng tôi đã dùng lối bịa đặt, vu khống, xuyên tạc, các bài báo của chúng tôi không đúng sự thật, cứ viết bừa nói bừa, chuyện không nói có và nói toàn những vấn đề quan trọng để gây những tác hại lớn”.

Buổi chiều, Công tố ủy viên đã phân tích hoạt động phản quốc của bọn này trong mấy năm qua và bằng những dẫn chứng, tài liệu cụ thể vạch rõ hoạt động phá hoại của từng tên một. Nhận định về bọn gián điệp này, Công tố ủy viên nêu rõ: “Tất cả những hoạt động phá hoại của bọn bị can này đều nằm trong kế hoạch gián điệp, chiến tranh tâm lý của địch... Xét về hành động của bọn này, chúng ta thấy rõ, chúng đã lợi dụng tự do hội họp, tự do báo chí, lợi dụng các hình thức văn nghệ, ca kịch, điện ảnh, xuất bản, v.v... để vu khống xuyên tạc chế độ ta, nhằm chia rẽ khối đoàn kết dân tộc để cuối cùng thực hiện mục đích gây phiến loạn...”

Công tố ủy viên nhấn mạnh bằng những lời đanh thép: “... Vụ án mà tòa xét xử hôm nay là vụ án xử 5 tên gián điệp, phản cách mạng, phá hoại hiện hành hoạt động có tổ chức, thực hiện âm mưu của kẻ địch bên ngoài, tiến hành những hoạt động chiến tranh tâm lý đê hèn nhất, những hoạt động phá hoại thâm độc nhất để hòng cuối cùng lật đổ chế độ tốt đẹp của chúng ta ở miền Bắc”. “Vụ án Tòa xét xử hôm nay, là kết quả thắng lợi của một cuộc đấu tranh bền bỉ của nhân dân, của giới văn hóa và trí thức ta đã vạch trần bộ mặt gián điệp, phản cách mạng, hoạt động phá hoại hiện hành của các bị can Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Trần Thiếu Bảo, Phan Tại và Lê Nguyên Chí”.

Luật sư Đỗ Xuân Sảng bào chữa cho các bị can. Luật sư nêu rõ tội lỗi chung của từng bị can, đề nghị cụ thể áp dụng luật pháp với từng bị can và đề nghị tòa khoan hồng giảm nhẹ tội cho các bị can.

Các bị can phát biểu ý kiến cuối cùng, tất cả đều đã cúi đầu nhận tội và xin được hưởng mức án khoan hồng.

Sau khi vào phòng nghị án, căn cứ theo sắc lệnh số 133 ngày 20-1-1953, ông Chánh án đã tuyên án:

1/ Nguyễn Hữu Đang: 15 năm tù giam, 5 năm mất quyền công dân sau khi mãn hạn giam.

2/ Lưu Thị Yến tức Thụy An: 15 năm tù giam, 5 năm mất quyền công dân sau khi mãn hạn giam.

3/ Trần Thiếu Bảo tức Minh Đức: 10 năm tù giam, 5 năm mất quyền công dân sau khi mãn hạn giam.

4/ Phan Tại: 6 năm tù giam, 3 năm mất quyền công dân sau khi mãn hạn giam.

5/ Lê Nguyên Chí: 5 năm tù giam, 3 năm mất quyền công dân sau khi mãn hạn giam.

Trong 15 ngày, các bị can được quyền kháng cáo.

Các đại biểu nhân dân thủ đô dự phiên tòa này rất cảm phẫn trước âm mưu thâm độc của Mỹ – Diệm và hành động phản nước của bọn gián điệp và đã nhiệt liệt hoan nghênh bản án, hoan nghênh chính sách của Đảng và Chính phủ nghiêm trị những tên đầu sỏ và khoan hồng đối với những người bị lừa phỉnh, bị ép buộc lầm đường, đối với những người thật thà hối cải.

Khi tên trùm gián điệp cáo già Duy-răng giao nhiệm vụ cho tên gián điệp Thụy An: “Hãy phá thối đám đất văn nghệ của Việt Minh” thì hẳn đã hiểu rõ tất cả tầm quan trọng của vũ khí văn học nghệ thuật trong cuộc đấu tranh giai cấp một sống một chết giữa bọn đế quốc xâm lược và nhân dân Việt Nam.

Thụy An đã nhận nhiệm vụ một cách thích thú như thị đã thú nhận trước Tòa án: “Tôi đã nhận vì nó hợp với tư tưởng phản động của tôi”.

Tên Duy-răng bảo Thụy An: “Chị hãy đứng về phía đối lập” (Tenez-vous dans l’opposition).

Thụy An lại hỏi quan thầy: “Tôi làm việc này chỉ một mình thôi ư?” Duy-răng trả lời không ngần ngại: “Không phải chỉ là một mình chị. Chị sẽ tìm thấy bạn đồng đội của chị trên việc làm của họ”. Câu nói của tên trùm gián điệp một mặt nói lên lối làm việc thông thường của bọn gián điệp tìm hiểu nhau trong những hoạt động phá hoại; mặt khác nó cũng nói lên rằng sự tập hợp lực lượng chỉ có thể tiến hành trên một lập trường giai cấp nhất định. Những ai giống nhau thì tập hợp lại với nhau. Ấu đó cũng là một định luật: trâu tìm trâu, chó tìm chó, cái định luật này đã tập hợp bọn Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Phan Tại v.v... thành một nhóm. Đó là những phần tử thù địch của nhân dân, của cách mạng, chúng hoạt động chống Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, chống sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Đó là những phần tử mà bọn Ngô Đình Diệm gọi là “những bạn đồng minh cũ và những bạn đồng minh mới” của chúng ở trên đất Bắc.

Từ năm 1956, nhân lúc trong nước và ngoài nước xảy ra những sự kiện không có lợi cho cách mạng (phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất ở miền Bắc, phát hiện tệ sùng bái cá nhân ở Liên Xô, vụ bạo loạn phản cách mạng nổ ra ở Hung-ga-ri...) bọn phá hoại đủ màu đủ sắc cho rằng thời cơ của chúng đã đến, chúng bèn ra mặt hoạt động điên cuồng. Trong lớp nghiên cứu đường lối văn nghệ do Hội Văn nghệ mở tháng 8-1956, những phần tử bất mãn và phản động được bọn gián điệp khuyến khích đã tụ tập nhau lại thành một nhóm hoạt động chống phá.

Nguyễn Hữu Đang là tên đầu tiên phát cờ phản cách mạng chỉ huy bọn đầu trâu mặt ngựa hoạt động chống Đảng, chống chế độ. Nguyễn Hữu Đang đã cung khai trước Viện công tố: “Trong lớp nghiên cứu này tôi đã gây hoài nghi đối với sự lãnh đạo của Đảng, tôi đã cổ động cho những xu hướng phản tiến bộ, trái với nguyên tắc văn học cách mạng”.

Bọn Thụy An và Nguyễn Hữu Đang thường tuyên bố gian dối rằng chúng chỉ làm văn nghệ chứ không làm chính trị. Nhưng chúng không lừa dối được ai. Từ khi báo *Nhân văn* ra đời (20-9-1956) đến khi báo đó bị đóng cửa, không có số nào là báo đó không đã kích vào chế độ mới ở miền Bắc của chúng ta. Chính Nguyễn Hữu Đang cũng đã thú nhận trước Tòa án nhân dân Hà Nội: “Từ báo *Nhân văn* có mục đích chính trị ngay từ số đầu”. Lời nói này, tự nó, đã bóc trần sự gian dối của luận điệu bọn Nguyễn Hữu Đang về tính chất phi chính trị của văn nghệ. Vậy mục đích chính trị của bọn Nguyễn Hữu Đang là gì? Ta hãy nghe Nguyễn Hữu Đang khai: “Mục đích của chúng tôi chỉ là đả kích, cho nên chúng tôi cứ viết bừa, chuyện không nói có, chuyện cá biệt nói thành phổ biến, chuyện cá nhân nói thành chuyện một ngành, một cơ quan”. Nguyễn Hữu Đang thú nhận: “Tư tưởng của chúng tôi là phản động nên chúng tôi ra tờ báo *Nhân văn* để chống đối lãnh đạo, kích động quần chúng làm áp lực đấu tranh”. Ngoài báo *Nhân văn*, Nguyễn Hữu Đang còn dùng nhà xuất bản Minh Đức làm một công cụ để chống cách mạng. Y cung khai: “Tôi đã biến nhà xuất bản Minh Đức thành một công cụ chống lãnh đạo”. Nhưng chúng ta chớ vội tưởng rằng tên Trần Thiếu Bảo, chủ nhà xuất bản Minh Đức chỉ đi theo Nguyễn Hữu Đang một cách bị động. Tên tư sản phản động này có chủ ý của nó. Việc chống phá chế độ của tên này không chỉ bộc lộ tính chất phản động của nó, mà còn là một thủ đoạn của nó để đầu cơ trục lợi. Nguyễn Hữu Đang, quân sư quạu mo của Minh Đức, cùng chia tiền lãi với Minh Đức, đã khai: “Minh Đức hăm hở in sách đấu tranh chống lãnh đạo để đầu cơ có lợi nhiều cho nó, cho nên nó có chủ trương của nó”. Chính tên Trần Thiếu Bảo đã từng trâng tráo tuyên bố với một số sinh viên xấu chạy theo làm bồi bút cho nó: “Bài nào không đả kích vào chế độ thì sẽ không được đăng”.

Bọn Nguyễn Hữu Đang – Thụy An truyền bá những quan điểm chính trị phản động, những quan điểm văn nghệ phản động để làm cho “tư tưởng miền Bắc bị thối nát”, “xã hội miền Bắc bị thối nát” như kế hoạch của bọn trùm gián điệp nước ngoài đã vạch ra. Chúng hoạt động chia rẽ, ly gián. Chúng kích động nhân dân chống lại Chính phủ. Trên báo chí của chúng cũng như trong sự tuyên truyền bằng miệng hằng ngày, chúng không ngớt đả kích Đảng ta và chế độ ta từ việc to đến việc nhỏ. Ví dụ chúng đả kích mậu dịch quốc doanh một cách thâm độc. Ta hãy

nghe bọn Ngô Đình Diệm ở miền Nam bộc lộ: Trong cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* xuất bản ở Sài Gòn (1959) in lại phần lớn thơ văn của bọn Nhân văn – Giai phẩm có viết những đoạn như sau: “Công kích mậu dịch thì vừa lôi kéo được thành phần công thương, vừa hái được sự đồng tình của quảng đại quần chúng.... Đánh vào mậu dịch là giáng một đòn vào nền kinh tế xã hội chủ nghĩa... Nên đối với những nhà văn chống Đảng, mậu dịch phải là một phòng tuyến cần phá vỡ trước tiên”.

Bọn Nguyễn Hữu Đang đòi phải để cho chúng được “tự do sáng tác”, chúng đòi để cho “trăm hoa đua nở” là để cho chúng được tự do hoạt động chống phá chế độ. Nguyễn Hữu Đang đã từng nói với bè lũ: “Ra báo thì phải ra hàng loạt, tờ này bị đóng cửa còn tờ khác, báo chí chống đối ra càng nhiều thì càng gây khó khăn cho Chính phủ”. “Gây khó khăn cho Chính phủ” theo ý bọn Nguyễn Hữu Đang nhằm mục đích gì? Nguyễn Hữu Đang đã thú nhận trước Viện công tố: “Đã tâm của tôi là mong muốn có một sự thay đổi lớn”. “Sự thay đổi lớn” này bọn Nguyễn Hữu Đang không dám nói thẳng ra thì đã có bọn Ngô Đình Diệm nói thay cho chúng. Bọn Ngô Đình Diệm gọi đó là “cuộc đảo chính”. Sau khi báo *Nhân văn* bị đóng cửa, tên trùm Đuy-răng đã nói với tên gián điệp Thụy An rằng “dư luận Sài Gòn cho đó là một cuộc đảo chính bị đập tan” (un coup d’ état blanc rasé). Nhằm đạt tới “một sự thay đổi lớn”, trong số 6 của báo *Nhân văn*, Nguyễn Hữu Đang và bè lũ đã viết bài có tính chất hô hào biểu tình phiến loạn. Đang đã thú nhận: “Tôi mong muốn có biểu tình, mà biểu tình đây không phải là để hoan hô Chính phủ, cũng không phải là để phản đối đế quốc”. Trần Duy đã khai: “Chúng tôi cứ tưởng rằng số 6 báo *Nhân văn* ra được thì bọn gián điệp sẽ ngóc đầu dậy, bọn chiến tranh tâm lý sẽ có đất hoạt động, bọn sinh viên học sinh trẻ tuổi khờ khạo sẽ bị giật dây, và sẽ có biểu tình.... xuống đường, súng nổ... đánh nhau và tiếp đó là những mưu đồ lật đổ... nhảy lên làm lãnh tụ”. Chính quyền ta đã kịp thời chặn bàn tay đầy tội ác của chúng: số báo đó đã bị tịch thu và báo *Nhân văn* bị đình bản. Nói về việc này Nguyễn Hữu Đang đã phải thừa nhận trước Viện công tố: “Nếu Chính phủ không kịp thời ngăn chặn thì chúng tôi còn mang tội nặng hơn nữa đối với nhân dân”.

Để phục vụ cho âm mưu chính trị phản động của chúng, bọn Nguyễn Hữu Đang, Thụy An đã dùng một thứ văn nghệ phản động. Chúng tung những cuốn sách văn nghệ phản động nước ngoài ra để đầu độc trí thức, văn nghệ sĩ. Những cuốn *Từ số không đến vô tận*, *Giờ thứ 25*, *Chủ nghĩa xã hội Nam Tư*, v.v... được lén lút chuyển tay từ người này qua người khác. Bọn Nhân văn – Giai phẩm còn tung ra một loạt “tác phẩm” để minh họa cho “chính sách” phản động của chúng. Phan Tại viết và diễn một loạt kịch *Ghé chợ gùi*, *Bù nhìn bắp cải*, *Hai con chuột* để tuyên truyền cho nếp sống đòi trụ, đề cao thế lực đồng tiền, dùng danh từ mập mờ trên sân khấu để đả kích kháng chiến, khuyến khích người bỏ trốn đi Nam. Trần Duy viết *Những người khổng lồ*, *Tiếng sáo tiền kiếp* để đả kích những người cộng sản, tuyên truyền cho thứ nghệ thuật đòi trụ, nuối tiếc thời nô lệ. Thụy An viết *Thiếu úy Nguyễn Lâm tông quân*, *Trên bàn mổ* để phục vụ bọn đế quốc, ca tụng bọn Việt gian bán nước, đả kích sự lãnh đạo của Đảng. Chúng sáng tác với một dụng ý rất thâm độc. Thụy An thú nhận trước Viện công tố: “Tôi viết truyện *Thiếu úy Nguyễn Lâm tông quân* để nói rằng trong tên Việt gian bán nước cũng có con người. Tôi viết truyện *Trên bàn mổ* để nói lên là chuyên môn không phụ thuộc vào chính trị”. Những lời thú nhận đó càng xác nhận một lần nữa rằng bọn Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Phan Tại đã dùng vũ khí văn nghệ để hoạt động phản cách mạng.

Bọn phản động trong nhóm Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Phan Tại đều sống một cuộc đời bê tha trụy lạc. Chúng sống trên mồ hôi nước mắt và xương máu của nhân dân. Nhưng nếu có ai can ngăn chúng thì chúng kêu âm lên là người ta phạm đến quyền tự do của chúng. Bọn chúng có nhiều hành động có hại cho Tổ quốc cho nhân dân. Nhân dân nhiều lần đấu tranh phản đối chúng. Thái độ của Đảng ta, của Chính phủ ta, đối với chúng là một thái độ rất khoan hồng. Mặc dù chúng đã phạm nhiều sai lầm, Đảng và Chính phủ vẫn một mực kiên trì giáo dục chúng, mong sao chúng hối cải trở về hàng ngũ của nhân dân. Sau khi đóng cửa báo *Nhân văn*, chính quyền ta tha không truy tố bọn chúng trước tòa án về những tội trạng của chúng. Đảng và Chính phủ lại mở những lớp cho chúng học tập để tự cải tạo. Nhưng một số trong bọn chúng là

những tên phản động ngoan cố đi theo con đường phản cách mạng đến cùng. Sau khi báo *Nhân văn* bị đóng cửa, chúng thay đổi phương thức hoạt động. Chúng còn lén lút tụ tập nhau bàn định kế hoạch, chia nhau chui vào các đoàn thể văn học nghệ thuật, các cơ quan báo chí, xuất bản văn nghệ để lũng đoạn, phá hoại. Chúng xướng lên thuyết “ở đâu được sống phè phỡn thì ở đó là tổ quốc”. Chúng rủ nhau đi tìm nơi có thể “sống phè phỡn”. Chúng cùng nhau bàn kế hoạch “vù”, tức là trốn đi Nam. Nguyễn Hữu Đang bàn với tên Lê Nguyên Chí tổ chức trốn vào Nam. Lê Nguyên Chí trước kia đã từng làm thanh tra chính trị của ngụy quyền. Nhưng những hành động tội ác của Nguyễn Hữu Đang và Lê Nguyên Chí không thể che mắt được nhân dân. Nhờ sự giúp đỡ của nhân dân, ngày 10-4-1958, công an đã bắt được quả tang bọn Nguyễn Hữu Đang, Lê Nguyên Chí trên con đường trốn đi Nam. Thế là kế hoạch “vù hàng loạt” của bọn gián điệp, phản cách mạng bị phá vỡ, bọn Thụy An, Phan Tại, Trần Thiều Bảo lần lượt bị bắt giữ.

Lý lịch bọn gián điệp và phản cách mạng bị đưa ra xử tại Tòa án nhân dân Hà Nội ngày 19-1-1960 như thế nào? Chắc có nhiều bạn muốn biết.

Đó là tên Nguyễn Hữu Đang, một tên phản bội, đầu cơ chính trị. Nó đã từng chui vào hàng ngũ cách mạng để lợi dụng cách mạng. Trong kháng chiến nó chạy dài, liên lạc với bọn phản cách mạng, tung ra luận điệu xuyên tạc kháng chiến, nói xấu Chính phủ ta và Đảng ta. Hòa bình được lập lại, nó trở về thủ đô, tiếp tục câu kết với bọn phản cách mạng, bọn gián điệp để hoạt động phá hoại, nó đã thú nhận là tư tưởng và hành động vô chính phủ và phản cách mạng của nó đã có từ lâu.

Đó là tên Phan Tại, một tên đầu hàng địch trong kháng chiến trở về vùng tạm chiếm làm tay sai cho địch. Nó đã từng làm việc trong các cơ quan tác động tinh thần của Pháp – Mỹ ở Hà Nội và Sài Gòn.

Đó là tên Trần Thiều Bảo, chủ nhà xuất bản Minh Đức, một tên tư sản phản động, tự tách mình ra khỏi hàng ngũ của giai cấp tư sản dân tộc, hoạt động chống lại dân tộc, chống lại nhân dân. Hòa bình lập lại, nó câu kết với bọn mật thám cũ, bọn tờ-rốt-kít để hoạt động phá hoại. Nó tập hợp những phần tử xấu trong giai cấp tư sản để hoạt động đầu cơ tích trữ và chống lại kinh tế quốc doanh. Nó đã ăn cắp tài sản của Nhà nước bằng cách khai man để ăn cắp giấy, in sách báo ra bán theo giá đầu cơ quấy rối thị trường. Nó in sách xấu ra để đầu độc nhân dân, kích động nhân dân chống lại chế độ.

Đó là tên Thụy An tức Lưu Thị Yến, một tên gián điệp chuyên nghề. Trước cách mạng tháng Tám nó đã từng làm mật thám phá hoại cách mạng. Trong kháng chiến nó làm tay sai cho giặc, được giặc tin dùng và cho giữ chức phó giám đốc “Việt tấn xã”, một cơ quan tác động tinh thần của địch. Nó tuyên truyền phá hoại kháng chiến. Nó đã từng cùng bọn tướng Pháp đi quan sát mặt trận lấy tin tức về viết bài nói xấu kháng chiến và ca ngợi bọn tướng giặc Đờ-lát đờ Tát-xi-nhi và Cô-nhi. Nó liên lạc với những tên trùm gián điệp như Cút-xô, A-lờ-măng, Duy-răng và những tên bù nhìn bán nước đầu sỏ để chống lại kháng chiến.

Thụy An đã thú nhận trước Viện công tố là khi hòa bình được lập lại, trong khi quân giặc còn đóng ở khu tập kết 300 ngày, nó đã nhiều lần xuống Hải Phòng bắt liên lạc với tên Quang, trùm Việt Nam Quốc dân đảng phản động ở Nam ra tổ chức các cơ sở gián điệp và đảng phái phản động cài lại để phá hoại miền Bắc. Tên Quang đã giao nhiệm vụ cho Thụy An. Sau khi nhận nhiệm vụ, Thụy An đã liên lạc với Duy-răng, một tên gián điệp cáo già mà y đã quen biết từ trước. Duy-răng đã bày kế hoạch cho Thụy An lấy tin tức và hoạt động phá hoại. Cũng như những tên Phan Năm, Nguyễn Quang Hải, Trần Minh Châu tức Cập...., Thụy An chính là một tên gián điệp do địch cài lại để phá hoại miền Bắc. Đúng như vị đại biểu Viện công tố Hà Nội đã nói trong phiên tòa ngày 19-1-1960 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội: “Vụ án mà Tòa xét xử hôm nay là vụ xét xử năm tên gián điệp, phản cách mạng, phá hoại hiện hành, hoạt động có tổ chức, thực hiện âm mưu của kẻ địch bên ngoài, tiến hành những hoạt động chiến tranh tâm lý đê hèn nhất, những hoạt động phá hoại thâm độc nhất, *đềhông cuối cùng lật đổ chế độ tốt đẹp của chúng ta ở miền Bắc*”.

Vì sao bọn đế quốc và tay sai phải dùng đến những thủ đoạn bỉ ổi như “phá thối”, “tác động tinh thần”, “chiến tranh tâm lý”? Đó là vì chúng yếu, chúng không có nhân dân làm hậu thuẫn. Ta hãy nghe tên trùm gián điệp Duy-răng bảo Thụy An: “Sức mạnh của Việt Minh là ở lòng tin của nhân dân, phải làm yếu lòng tin đó”. Tên cáo già thực dân đã nói đúng khi nó bảo rằng sức mạnh của chúng ta là ở lòng tin của nhân dân. Nhưng nó đã làm to khi nó nghĩ rằng thủ đoạn “chiến tranh tâm lý” của nó có thể làm yếu được lòng tin đó. Do kinh nghiệm của bản thân, nhân dân ta hiểu rằng chỉ có Đảng ta mới có thể lãnh đạo họ đấu tranh để tự giải phóng. Nhân dân một lòng một dạ tin tưởng ở Đảng. Được rèn luyện trong cách mạng và kháng chiến, nhân dân ta đã có trình độ giác ngộ chính trị cao. Những thủ đoạn “tác động tinh thần” của bọn đế quốc và tay sai không thể nào lung lạc được tinh thần của nhân dân ta. Âm mưu phá hoại của Nguyễn Hữu Đang, Thụy An bị đập tan một lần nữa chứng tỏ rằng kế hoạch “chiến tranh tâm lý” của bọn đế quốc đối với nhân dân ta đã bị phá sản.

Đảng ta và Chính phủ ta từ trước đến nay tỏ ra có một thái độ rất khoan hồng đối với những người mắc sai lầm. Nhưng Đảng ta và Chính phủ ta kiên quyết bảo vệ lợi ích của nhân dân, của tổ quốc, và kiên quyết trừng trị bọn phản cách mạng làm tay sai cho giặc, phản bội tổ quốc, phản bội nhân dân, đúng theo pháp luật của Nhà nước. Thế theo tinh thần đó của Đảng và Chính phủ, Viện công tố Hà Nội đã đề nghị và tòa án nhân dân Hà Nội đã xét xử bọn gián điệp phản cách mạng Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Phan Tại, Trần Thiều Bảo, Lê Nguyên Chí.⁽¹⁾

Một số phần tử khác đã từng đồng mưu và cộng tác với bọn Nguyễn Hữu Đang, tội nhẹ hơn, đều được hưởng lượng khoan hồng của Đảng và Chính phủ, không bị truy tố trước tòa án, lại được Đảng và Chính phủ giúp đỡ cho học tập để tự cải tạo thành những người công dân lương thiện.

Việc xét xử những tên gián điệp phản cách mạng Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Phan Tại, Trần Thiều Bảo, Lê Nguyên Chí trước tòa án biểu thị ý chí không gì lay chuyển được của nhân dân ta là kiên quyết đập tan mọi âm mưu phá hoại của địch, bảo vệ thành quả của cách mạng, kiên quyết xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

HỒNG CHƯƠNG

⁽¹⁾ Trong phiên tòa ngày 19-1-1960, Tòa án nhân dân Hà Nội đã xử phạt Nguyễn Hữu Đang 15 năm tù, 5 năm mất quyền công dân; Thụy An 15 năm tù, 5 năm mất quyền công dân; Trần Thiều Bảo 10 năm tù, 5 năm mất quyền công dân; Phan Tại 6 năm tù, 3 năm mất quyền công dân; Lê Nguyên Chí 5 năm tù, 3 năm mất quyền công dân. (nguyên chú của Hồng Chương)

Nguyễn Vinh

Nguồn: *Thủ đô Hà Nội*, Hà Nội, 21/01/1960 (số 382) tr. 4.